

NĂM THỨ
81

15/4/2026
Số 27 (2482)

Điện thoại nóng
0866 594 498

Công Thương

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
Diễn đàn của giới công thương Việt Nam

www.congthuong.vn

51
năm

**GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2026)**



**NỀN TẢNG VỮNG CHẮC,
TẠO BỨT PHÁ MỚI**

BIDV 

Tự hào  **69** NĂM

**PHÁT TRIỂN
CÙNG ĐẤT NƯỚC**

26/4/1957 - 26/4/2026



Vững bước Tiên phong - Đồng hành Phát triển

 1900 9247  bidv.com.vn  [BIDVbankvietnam](https://www.facebook.com/BIDVbankvietnam)

Năm 2026, kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), âm hưởng của bản hùng ca bất tử vẫn vang vọng trong từng bước chuyển mình của đất nước. Từ chiến thắng lịch sử mang tầm vóc thời đại đến những thành tựu kinh tế - xã hội vượt bậc và các quyết sách đổi mới mạnh mẽ, Việt Nam đang chủ động, tự tin viết tiếp thiên anh hùng ca bằng khát vọng phát triển hùng cường, hội nhập sâu rộng và bền vững.

➤ NGUYỄN VŨ



Bản hùng ca chân lý thời đại

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, Chiến thắng 30/4/1975 không chỉ khép lại cuộc kháng chiến trường kỳ chống Mỹ, cứu nước mà còn mở ra kỷ nguyên độc lập, thống nhất, khẳng định ý chí, trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam.

Hành trình đi đến ngày toàn thắng là kết tinh của những quyết sách chiến lược đúng đắn, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, đất nước tạm thời chia cắt, Đảng ta đã xác định rõ con đường cách mạng: xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng thời lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh giải phóng bằng sức mạnh quần chúng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Các phong trào Đồng khởi, Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cùng chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 đã tạo bước ngoặt, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris năm 1973. Đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử tháng 4/1975 - cuộc tổng tiến công thần tốc, táo bạo, kết thúc bằng thời khắc thiêng liêng 11h30 ngày 30/4/1975, khi là cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

Có thể khẳng định, Chiến thắng 30/4 sẽ mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là thắng lợi của chính nghĩa, thắng lợi của bản lĩnh, khí phách và trí tuệ Việt Nam; của lòng yêu nước nồng nàn, khát vọng độc lập, tự do và thống nhất non sông, với chân lý “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”. Chiến thắng cũng là dấu mốc khẳng định toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã hiện thực được mong muốn và lời căn dặn thiết tha nhất của Bác Hồ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn



Một góc TP. Hồ Chí Minh

miền Nam, thống nhất đất nước, Bắc - Nam sum họp một nhà.

Chiến thắng 30/4 cũng trở thành chân lý thời đại: một dân tộc dù nhỏ bé nhưng với đường lối đúng đắn và sức mạnh đoàn kết sẽ không thể lực nào khuất phục được. Đó chính là bản hùng ca bất tử, nguồn sức mạnh tinh thần to lớn tiếp tục soi đường cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hôm nay và mai sau.

Những kỳ tích mang tên Việt Nam

Sau ngày thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam từng bước vượt qua hậu quả nặng nề của chiến tranh, thực hiện hành trình phát triển được đánh giá là “kỳ tích”. Từ một nền kinh tế kiệt quệ, GDP rất thấp, hạ tầng bị tàn phá, đến năm 2025, quy mô GDP đã vượt 514 tỷ USD, đưa Việt Nam đứng thứ 32 thế giới và thứ 4 trong ASEAN.

Tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức cao trong nhiều năm; riêng năm 2025 đạt trên 8% và hướng tới tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030. Việt Nam hiện

Chiến thắng 30/4/1975 không chỉ là kỳ ức lịch sử mà còn là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn để toàn Đảng, toàn dân tiếp tục xây dựng đất nước phát triển nhanh và bền vững. Phát huy tinh thần đại đoàn kết, đổi mới và sáng tạo, Việt Nam đang hiện thực hóa khát vọng “sánh vai cùng các cường quốc năm châu”, viết tiếp bản hùng ca bất tử trong thời đại mới.

thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài.

Sau năm 1975, cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp lạc hậu sang công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong GDP; các ngành mũi nhọn như điện tử, chế biến chế tạo, năng lượng, logistics phát triển nhanh. Việt Nam dần trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu từ mức vài tỷ USD đã tăng lên hơn 930 tỷ USD vào năm 2025, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia thương mại lớn. Các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA, RCEP đã giúp mở rộng thị trường,

thúc đẩy hội nhập sâu rộng. Đời sống xã hội có bước cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ trên 60% năm 1986 xuống còn khoảng 1,3% năm 2025. Bảo hiểm y tế bao phủ 95,16% dân số, chỉ số phát triển con người không ngừng nâng cao. Hạ tầng giao thông, đô thị, năng lượng và hạ tầng số được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng cho phát triển dài hạn.

Vị thế quốc tế ngày càng được củng cố. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 195 quốc gia, tham gia sâu rộng vào các tổ chức và diễn đàn quốc tế, trở thành đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Những thành tựu ấy không chỉ là con số ấn tượng mà còn là minh chứng cho sức mạnh của đường

lối đổi mới và khát vọng vươn lên của dân tộc - tiếp nối bản hùng ca bất tử bằng những “chiến công” trong thời bình.

Đổi mới tư duy, tự tin phát triển

Bước vào giai đoạn phát triển mới, Việt Nam chủ động kiến tạo tương lai bằng các quyết sách chiến lược mang tính đột phá, thể hiện rõ trong Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết gần đây.

Trọng tâm là đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, tháo gỡ các “điểm nghẽn” thể chế. Hệ thống chính sách, pháp luật tiếp tục được hoàn thiện nhằm khơi thông và phát huy hiệu quả các nguồn lực. Đồng thời, cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy được triển khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, gắn phân cấp, phân quyền với trách nhiệm giải trình.

Việt Nam xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực tăng trưởng mới. Kinh tế số, xã hội số, chính phủ số đang được thúc đẩy mạnh mẽ, góp phần nâng cao năng suất và sức cạnh tranh quốc gia. Đồng thời, kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, mở ra không gian rộng lớn cho sáng tạo và phát triển.

Tất cả những chủ trương trên đều hướng tới mục tiêu: Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; Phát triển nhanh, bền vững đất nước; Cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; Tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; Thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. ■

Cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc ta đã kết tinh thành nhiều biểu tượng văn hóa có sức chiếu sáng mạnh mẽ, nói như nhà thơ Chế Lan Viên, “nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường”. Một trong những biểu tượng như vậy là địa danh Trường Sơn.



Trường Sơn

Một biểu tượng văn hóa!

► Đại tá, PGS.TS NGUYỄN THANH TỬ

Một điều dễ lý giải, Trường Sơn hùng vĩ gắn liền với cuộc chiến tranh: Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước! Mələng phơi phới dấy tương lai (Tố Hữu). Có thể viết từ cảm hứng trực tiếp, là những người lính từng sống, chiến đấu ở Trường Sơn. Sau năm 1975, hầu hết những người lính thời chống Mỹ đều có kỷ niệm với Trường Sơn. Cảm hứng về một thời đánh giặc hôm qua, cộng hưởng với không khí đổi mới văn học, những thành tựu kinh tế - xã hội... đã giúp các tác giả có góc nhìn mới, khám phá mới mẻ về hình tượng.

Trong nhiều trang thơ kháng chiến chống Mỹ, từ điểm tựa nghệ thuật dài Trường Sơn đã tuôn chảy ra bao dòng suối ý nghĩa mang tính thời đại. Hẳn nhiên điểm tựa ấy cũng là một hình tượng cơ bản của thơ. Ngoài một Trường Sơn hùng vĩ của không gian vật lý, một Trường Sơn lịch sử của thế cộng đồng, còn một Trường Sơn khác trong tâm thức cá nhân. Các nhà thơ thường mượn hình tượng Trường Sơn để neo giữ tình cảm, tâm trạng. Là tình yêu trai gái trong nỗi nhớ: “Anh lên xe trời đổ cơn mưa! Cái gạt nước xưa đi nỗi nhớ/ Em xuống núi nắng về rục rịch/ Cái nhành cây gạt mỗi riêng tu” (Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây - Phạm Tiến Duật). Là khát khao trao gửi: “Trường Sơn Đông/ Trường Sơn Tây/ Bên nắng đốt/ Bên mưa quây/ Em dang tay/ Em xoè tay/ Chẳng thể nào/ Xua tan mây/ Chẳng thể nào/ Che anh được...” (Sợi nhớ sợi thương

- Thúy Bắc). Là thử thách bản lĩnh: “Trường Sơn đông nắng tây mưa/ Ai chưa đến đó như chưa rõ mình” (Nước non ngàn dặm - Tố Hữu)...

Không chỉ thơ, còn là nhạc. Như những cánh chim, từ đỉnh Trường Sơn, nhiều nhạc phẩm tung cánh bay cao vào bầu trời tự do, cất tiếng hát về khát vọng. Những ca khúc sống mãi với thời gian ra đời như một tất yếu. Bước chân trên đỉnh Trường Sơn (nhạc Vũ Trọng Hối, thơ Đăng Thục) mạnh mẽ một niềm tin: “Ta vượt trên triền núi cao Trường Sơn/ Đá mòn mà đôi gót không mòn”. Trên đỉnh Trường Sơn ta hát của Huy Du vút cao nốt nhạc lạc quan vào chiến thắng: “Này Trường Sơn ơi... Từng ngày từng tháng/ Là từng bài ca/ Tiếng hát cùng ta/ Vượt qua gian khổ”. Bài ca Trường Sơn (nhạc Trần Chung, thơ Gia Dũng) phơi phơi niềm vui: “Đêm nay ta đi Trường Sơn/ Lòng gió/ Trời vắng trăng sao/ Nhung tìm ta rục lúa/ Đi ta đi tung cánh đại bàng”... Lấy tấm thân cường tráng, khỏe mạnh đưa hàng vạn, hàng triệu lượt người con ưu tú từ miền Bắc vào Nam chiến đấu giành độc lập, Trường Sơn sản sinh ra một đội ngũ văn nghệ sĩ, với: Phạm Tiến Duật, Lê Lựu, Lê Minh Khuê, Khuất Quang Thụy, Phạm Hoa, Nguyễn Thụy Kha... (văn, thơ); Huy Du, Huy Thục, Vũ Trọng Hối, Trọng Loan, Tân Huyền, Hoàng Hiệp, Trần Chung, Nguyễn Nhung... (âm nhạc)... Trường Sơn đã trở thành biểu tượng cho ý chí, nghị lực, tình yêu mà những ai sống, gắn bó với Trường Sơn càng thêm cơ hội có tác phẩm hay.

Cuối năm 1974, nhà thơ Nguyễn Đình Thi đi thực tế chiến trường, gặp những cô gái thanh niên xung phong đang mở đường vẫy chào đoàn quân đi vào tiền tuyến. Xúc động dâng trào, nhà thơ viết một mạch bài thơ Lá đỏ. Tác phẩm được công bố, chỉ sau một thời gian ngắn, nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ thành bài hát, câu chữ thêm bớt không đáng kể. Được nhạc chấp theo cánh, thi phẩm bay vào tâm hồn người đọc, người nghe, đọng lại trong trái tim một tình yêu thiết tha về đất nước, quê hương, tình đồng đội, đồng chí và niềm tin tất thắng. Nhip điệu bài thơ là sự mô phỏng nhịp bước hành quân của người lính đi đến ngày tháng lợi. Cả bài 9 câu thơ, có 8 câu ở thể lục ngôn tạo ra nhịp điệu dồn dập, chắc khỏe, âm vang, dư ba. Riêng câu “Em đứng bên đường như cô hương”, như một “điểm nhấn nghệ thuật”, có 7 chữ cấu trúc theo lối so sánh, dồn tụ vào đó linh hồn của bài thơ: “Em” là hiện thân của quê hương cùng ra trận. Chỉ riêng câu thơ này cũng phần nào cho thấy đây là cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, tổng hợp sức mạnh của dân tộc, của lịch sử, của quê hương, đất nước. Đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa, tất thắng!

Thi phẩm là sự kiến tạo theo lối đối lập giữa con người và sự ác liệt để tôn lên hình tượng “em gái tiên phong” như đang vươn lên, vượt lên trên cả không gian chiến tranh (nhòa trời lửa). Không chỉ là niềm lạc quan, còn thể hiện tư thế người Việt Nam thách thức với bom đạn của kẻ thù giàu có, hung ác nhất thế giới lúc bấy giờ.

Với hình tượng “Em vẫy cười đôi mắt trong”, nhà thơ đã tạc vào không gian một biểu tượng văn hóa Việt Nam: Niềm tin, đạo lý, lẽ phải Việt Nam! Không chỉ tỏa sáng toàn bài, hình tượng còn tỏa sáng cả thời đại làm rạng ngời lên chân lý: Việt Nam chiến thắng!

Khi đạt đến một trình độ kết tinh cao, tác phẩm văn chương sẽ trở thành tiếng nói của thời đại, lịch sử. Được đọc những bài thơ như vậy, độc giả đã dự cảm được một chiến thắng vĩ đại, đang tới rất gần!

Cảm hứng lịch sử, dân tộc, cộng đồng, cụ thể là cảm hứng về cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại thời chống Pháp và Mỹ, với những chiến thắng oanh liệt, những mất mát tổn thất chi phối toàn bộ âm hưởng thế giới trường ca sử thi sau 1975. Điều dễ nhận thấy, các địa danh lịch sử được nhiều tác giả quan tâm, trong đó địa danh Trường Sơn xuất hiện ở hầu hết các thi phẩm. Có nhiều trường ca chỉ tập trung viết về hình tượng này, như Trường ca Trường Sơn của Nguyễn Anh Nông, Vạn lý Trường Sơn của Nguyễn Hữu Quý, Hành quân Trường Sơn của Nguyễn Minh Khang...

Trường ca viết về Trường Sơn sau 1975, có đặc điểm lấy Trường Sơn của ngày hôm qua, để phân tích, khám phá con người hôm nay. Như trong Metro của Thanh Thảo: “Mẹ ơi con người ta nhỏ bé lắm/ Ba tháng trên Trường Sơn mới được húp bát canh rau muống đã đổi mẹ ơi nhu cầu thường đơn giản/ bây giờ thỉnh thoảng/ con nghĩ không biết mình thêm cái gì/ hạnh phúc có

khil là được thêm nhiều thứ rất vô vấn”. Hoặc lấy hình tượng này làm điểm tựa để nói tới một hy sinh vĩ đại - một Trường Sơn khác: “Còn một Trường Sơn khác/ bấy giờ anh chưa biết/ một Trường Sơn khốc liệt/ những đêm khuya vô vô một mình/ một Trường Sơn lặn vào nỗi nhớ mùi mồ hôi đã tái/ một Trường Sơn u uất/ trắng toát thời con gái” (Metro - Thanh Thảo). Đây là sự hy sinh vô cùng lớn lao của người phụ nữ, có thể đã già cả tuổi trẻ đẹp nhất của mình ở Trường Sơn, để rồi hôm nay tuổi đã ngả về chiều, ngẩn ngơ tiếc nhớ, nhìn về Trường Sơn để dò tìm một thời quá vàng. Cũng rất có thể, người phụ nữ có người yêu, người chồng ngã xuống trên dải Trường Sơn. Cứ ở vậy, rồi hóa đá thành một nàng “vọng phu”. Nàng vọng phu trong truyền thuyết nông công, còn có đưa con an ủi. Rất nhiều nàng “vọng phu” ngày nay ngắm chông trong nỗi loi đời chết...

Trường Sơn hóa thân vào con người. Lại có cả con người hóa thân vào Trường Sơn. Nguyễn Hữu Quý có những câu thơ cảm động về những cái chết đã hóa thân vào đất nước để làm rạng ngời nước non này: “Mười nghìn bát hương/ Mười nghìn ngôi sao chày/ Mười nghìn tiếng chuông ngân trong im lặng/ Mười nghìn trái tim neo ở đầu nguồn/ Mười nghìn Trường Sơn trong một Trường Sơn/ Mười nghìn lời ca trong bài ca lớn...” (Những hồi chuông máu đỏ). Có một dải Trường Sơn thật ngoài đời, thì cũng có một dải Trường Sơn hình tượng trong trường ca. ■

Ông Huỳnh Văn Tiểng kể lại: "Đầu xuân 1961, Phó Thủ tướng Phạm Hùng (sau này là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) có buổi làm việc với ba nhà hoạt động văn hóa - nghệ thuật nổi tiếng ở Nam Bộ trước đây là Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ để gợi ý cho ba ông sáng tác một bài hát cho Mặt trận Giải phóng miền Nam - coi như quốc ca cho Chính phủ cộng hòa miền Nam sau khi thành lập. Yêu cầu bài hát mang tính chất phổ thông, dễ hát, dễ thuộc lời, nội dung cơ bản là diệt Mỹ, đánh đổ ngụy quyền, tiến tới thống nhất đất nước, Nam - Bắc chung một nhà".

Sau khi ra về, hàng ngày, bộ tam: Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiểng thường gặp nhau trao đổi làm thế nào thể hiện được ý đồ đó bằng nhạc, bằng lời cụ thể. Khi bản thảo lời và nhạc được mọi người đọc kỹ, cùng nhau sửa chữa nâng cao rồi đi đến thống nhất phần lời:

"Đây Cửu Long hùng tráng.
Đây Trường Sơn vinh quang
Diệt đế quốc Mỹ, phá tan bè lũ cướp nước.
Ôi xương tan máu rơi!
Lòng hận thù ngút trời!
Sông núi bao nhiêu năm cách rời..."

Phần giai điệu trầm hùng quyết khởi, khí thế xông lên. Vốnnung nấu cảm thù giặc, thiết tha với quê hương miền Nam, các tác giả đã hoàn thành bài hát chỉ

Chuyện ít biết về ca khúc "Giải phóng miền Nam"

Bài hát "Giải phóng miền Nam" rất quen thuộc với nhân dân hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn chống Mỹ quyết liệt những năm 1961 - 1975, nhưng nguồn gốc ra đời của nó thì ít người được biết, nhất là thế hệ sinh sau năm 1975.



Nhân dân Sài Gòn diễu hành mừng thành phố được giải phóng

Ảnh: TTXVN

trong mười ngày. Lúc đó, Huỳnh Văn Tiểng là Phó Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam chỉ đạo cho nhạc sĩ Lưu Hữu Phước công tác ở ban nhạc của đài cho học ngay và nhắc: Ban ca nhạc khi nào học thuộc thì báo cho ông biết.

Bài hát học xong, được duyệt tại hội trường báo Thống Nhất (82 Nguyễn Du, Hà Nội). Dự duyệt có đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng và đại diện Ban Thống nhất Trung ương, ông Lưu Quý Kỳ - Vụ trưởng Vụ Báo chí Trung ương và nhà

thơ Bảo Định Giang.

Nghe đến câu "Thề cứu lấy nước nhà, thề hy sinh đến cùng. Cầm gươm ôm súng xông tới...", đồng chí Lê Duẩn gật đầu. Khi bước lên xe ra về, đồng chí Lê Duẩn còn quay lại nói với ông Huỳnh Văn Tiểng: "Tốt, hay!". Lúc đó, tất cả ban nhạc của đài mới thở phào nhẹ nhõm. Bữa ấy, thủ trưởng Huỳnh Văn Tiểng "khao" mỗi người một bát phở ở cuối phố Lý Thường Kiệt.

Bài hát "Giải phóng miền Nam" gửi in báo Nhân Dân, cả phần lời và nhạc được ghi tên tác giả là Huỳnh Văn Tiểng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước. Nhưng nhà in đã

in nhầm thành Huỳnh Minh Siêng, đến khi phát hiện ra, đã in tới hàng chục vạn bản và gửi đi các nơi, các tác giả không kịp cải chính đành để tên tác giả là Huỳnh Minh Siêng như báo đã in. ■

Bài hát "Giải phóng miền Nam" đã kịp thời sử dụng trong thế trong ngày khai mạc Đại hội thành lập Mặt trận giải phóng miền Nam lần thứ nhất, bầu ra Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và được coi là "quốc ca" của Mặt trận Giải phóng miền Nam cho tới ngày 30/4/1975 thống nhất đất nước.

Đến nay, nhạc sĩ Hoàng Hà đã có ít nhất ba ca khúc được các nhà đài dùng làm nhạc hiệu: "Vinh Phúc quê tôi" (Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc); "Chào Nha Trang giải phóng" (Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Khánh Hòa); "Đất nước trọn niềm vui". Nhân kỷ niệm 30 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, UBND TP. Hồ Chí Minh đã quyết định lấy bài "Đất nước trọn niềm vui" làm nhạc hiệu chính thức cho Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố mang tên Bác.

Trong "Đất nước trọn niềm vui" có câu: "Ta đi trong muôn ánh sao vàng cờ tung bay/ Rộn ràng và mê say những bước chân dồn về đây/ Sài Gòn ơi, son sắt đã bao năm rồi/ Một ngày vui giải phóng..." búng búng khí thế cách mạng của cả nước, tràn trề cảm xúc của riêng ông. Nhạc sĩ Hoàng Hà kể rằng: "Chỉ đến ngày 26/4/1975, tôi mới biết chiến dịch đánh thắng vào Sài Gòn được mang tên Bác không thể không chiến thắng. Ngay trong đêm đó, tôi viết "Đất nước trọn niềm vui" với những câu: "Ta nghe như vang tiếng Bác Hồ dạy từ non sông. Rạo rục thay hôm nay Bác vui với hội toàn dân...". Viết xong, ông định ký bút danh là Cẩm La (bút danh này ông dùng từ năm 1968 khi đi chiến trường miền Nam), nhưng sau khi nghe bài hát thấy rất hay - tính thời sự và khái quát cao; nhạc sĩ Triều Dâng vỗ vai ông nói: "Bài này phải ký tên Hoàng Hà". Bài hát được ca sĩ Trung Kiên

Điều đặc biệt về ca khúc "Đất nước trọn niềm vui" của nhạc sĩ Hoàng Hà

hát (nhạc sĩ Đỗ Dũng phối khí), phát trên Đài Phát thanh Giải phóng (nay là Đài Phát thanh Thành phố Hồ Chí Minh) lần đầu tiên vào sáng 1/5/1975 cùng với ca khúc "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

Nhạc sĩ Hoàng Hà tiết lộ, ông viết bài hát "Đất nước trọn niềm vui" chỉ trong có một ngày, nhưng là kết quả của cả quá trình, một đời người của ông tham gia cách mạng và hoạt động âm nhạc. Điều kỳ lạ nữa, ai cũng tưởng bài hát đó ông viết ở Sài Gòn nhưng là viết ở Hà Nội. Khi ấy, ông đang công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam và hai năm sau (năm 1977), ông mới đến Sài Gòn lần đầu.

Nhạc sĩ Hoàng Hà sinh năm 1929 tại Hà Nội. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông tham gia kháng chiến chống Pháp, từng công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam. ■



➤ LÊ HỒNG THIÊN

CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ PHÍA NAM

Cùng cả nước tăng trưởng và "cất cánh"



Tuyến metro số 1 - kỷ nguyên mới cho ngành đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh

Ảnh: Nam Nguyễn

51 năm sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), kinh tế các tỉnh phía Nam đã cùng cả nước vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất để trở thành một khu vực dẫn đầu về tăng trưởng cũng như cùng kinh tế cả nước "cất cánh".

➤ QUYNH ANH

51 năm vượt lên trở thành khu vực "đầu tàu" tăng trưởng

Sau ngày đất nước thống nhất, các tỉnh phía Nam bước vào giai đoạn chuyển mình sâu sắc về kinh tế, từ cơ chế cũ sang mô hình kinh tế kế hoạch hóa và sau đó là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trải qua 51 năm, khu vực này đã trở thành "đầu tàu" tăng trưởng của cả nước, đóng vai trò quan trọng trong hội nhập và phát triển.

Có thể thấy rõ 4 giai đoạn phát triển của các tỉnh miền Nam trong hơn nửa thế kỷ thống nhất đất nước. Giai đoạn từ năm 1975 đến 1986 có thể gọi là giai đoạn khôi phục và chuyển đổi. Nhà nước tiến hành cải tạo công thương nghiệp, quốc hữu hóa một số ngành then chốt và xây dựng nền kinh tế theo hướng kế hoạch hóa tập trung. Tuy nhiên, do nhiều hạn chế về cơ chế và bối cảnh quốc tế, tăng trưởng trong giai đoạn này còn chậm, hiệu quả sản xuất thấp.

Trong giai đoạn đổi mới và bứt phá từ năm 1986 đến đầu những năm 2000, đường lối Đổi mới do Đảng khởi xướng đã mở ra bước ngoặt quan trọng. Các tỉnh phía Nam, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ, nhanh chóng tận dụng cơ hội để xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khu vực kinh tế tư nhân được khuyến khích, đầu tư nước ngoài gia tăng, các khu công nghiệp và khu chế xuất hình thành. Nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu

Long, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Trong giai đoạn mang tính hội nhập và hiện đại hóa năm 2000 - 2020, khi bước sang thế kỷ XXI, khu vực kinh tế phía Nam tiếp tục giữ vai trò trung tâm kinh tế năng động nhất cả nước. Hệ thống hạ tầng giao thông, cảng biển, logistics được đầu tư mạnh mẽ. Các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, dệt may phát triển nhanh. Dịch vụ tài chính, thương mại, du lịch cũng mở rộng quy mô và chất lượng. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, hình thành nhiều đô thị lớn và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Từ năm 2020 đến nay, cùng cả nước, khu vực kinh tế phía Nam đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, dịch bệnh và biến động kinh tế toàn cầu. Tuy vậy, khu vực này vẫn thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt. Kinh tế số, thương mại điện tử, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh trở thành xu hướng chủ đạo. Các doanh nghiệp chú trọng hơn đến công nghệ, tự động hóa và phát triển bền vững.

Viết tiếp câu chuyện trong kỷ nguyên mới

Với lợi thế về vị trí địa lý, nguồn nhân lực và môi trường kinh doanh năng động, khu vực kinh tế phía Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục là khu vực mang tính "đầu tàu" dẫn dắt tăng trưởng quốc gia. Đây là khu vực tập trung đóng đảo các khu công



TP. Hồ Chí Minh - nơi nhịp sống hiện đại vươn lên cùng cả nước trên hành trình phát triển và hội nhập toàn cầu

Ảnh: Nam Nguyễn

nghiệp, khu chế xuất và cảng biển lớn, đóng góp vai trò quyết định trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của đất nước.

Trong thu hút FDI, khu vực phía Nam luôn dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy hoạt động thương mại.

Sau 51 năm thống nhất, kinh tế khu vực phía Nam đã có bước tiến dài trở thành trung tâm kinh tế năng động và hiện đại, trong đó nhiều lĩnh vực dẫn đầu kinh tế cả nước. Thành tựu này không chỉ phản ánh nỗ lực của người dân và chính quyền địa phương mà còn thể hiện sức mạnh và tính đúng đắn của chính sách đổi mới và hội

nhập của Đảng, Nhà nước. Trong chặng đường phía trước, các tỉnh phía Nam vẫn sẽ là động lực quan trọng đưa Việt Nam phát triển nhanh và bền vững.

Trong tương lai, để duy trì đà phát triển, các tỉnh phía Nam cần tập trung giải các bài toán về nâng cấp hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết vùng.

Đồng thời, việc giải quyết các vấn đề môi trường và phát triển bền vững sẽ là yếu tố then chốt để bảo đảm chất lượng tăng trưởng trong kỷ nguyên mới của đất nước, nhất là việc hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số. ■



Phiên khai mạc Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI ngày 16/4

Sinh thời, phát biểu tại buổi bế mạc Kỳ họp thứ 12 của Quốc hội khóa I (ngày 15/4/1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Quốc hội ta đã hết lòng vì dân, vì nước, đã làm trọn một cách về vang nhiệm vụ của những người đại biểu của nhân dân”.

Lời chỉ dạy đó của Người không chỉ mang tính khái quát nhiệm vụ của Quốc hội mà còn khẳng định nhiệm vụ xuyên suốt của Quốc hội nước ta trong mọi hoàn cảnh, mọi thời kỳ.

Một kỳ họp với dấu ấn đặc biệt

Diễn ra ngay sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội mở đầu cho một nhiệm kỳ mới của cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước ta.

Dấu ấn đặc biệt quan trọng của Kỳ họp thứ Nhất thu hút sự quan tâm của đông đảo cử tri cả nước, khi đây là kỳ họp kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước theo Hiến pháp; đồng thời là kỳ họp tập trung thể chế hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng bằng những quyết sách bất phá tạo nền tảng pháp lý, thể chế và động lực chính sách để đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới: phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc, dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của toàn dân tộc.

Quốc hội dành những ngày đầu tiên của kỳ họp tập trung cho công tác nhân sự và kiện toàn tổ chức bộ máy Nhà nước với lựa chọn những đại biểu tiêu biểu nhất về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực thực tiễn để gánh vác trọng trách mang ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với chất lượng điều hành của hệ thống chính trị trong trọn vẹn một nhiệm kỳ.

Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới biến động và đất nước đón nhận

KỶ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XVI

“Đi trước, mở đường” LẬP “ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN” KINH TẾ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Được diễn ra ngay sau thành công rất tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; cuộc bầu cử Quốc hội khóa XVI và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031, Kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội được cử tri và đồng bào cả nước đặc biệt quan tâm.

> QUANG LỘC

vận hội mới, người dân mong mỏi các nhà lãnh đạo sẽ thể hiện được tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo tại Kỳ họp thứ Nhất không chỉ nhằm bảo đảm tính liên tục của hệ thống chính trị, mà còn thể hiện yêu cầu đổi mới về chất lượng quản trị quốc gia. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng, cạnh tranh chiến lược gia tăng và những thách thức phi truyền thống ngày càng phức tạp, đội ngũ lãnh đạo được lựa chọn phải hội tụ trí tuệ, bản lĩnh và tầm nhìn dài hạn trong việc hiện thực hóa chiến lược phát triển đất nước hướng tới hai mục tiêu trăm năm. Do đó, công tác nhân sự tại kỳ họp này mang ý nghĩa như một sự “định vị tương lai” cho đất nước.

Ở góc độ phát triển, Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI là nơi thể hiện tư duy và quyết định những định hướng lớn, có tính nền tảng cho cả nhiệm kỳ. Những quyết sách được thảo luận và thông qua không chỉ giải quyết các vấn đề trước mắt, mà còn mở ra không gian phát triển dài hạn, hướng tới một nền kinh tế tự chủ, hiện đại và hội nhập sâu rộng. Đây chính là lúc các mục tiêu phát triển không chỉ được đặt ra như những con số, mà còn được gắn với tầm nhìn về một xã hội công bằng, sáng tạo và bền vững.

Không thể không nhấn mạnh

ý nghĩa về phương diện thể chế. Kỳ họp thứ Nhất là điểm khởi đầu cho chương trình lập pháp và giám sát của cả nhiệm kỳ. Trong bối cảnh yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ngày càng cao, vai trò của Quốc hội không chỉ dừng lại ở việc ban hành luật, mà còn phải bảo đảm tính minh bạch, khả thi và hiệu lực của hệ thống pháp luật.

Điều này đòi hỏi một tư duy lập pháp đổi mới, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời thích ứng linh hoạt với những biến chuyển nhanh chóng của thực tiễn. Điểm nhấn mạnh là tư duy xây dựng pháp luật cần hướng tới kiến tạo phát triển. Pháp luật không chỉ để quản lý cái đã có, mà còn phải mở đường cho cái mới; không chỉ điều chỉnh thực tiễn hiện hữu, mà còn phải kiến tạo tương lai; luật không chỉ “mở đường” mà còn phải “sửa đường”.

Điểm đáng chú ý của kỳ họp lần này là Quốc hội chủ động đặt nền móng thể chế và phương thức làm việc cho toàn bộ nhiệm kỳ 2026 - 2031. Bởi trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình, thực tiễn hai con số không chỉ là chỉ tiêu tăng trưởng, mà được xác định là mệnh lệnh chính trị gắn với khát vọng phát triển đất nước. Do vậy, các dự án luật, các quyết sách được thông qua ngay từ kỳ họp đầu tiên cũng được kỳ vọng sẽ tạo “động năng

phát triển” cho cả giai đoạn, đồng thời là thước đo năng lực của Quốc hội khóa mới.

Lời cam kết trước nhân dân

Nhìn tổng thể Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI có thể được nhìn nhận như một “lời cam kết tập thể” trước nhân dân. Cam kết về một bộ máy nhà nước liêm chính, hành động; chiến lược phát triển nhất quán và bền vững và về một tương lai, trong đó quyền lợi của người dân được đặt ở vị trí trung tâm. Chính từ những cam kết này, niềm tin xã hội được củng cố, tạo thành nguồn nội lực để đất nước vượt qua khó khăn, thách thức để vươn lên.

Ý nghĩa của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI không chỉ nằm ở những quyết định cụ thể được thông qua, mà còn ở giá trị biểu tượng và định hướng của những quyết sách tại diễn đàn Kỳ họp. Đó là sự giao thoa giữa kế thừa và đổi mới, giữa trách nhiệm hiện tại và khát vọng tương lai, như một dấu mốc quan trọng góp phần định hình con đường phát triển của đất nước trong một giai đoạn mới.

Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa XVI gắn với việc đáp ứng kỳ vọng về một nhiệm kỳ Quốc hội “luật thông, việc thông, nguồn lực thông” và gắn bó mật thiết hơn với nhân dân, là một Quốc hội gần dân, hiểu dân, vì dân, hành động vì lợi ích của dân. Quan trọng hơn,

Ý nghĩa của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI không chỉ nằm ở những quyết định cụ thể được thông qua, mà còn ở giá trị biểu tượng và định hướng của những quyết sách tại diễn đàn Kỳ họp.

khi lòng dân được lắng nghe, ý dân được phản ánh trung thực, quyết sách xuất phát từ thực tiễn đời sống, Quốc hội sẽ mạnh hơn, Nhà nước vững hơn, niềm tin xã hội lớn hơn, kinh tế phát triển hơn trên lộ trình tăng trưởng hai con số.

Trong phát biểu tại Kỳ họp thứ Nhất của Quốc hội khóa XVI, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã nêu bật 4 nhiệm vụ lớn với Quốc hội khóa XVI. Đó là: Đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp, xây dựng bằng được một hệ thống pháp luật hiện đại, thống nhất, ổn định, khả thi và kiến tạo phát triển; Nâng tầm giám sát tối cao của Quốc hội theo hướng thực chất, sắc bén, đi đến cùng trách nhiệm và kết quả; nâng cao bản lĩnh và tầm nhìn khi quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định phải đúng, trúng, kịp thời, vì lợi ích lâu dài của quốc gia; tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gần dân, sát thực tiễn và phản ứng chính sách nhanh hơn. ■

TP. HỒ CHÍ MINH

Khẳng định vị thế trung tâm công nghiệp, thương mại lớn nhất cả nước

Nhìn lại chặng đường phát triển của TP. Hồ Chí Minh sau hơn 51 năm giải phóng cho thấy một hành trình chuyển mình mạnh mẽ, từ một đô thị chịu nhiều tổn thất sau chiến tranh trở thành trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước. Trong tiến trình ấy, công nghiệp và thương mại luôn giữ vai trò nòng cốt, tạo động lực tăng trưởng và định hình vị thế đầu tàu kinh tế của thành phố đối với nền kinh tế quốc gia.

TIỀN PHONG

Khẳng định vai trò đầu tàu kinh tế của cả nước

Sau ngày đất nước thống nhất, TP. Hồ Chí Minh bước vào giai đoạn khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và tái thiết nền kinh tế đô thị. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thành phố đã nhanh chóng khôi phục các cơ sở sản xuất công nghiệp, hệ thống thương nghiệp và dịch vụ, từng bước hình thành nền tảng cho sự phát triển của một trung tâm công nghiệp và thương mại hiện đại. Đây cũng là địa phương sớm thử nghiệm nhiều cơ chế linh hoạt trong quản lý kinh tế, tạo tiền đề quan trọng cho những đổi mới mạnh mẽ sau này.

Bước ngoặt lớn của nền kinh tế thành phố gắn liền với công cuộc Đổi mới từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Từ đây, TP. Hồ Chí Minh trở thành địa phương đi đầu trong chuyển đổi cơ chế kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển của các khu chế xuất và khu công nghiệp đã tạo cú hích mạnh mẽ cho sản xuất công nghiệp, thúc đẩy xuất khẩu và đưa thành phố trở thành trung tâm sản xuất, thương mại và giao thương quốc tế lớn nhất cả nước.

Trong suốt nhiều năm, TP. Hồ Chí Minh luôn giữ vai trò là đầu tàu kinh tế của Việt Nam. Quy mô GRDP của thành phố nhiều năm liền chiếm khoảng 22 - 23% GDP cả nước, trong khi tổng thu ngân sách chiếm từ 25 - 27% tổng thu ngân sách quốc gia.

Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, nền kinh tế TP. Hồ Chí Minh duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Nếu như



TP. Hồ Chí Minh với hạ tầng được đẩy mạnh, là đầu tàu phát triển kinh tế của cả nước

Ảnh: Phúc Hà

giai đoạn 2001 - 2010, GRDP của thành phố tăng trưởng bình quân khoảng 11 - 12%/năm, thì giai đoạn 2011 - 2019 duy trì mức tăng trưởng khoảng 7 - 8%/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

Quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh chóng trong nhiều năm qua đã từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của thành phố hiện chiếm hơn 60% GRDP, trong khi công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 30%.

Một dấu ấn quan trọng khác của nền kinh tế TP. Hồ Chí Minh là vai trò tiên phong trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thành phố là địa phương thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước trong nhiều năm, với tổng vốn FDI lũy kế đạt hàng chục tỷ USD. Nhiều tập đoàn đa quốc gia đã lựa chọn TP. Hồ Chí Minh làm trung tâm sản xuất và kinh doanh tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Năm 2026: Bứt phá mạnh mẽ từ nền tảng 2025

Bước vào giai đoạn phát triển mới sau sáp nhập, kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2025 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực, khẳng định vai trò trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ lớn nhất cả nước. GRDP ước tăng 7,53 - 8,03%, quy mô khoảng 3,03 triệu tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người đạt 8.700 - 8.800 USD, với hơn 500.000 doanh nghiệp đang hoạt động.

Công nghiệp duy trì vai trò

động lực với IIP tăng khoảng 8,9%; thương mại và dịch vụ tăng trưởng mạnh khi tổng mức bán lẻ đạt khoảng 1,94 triệu tỷ đồng, tăng 15 - 16%. Kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục chiếm 15 - 18% cả nước, xuất khẩu đạt 95 - 96 tỷ USD, nhập khẩu khoảng 98 tỷ USD; thu ngân sách đạt khoảng 785.000 tỷ đồng, trong khi kinh tế số chiếm 13 - 14% GRDP, trở thành động lực tăng trưởng mới.

Bước sang năm 2026, TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao hơn, hướng tới tăng trưởng nhanh nhưng bền vững, gắn với chuyển đổi mô hình

tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 được xác định phấn đấu đạt trên 10%, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc lấy lại đà tăng trưởng cao sau giai đoạn phục hồi.

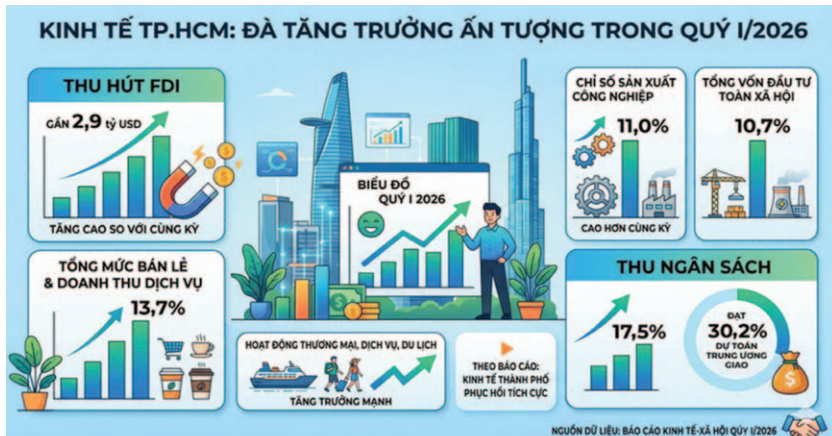
Ngay trong những tháng đầu năm 2026, kinh tế thành phố đã ghi nhận tín hiệu tích cực. GRDP quý I/2026 ước tăng khoảng 8,27% so với cùng kỳ, là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm gần đây, tạo nền tảng quan trọng để hoàn thành mục tiêu cả năm.

Cùng với đó, tổng thu ngân sách nhà nước quý I/2026 ước đạt khoảng 242.800 tỷ đồng, bằng hơn 30% dự toán năm, cho thấy nguồn thu ngân sách tiếp tục duy trì ổn định và là trụ cột của nền kinh tế thành phố.

Trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2026 ước đạt khoảng 474.556 tỷ đồng, tăng hơn 13% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh xu hướng phục hồi mạnh mẽ của thị trường nội địa.

Đáng chú ý, TP. Hồ Chí Minh đang đạt mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo trong giai đoạn tới. Theo kế hoạch của UBND thành phố, quy mô kinh tế số dự kiến đạt từ 30% GRDP trở lên trong năm 2026, từng bước trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế đô thị hiện đại. ■

Với quyết tâm và khát vọng, TP. Hồ Chí Minh đang bứt phá và khẳng định vị thế là trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ hàng đầu của khu vực. Vai trò đầu tàu của thành phố tiếp tục được củng cố, đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới.



Tăng trưởng kinh tế TP. Hồ Chí Minh trong quý I/2026 ghi nhận nhiều điểm sáng

Đồ họa: Cẩm Hà

IFC VÀ FTZ CÁI MÈP HẠ

IFC tái định vị TP. Hồ Chí Minh trên bản đồ tài chính toàn cầu

IFC có thể được xem là một công trình biểu tượng, phép thử năng lực cải cách thể chế, năng lực thực thi và mức độ hội nhập của nền kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Đối với TP. Hồ Chí Minh, IFC còn mang lại khả năng tái định vị thành phố trên bản đồ tài chính toàn cầu. Phó Giám đốc Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh Quách Ngọc Tuấn kỳ vọng, IFC sẽ tạo ra “không gian tạo đột phá về thể chế, cơ chế chính sách và môi trường đầu tư - kinh doanh” và là nơi hội tụ nguồn nhân lực tài chính - công nghệ chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và lan tỏa động lực phát triển ra toàn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

IFC sẽ là lời giải cho bài toán vốn cấp bách của TP. Hồ Chí Minh, phục vụ các chiến lược đầu tư phát triển hạ tầng, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số hay các dự án quy mô lớn mà không thể tiếp tục chỉ dựa vào tín dụng ngân hàng.

Trong khi đó, giới chuyên gia đặt niềm tin vào cơ hội nâng cấp chất lượng tăng trưởng và IFC. TS. Nguyễn Trí Hiếu - Chuyên gia tài chính - ngân hàng cho rằng, TP. Hồ Chí Minh nên định vị trung tâm tài chính theo lộ trình từng bước, ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng như thị trường vốn, tài chính xanh, ESG, fintech, quản lý tài sản và quỹ đầu tư. Đồng thời, ông nhấn mạnh tính minh bạch và uy tín phải được đặt lên hàng đầu, bởi việc nâng hạng tín nhiệm quốc gia là điều kiện tiên quyết để hút mạnh dòng vốn quốc tế trong dài hạn. PGS.TS Nguyễn Hữu Hoàn - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh nhận định, IFC có thể được định vị như một “sandbox” tiên tiến, là “phòng thí nghiệm” cho các sản phẩm tài chính tương lai, từ tài sản số, công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến trí tuệ nhân tạo, nếu thể chế đủ mở và quản trị đủ tốt.

Để hiện thực hóa các mục tiêu quan trọng, IFC đang xây dựng nền móng hạ tầng, nhân lực và hệ sinh thái dịch vụ tương thích. Cùng với đó, TP. Hồ Chí Minh đang thúc đẩy hợp tác với Nasdaq, Viện Tài chính New York và các nhà đầu tư quốc tế để rút ngắn khoảng cách học hỏi, công nghệ và quản trị, hướng tới mục tiêu đưa trung tâm này đi vào hoạt động trong năm 2026.

FTZ Cái Mép Hạ - đột phá thể chế cho kinh tế biển và logistics hiện đại

Trong khi đó, FTZ Cái Mép Hạ được hứa hẹn là hạ tầng chiến lược góp phần tái định hình chuỗi giá trị liên vùng theo hướng hiệu quả và gia tăng giá trị cao hơn của toàn vùng. Theo định hướng của thành phố, FTZ Cái Mép Hạ có diện tích lên tới gần 3.800 ha, thuộc khu vực cụm cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải,

Hai đột phá kiến tạo không gian tăng trưởng TP. Hồ Chí Minh

Trong kỷ nguyên mới, TP. Hồ Chí Minh đang bước vào chặng đường phát triển mang tính bứt phá. Trên chặng đường đó, tăng trưởng cần nhanh hơn, sâu hơn, chất lượng và sức lan tỏa mạnh hơn. Việc hình thành Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) và Khu thương mại tự do (FTZ) gắn với Cái Mép Hạ sẽ không đơn thuần bổ sung hai dự án quy mô tầm cỡ vào chiến lược phát triển, mà là hai đột phá thể chế, mở ra không gian tăng trưởng mới cho thành phố trong thập niên tới.

► NGUYỆT ĐỨC



FTZ Cái Mép Hạ được kỳ vọng là mô hình FTZ thế hệ mới, nơi cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ và tài chính được tích hợp trong cùng một cấu trúc phát triển

được đầu tư xây dựng trên ba chức năng chủ đạo, bao gồm: đầu mối giao thông vận tải, kho bãi logistics - công nghiệp và khu đô thị - dịch vụ.

Bí thư Thành ủy TP. Hồ Chí Minh Trần Lưu Quang nhận xét, cùng với IFC, FTZ sẽ là yếu tố quan trọng, giải quyết các công việc mới, khó khăn nhưng đổi lại là động lực tăng trưởng mới cho

TP. Hồ Chí Minh về thu hút đầu tư, tạo ra nguồn thu.

Ý nghĩa của FTZ Cái Mép Hạ không nằm ở việc trở thành một khu phi thuế quan kiểu cũ, vận hành chủ yếu bằng các ưu đãi thuế đơn lẻ. Điều được đặt ra là một mô hình FTZ thế hệ mới, nơi cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, dịch vụ và tài chính được

tích hợp trong cùng một cấu trúc phát triển.

Theo ông Vũ Chí Kiên - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh, Cái Mép Hạ là cửa ngõ hàng hải quốc tế trực tiếp của thành phố, cũng là vị trí tối ưu để đặt nền móng cho FTZ. Ông cho rằng, khu vực này cần được định vị theo hướng logistics và thương mại gắn với

cảng nước sâu, các chức năng cốt lõi là trung chuyển quốc tế, phân phối khu vực và dịch vụ hậu cần cảng.

TS. Đỗ Thiên Anh Tuấn - Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright lưu ý, FTZ Cái Mép Hạ chỉ có thể hình thành năng lực cạnh tranh quốc tế nếu được thiết kế trong trục kết nối Thủ Thiêm - Long Thành - Cái Mép. Trong đó, Thủ Thiêm giữ vai trò trung tâm tài chính, thương mại và dịch vụ cao cấp; Long Thành là cửa ngõ hàng không quốc tế; còn Cái Mép - Thị Vải là một trong số ít cụm cảng nước sâu trong khu vực có khả năng đón tàu mẹ đi thẳng tới châu Âu và Bắc Mỹ.

“Nếu ba điểm nút này được kết nối đồng bộ và hiệu quả, FTZ của TP. Hồ Chí Minh sẽ có lợi thế vượt trội so với nhiều trung tâm logistics trong khu vực”, ông Tuấn khẳng định.

Giới quan sát còn cho rằng, FTZ Cái Mép Hạ cần được định vị là vị trí thí điểm các chính sách vượt trội về thương mại số, AI, blockchain trong quản trị chuỗi cung ứng, qua đó nâng khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của những thị trường lớn như EU và Mỹ. Từ những góc nhìn này có thể thấy, nếu được phát triển đúng hướng, FTZ sẽ không chỉ dừng ở một khu vực ưu đãi, mà còn có thể trở thành đầu mối điều phối mới cho kinh tế biển, logistics xanh và thương mại công nghệ cao.

Tựu trung, khi hai động lực này cùng phát huy hiệu quả, TP. Hồ Chí Minh sẽ không chỉ giữ vai trò trung tâm sản xuất, tiêu dùng và xuất nhập khẩu lớn nhất cả nước, mà còn có cơ hội vươn lên thành đầu mối tổ chức dòng vốn, dòng hàng và chuỗi giá trị của cả vùng Nam Bộ trong mạng lưới khu vực.

Trong bối cảnh TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu tăng trưởng trên 10% trong năm 2026, nhu cầu về những động lực mới không còn là lựa chọn, mà đã trở thành yêu cầu cấp bách. IFC và FTZ Cái Mép Hạ được triển khai đúng hướng sẽ là bệ đỡ để TP. Hồ Chí Minh vượt lên vai trò “đầu tàu” kinh tế trong nước, tiến tới vị thế một cực tăng trưởng có sức nặng trong khu vực. ■



IFC sẽ là lời giải cho bài toán vốn cấp bách của TP. Hồ Chí Minh, phục vụ các chiến lược đầu tư phát triển hạ tầng, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số

"Làn gió mới" từ tái cấu trúc

Nếu như giai đoạn sau năm 1975, kinh tế chủ yếu dựa vào nương rẫy tự cung, tự cấp, giao thông phụ thuộc vào các tuyến đường đất, chi phí vận chuyển cao khiến nông sản khó vươn xa, thì bước ngoặt hiện nay không chỉ nằm ở đầu tư hạ tầng, mà ở cách sắp xếp lại toàn bộ cấu trúc phát triển.

Khi địa giới được điều chỉnh, các khu vực trước đây phát triển rời rạc được kết nối thành vùng liên hoàn, tạo điều kiện hình thành các hành lang kinh tế mới, gắn Tây Nguyên với duyên hải miền Trung và các cửa khẩu quốc tế.

Cùng với đó, từ chỗ phụ thuộc gần như hoàn toàn vào xuất thô cà phê, cao su, hồ tiêu, Tây Nguyên đang chuyển sang nâng tỷ trọng công nghiệp chế biến. Nhiều nhà máy chế biến sâu cà phê, gỗ, nông sản được đầu tư, giúp gia tăng giá trị thay vì chỉ bán nguyên liệu.

Sản xuất không còn dừng ở "trồng - thu hoạch - bán", mà chuyển sang mô hình liên kết từ vùng nguyên liệu, chế biến, truy xuất nguồn gốc đến xuất khẩu. Doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững, mở rộng thị trường sang châu Âu, Nhật Bản thay vì phụ thuộc vào một vài thị trường truyền thống. Từ những con đường đất đỏ, phiến chợ vùng cao, Tây Nguyên đang dần trở thành một "mắt xích" quan trọng trong chuỗi kinh tế quốc gia.

Ha tầng mở lối, công nghiệp dẫn dắt

Ngày trong quý I/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của Gia Lai tăng gần 9% so với cùng kỳ năm trước, tiến sát mục tiêu cả năm. Những con số này không chỉ là tăng trưởng, mà là tín hiệu của một nền sản xuất đang "thức giấc".

Tại Gia Lai, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý I/2026 đạt hơn 51.000 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

Đắk Lắk là tỉnh có diện tích rộng 18.096 km², đứng thứ 3 cả nước với dân số hơn 3,346 triệu người. Với nguồn tài nguyên hơn 1,087 triệu ha đất sản xuất nông



Tây Nguyên chuyển mình mạnh mẽ

► Bài và ảnh: HIÊN MAI

Tại Gia Lai, những khu, cụm công nghiệp đang dần hình thành theo quy hoạch bài bản.

Sau sắp xếp địa giới và tái cấu trúc phát triển, Tây Nguyên, đặc biệt Gia Lai, Đắk Lắk, đang chuyển mình mạnh mẽ, từ vùng trảm lảng thành cực tăng trưởng mới.

ng nghiệp, phù hợp trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: Cà phê, cao su, hồ tiêu, sầu riêng, cây ăn trái, rau củ, quả, dược liệu...

Đắk Lắk còn có diện tích bờ biển dài gần 189 km và nhiều đảo, đầm, vịnh cùng với nguồn lợi thủy sản dồi dào, rất phù hợp để phát triển du lịch dịch vụ và chuỗi đô thị ven biển, công nghiệp biển, logistics.

Tỉnh hiện có Cảng hàng không Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa, là cửa ngõ hàng không quan trọng; tuyến đường sắt Bắc - Nam với định hướng đường sắt tốc độ cao. Các khu bến cảng Vũng Rô, Bãi Gốc (thuộc nhóm cảng biển loại III) nằm sát tuyến hàng hải quốc tế, có khả năng đón tàu trọng tải lớn, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp gắn với cảng biển.

Quý I/2026, Đắk Lắk ghi nhận

mức tăng trưởng ấn tượng hơn: chỉ số sản xuất công nghiệp quý I tăng hơn 12%, vượt kịch bản đề ra. Trong các cụm công nghiệp, hơn 200 dự án đang hoạt động, tạo việc làm cho gần 7.000 lao động.

Từ "vùng trung" đến cực tăng trưởng mới

Chỉ trong vòng 5 năm, Tây Nguyên không còn là "vùng trung" về hạ tầng năng lượng mà đang vươn lên thành điểm sáng của bản đồ năng lượng tái tạo cả nước. Hàng loạt dự án điện gió, điện mặt trời, thủy điện và điện sinh khối được triển khai đồng loạt đã biến tiềm năng tự nhiên thành nguồn lực tăng trưởng xanh, tạo nền tảng để các địa phương đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Tại Gia Lai, "bức tranh" năng lượng thay đổi rõ rệt với việc đưa vào vận hành 4 nhà máy điện gió

tổng công suất 244,5 MW, gồm Hưng Hải Gia Lai (96 MW), Ia Le 1 (52,8 MW), Ia Pếch 2 (49,5 MW) và Song An (46,2 MW). Trên cùng trục phát triển, Nhà máy Thủy điện Ialy mở rộng (360 MW) đã hòa lưới điện quốc gia, tiếp tục khẳng định vai trò "xương sống" của thủy điện trong đảm bảo an ninh năng lượng khu vực.

Điểm nhấn nổi bật hơn cả là "làn sóng" điện mặt trời với 11 dự án tổng công suất hơn 840 MW. Trong đó, Nhà máy điện mặt trời KN Ia Ly (400 MW) được xem là một trong những dự án quy mô lớn nhất Tây Nguyên; cùng với Krông Pa 2 (39,2 MW) và Phú Thiện (32 MW) đã góp phần hình thành cụm năng lượng mặt trời tập trung.

Đắk Lắk cũng đang ghi dấu ấn với những "siêu dự án". Tiêu biểu là Tổ hợp điện mặt trời Xuân Thiện - Ea Súp với tổng công suất

lên tới 2.000 MWp, trong đó giai đoạn 1 (700 MWp) đã vận hành thương mại từ cuối năm 2021. Dự án này không chỉ bổ sung nguồn điện lớn cho hệ thống quốc gia mà còn tạo hàng nghìn việc làm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên.

Không còn là vùng đất "trung" về thu hút đầu tư, các địa phương chủ động cải thiện môi trường đầu tư, đồng hành cùng doanh nghiệp, hướng đến phát triển bền vững thay vì chạy theo số lượng. Chỉ riêng năm 2025, Gia Lai đã thu hút gần 160.000 tỷ đồng vốn đầu tư với 192 dự án, một bước tiến dài so với giai đoạn trước.

Tây Nguyên hôm nay vẫn là đại ngàn với những cánh rừng bạt ngàn và bản sắc văn hóa đậm đà. Nhưng bên dưới lớp trầm tích ấy là một nhịp sống mới, sôi động, hiện đại và khát vọng chuyển mình mạnh mẽ. ■



51 năm sau ngày non sông thống nhất, dải đất miền Trung, nơi từng oằn mình trong bom đạn chiến tranh đã vươn mình mạnh mẽ, trở thành cực tăng trưởng năng động về công nghiệp và thương mại của cả nước.

➤ MAI LIỆU



Miền Trung có đầy đủ lợi thế để phát triển công nghiệp và thương mại

Vượt khó, dựng xây nền tảng công nghiệp hiện đại

Sau ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, miền Trung bắt đầu hành trình tái thiết với muôn vàn khó khăn. Các cơ sở công nghiệp quy mô nhỏ từng được gây dựng trước đó bị tàn phá nặng nề. Dây chuyền sản xuất, hạ tầng điện – đường – cảng biển gần như kiệt quệ khiến hoạt động sản xuất rơi vào trạng thái đình trệ kéo dài. Chặng đường khôi phục công nghiệp đối mặt với muôn vàn khó khăn do thiếu vốn, thiếu công nghệ, thiếu nguồn nhân lực kỹ thuật và cả những hạn chế về cơ chế, chính sách. Nhưng cũng chính từ trong gian khó, ý chí bền bỉ vươn lên đã được hun đúc, đặt những viên gạch đầu tiên cho quá trình tái thiết và phát triển mạnh mẽ sau này.

Trong 51 năm qua, miền Trung đã hình thành một hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế trải đều ở các tỉnh, thành; độ phát triển nhanh, không ngừng lớn mạnh. Những cái tên như Nghi Sơn, Vũng Áng, Lao Bảo, Chân Mây – Lăng Cô, Dung Quất... không chỉ là những địa danh, mà đã trở thành biểu tượng cho sự bật của công nghiệp miền Trung.

Một loạt các khu công nghiệp (KCN) hình thành đã đưa công nghiệp miền Trung từ “vùng trũng” trở thành “điểm sáng” trên bản đồ công nghiệp Việt Nam. Có thể kể tên một số KCN như: Lam Sơn, Lê Môn, Nam Cẩm, Bắc Vinh, VSIP Nghệ An, Vũng Áng, Quán Ngang, Nam Đông Hà, Cam Lộ, Phú Bài, Phong Điền, La Sơn, Liên Chiểu, Đà Nẵng, Hòa Khánh, VSIP Quảng Ngãi, Bắc Chu Lai, Điện Nam – Điện Ngọc, Suối Dầu, Ninh Thủy, Nam Cam Ranh...

Những “đầu tàu” này không chỉ thu hút hàng tỷ USD vốn đầu tư mà còn tạo ra chuỗi giá trị công nghiệp quy mô lớn, từ lọc hóa dầu, luyện kim, năng lượng đến chế biến, chế tạo, góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế địa phương, tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động.

Miền Trung thay đổi ngoạn mục sau hơn nửa thế kỷ đất nước thống nhất



Giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng từ 15 - 30%, khẳng định công nghiệp là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế

Ghi nhận tại một số tỉnh, thành phố, tính riêng năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp đều tăng từ 15-30%, trong đó, tỉnh Thanh Hoá đạt gần 250.000 tỷ đồng; tỉnh Nghệ An đạt gần 120.000 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế đạt hơn 53.000 tỷ đồng; thành phố Đà Nẵng đạt hơn 50.000 tỷ đồng, tỉnh Quảng Ngãi đạt trên 185.000 tỷ đồng. Những con số đó khẳng định công nghiệp là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và toàn khu vực.

Không chỉ phát triển theo chiều rộng, công nghiệp miền Trung còn từng bước chuyển sang chiều sâu, hướng tới công nghệ cao, thân thiện môi trường và phát triển bền vững. Những khu công nghệ cao, các dự án sản xuất hiện đại đang dần hình thành, mở ra một diện mạo mới cho toàn vùng.

Nếu công nghiệp là trụ cột, thương mại chính là mạch dẫn

mở ra không gian phát triển rộng lớn cho miền Trung. Từ chỗ giao thương hạn chế, chủ yếu trong phạm vi nội vùng, đến nay, hệ thống logistics, cảng biển và hạ tầng giao thông đã phát triển mạnh mẽ, kết nối miền Trung với cả nước và quốc tế.

Những cảng nước sâu như Vũng Áng, Chân Mây, Dung Quất, Liên Chiểu, Tiên Sa, Vân Phong, Cam Ranh nhộn nhịp tàu thuyền, trở thành “mắt xích” quan trọng trong hành lang kinh tế Đông – Tây, góp phần đưa hàng hóa miền Trung vươn ra thị trường thế giới. Những sân bay quốc tế như: Sân bay Vinh, sân bay Đà Nẵng, sân bay Phú Bài, sân bay Cam Ranh giúp kết nối miền Trung với các trung tâm kinh tế lớn trong nước và khu vực. Từ đây, dòng chảy đầu tư, dịch vụ, đầu tư và du lịch được rút ngắn khoảng cách, tạo lực đẩy mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế vùng.

Cùng với đó, sự phát triển của các đô thị trung tâm đã tạo nên thị trường tiêu dùng sôi động, thúc đẩy mạnh mẽ lĩnh vực thương mại – dịch vụ. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, miền Trung đã tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do, mở rộng thị trường xuất khẩu cho nhiều ngành hàng chủ lực như: Dệt may, thủy sản, sản phẩm gỗ, vật liệu xây dựng... Qua đó, từng bước khẳng định vị thế trên chuỗi cung ứng toàn cầu.

Lan toả niềm tin và khát vọng

Miền Trung hiện nay đang mở ra một không gian phát triển mới cho công nghiệp và thương mại với nhiều lợi thế về diện tích đất đai, cơ chế chính sách và nguồn lực lao động. Đặc biệt, trong những năm gần đây, hạ tầng giao thông tại miền Trung được đẩy mạnh triển khai, với hệ thống

cao tốc Bắc - Nam, các tuyến ven biển, cảng nước sâu, sân bay quốc tế. Hạ tầng này tiếp tục tạo lợi thế cho miền Trung “đi trước một bước” trong thu hút đầu tư công nghiệp và thương mại.

Hướng đến chuyển đổi xanh và đảm bảo an ninh năng lượng, miền Trung đang triển khai hàng loạt dự án điện gió, điện mặt trời, điện khí trải dài từ Thanh Hóa đến Lâm Đồng, góp phần định hình miền Trung trở thành “thủ phủ năng lượng” của cả nước. Các dự án điện nối tiếp nhau đi vào vận hành sẽ tạo nguồn lực mạnh mẽ cho đầu tư phát triển công nghiệp.

Bước vào giai đoạn mới, các tỉnh miền Trung cùng chung định hướng phát triển công nghiệp và thương mại theo hướng hiện đại, bền vững. Trọng tâm là thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp xanh, năng lượng sạch; đồng thời hoàn thiện hệ thống hạ tầng, các hành lang kinh tế chiến lược để nâng cao năng lực kết nối vùng và quốc tế. Cùng với đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đồng hành cùng doanh nghiệp.

51 năm – một hành trình dài để nhìn lại nỗ lực vươn lên không ngừng nghỉ của miền Trung. Từ những ngày đầu tái thiết đầy gian khó sau chiến tranh, đến miền Trung năng động, hội nhập và đầy khát vọng hôm nay, đó không chỉ là câu chuyện của phát triển kinh tế, mà còn là ý chí con người.

Tin rằng, với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, sự đồng lòng của chính quyền, doanh nghiệp và người dân, miền Trung sẽ tiếp tục bứt phá, khẳng định cực tăng trưởng quan trọng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. ■



GIỎ TỔ HÙNG VƯƠNG

Trở về với giá trị cội nguồn thiêng liêng của dân tộc

► BẢO THOA

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

Hàng năm, vào tháng 3 âm lịch, dòng người từ khắp mọi miền Tổ quốc, cùng đông đảo kiều bào ở nước ngoài lại hướng về Khu di tích lịch sử Đền Hùng. Năm nay, Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng và Tuần Văn hóa, du lịch Đất Tổ do UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức từ ngày 17 - 26/4/2026 (từ ngày 1/3 đến hết 10/3 âm lịch) tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng và các xã, phường trong tỉnh nhằm tưởng nhớ và tri ân các Vua Hùng đã có công dựng nước, cội nguồn của dân tộc Việt Nam.

Giỗ Tổ Hùng Vương 2026 được tổ chức với 2 phần chính: Các nghi thức truyền thống (phần lễ) và chuỗi sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch (phần hội). Trong đó, phần lễ được tổ chức trang nghiêm, trọng thể, thành kính theo truyền thống văn hóa dân tộc. Phần hội được tổ chức vui tươi, lành mạnh, mang đậm bản sắc văn hóa cội nguồn; góp phần quảng bá rộng rãi tiềm năng, thế mạnh tài nguyên du lịch văn hóa Phú Thọ đến với đông bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài và du khách quốc tế.

Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương 2026 Nguyễn Huy Ngọc nhấn mạnh, Giỗ Tổ Hùng Vương là sự kiện văn hóa, tín ngưỡng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đồng bào cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài. Đây không chỉ là dịp tri ân công đức các Vua Hùng, mà còn là không gian bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa

truyền thống, cơ hội "vàng" để tỉnh Phú Thọ giới thiệu, quảng bá những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất cội nguồn, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh.

Mạch nguồn văn hóa trong dòng chảy hiện đại

Đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, ngày càng hội nhập sâu rộng. Chính vì vậy, những giá trị thiêng liêng của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương càng trở nên sâu sắc và quý giá hơn bao giờ hết. Theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn - Ủy viên thường trực Ủy ban Văn hóa, Xã hội của Quốc hội, Giỗ Tổ Hùng Vương không đơn thuần chỉ là một ngày lễ, mà là một khoảnh khắc linh thiêng khi cả dân tộc cùng dừng lại, lắng lòng và trở về với những giá trị thiêng liêng của cội nguồn. Đặc biệt, vào dịp Giỗ Tổ, những giá trị về lòng hiếu nghĩa, sự đoàn kết, tinh thần cộng đồng và khát vọng phát triển được khơi dậy mạnh mẽ hơn.

Giỗ Tổ Hùng Vương vì thế không chỉ là một ngày lễ, mà còn là biểu tượng của sự tiếp nối, lòng biết ơn và khát vọng vươn lên. Đó là nơi quá khứ, hiện tại và tương lai gặp nhau trong một dòng chảy liên tục của văn hóa và lịch sử. Trong dòng chảy ấy, mỗi người Việt đều có trách nhiệm gìn giữ, vun đắp để những giá trị thiêng liêng của cội nguồn luôn được lan tỏa, trở thành sức mạnh nội sinh giúp dân tộc vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

Với ý nghĩa đó, việc gìn giữ và phát huy những giá trị thiêng

Giỗ Tổ Hùng Vương không chỉ là ngày lễ trọng đại để tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng, mà còn là sợi dây gắn kết cộng đồng người Việt; là sức mạnh nội sinh giúp dân tộc vững bước trên con đường hội nhập và phát triển.

liêng của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương trở thành yêu cầu tất yếu trong hành trình xây dựng tinh thần dân tộc. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng từ những điều giản dị, khi câu chuyện về cha Rồng - mẹ Tiên được kể lại trong mỗi buổi tối sum vầy, khi các lớp học tổ chức sinh hoạt về các Vua Hùng với sự trân trọng và cảm xúc chân thành. Chính những điều tưởng như

nhỏ bé ấy lại là nền tảng bền vững để nuôi dưỡng lòng tự hào, tình yêu quê hương và ý thức trách nhiệm đối với đất nước trong thế hệ trẻ.

Bên cạnh đó, theo ông Phạm Hải Quỳnh - Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển du lịch châu Á, cần lan tỏa giá trị của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương vượt ra ngoài khuôn khổ của một ngày lễ, để trở thành một mạch nguồn văn hóa sống

động trong đời sống đương đại. Điều này đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa bảo tồn và sáng tạo. Các giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương cần được lồng ghép vào các hoạt động giáo dục, vào các không gian sáng tạo, các chương trình du lịch để thế hệ trẻ không chỉ hiểu mà còn cảm nhận được ý nghĩa sâu sắc, những giá trị thiêng liêng của cội nguồn. ■

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, khi văn hóa giao thoa mạnh mẽ, chính những giá trị cội nguồn thiêng liêng sẽ giúp dân tộc giữ được bản sắc riêng, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững.

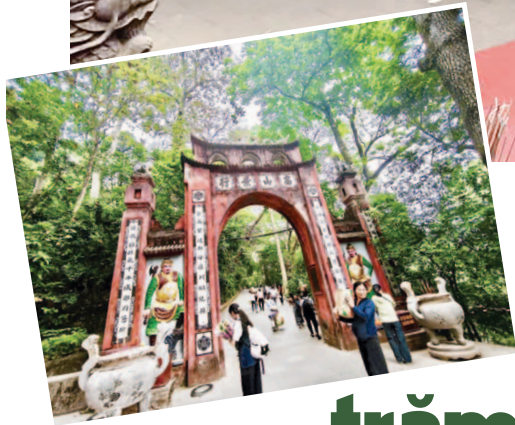


Giỗ Tổ Hùng Vương là dịp để tri ân, tưởng nhớ công lao dựng nước của các Vua Hùng

Ảnh minh họa



Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ) thu hút đông đảo người dân và du khách về hành hương dịp Giỗ Tổ



Tháng Ba, về Đất Tổ nghe truyền thuyết trăm trứng vọng ngàn năm

► Bài và ảnh: THU THỦY

Có những chuyến đi không đo bằng cây số, mà đo bằng nhịp đập của trái tim. Tôi về Đền Hùng tháng Ba, để chạm vào mạch nguồn con Lạc cháu Hùng.

Chân tôi đặt xuống bậc đá đầu tiên của núi Nghĩa Lĩnh khi trời vừa ngớt mưa. Những cơn mưa tháng Ba không đủ ướt tóc, chỉ đủ làm lớp rêu trên đá thâm thêm một sắc xanh. Không khí se lạnh, phảng phất mùi hương trầm.

Tôi đi giữa dòng người. Có tiếng ho khè của một cụ ông chống gậy. Có em bé lẫm chẫm bước theo chân mẹ. Có ai đó khe khẽ ngâm nga: "Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng Ba". Câu ca dao ấy, tôi đã nghe từ thuở còn cắp sách, nhưng hôm nay, giữa bóng cổ thụ trăm năm, nó vang lên khác hẳn. Nó không còn là câu học thuộc lòng trên ghế nhà trường. Nó là tiếng gọi ngàn đời.

Dòng người nối dài lên triền núi. Bước chân của mỗi người như tự biết điều chỉnh sao cho hợp với nhịp đi của cả đám đông. Một nhịp đi rất lạ. Chậm rãi, thành kính. Tôi nhận ra, người ta về đây không phải để đến một địa danh. Người ta về đây là để trở về.

Hành trình trở về nguồn cội

Đi lên cao hơn, tôi dừng lại bên một bậc đá cũ. Phía trên đỉnh Nghĩa Lĩnh, mây trắng vương thành dải, phủ nhẹ lên những mái ngói đã ngả màu thời gian. Khoảnh khắc ấy, trong đầu tôi lại hiện lên bức tranh quen thuộc từ sách giáo khoa thuở nhỏ. Lạc Long Quân và Âu Cơ. Bọc trăm trứng. Năm mươi con theo cha xuống biển, năm mươi con theo mẹ lên non. Truyền thuyết con Rồng cháu Tiên, người ta đã kể cho nhau nghe suốt bao

đời. Nhưng phải đứng dưới chân đền, nhìn dòng người cùng hướng về một điểm, tôi mới thấm, hai chữ "đồng bào" không phải ẩn dụ văn chương. Đó là sự thật của máu thịt, của ký ức chung, của niềm tin rằng tất cả chúng ta "cùng chung một bọc".

Tôi chợt nhớ đến chuyến đi Cà Mau mấy năm trước. Nơi cực Nam Tổ quốc, cách Nghĩa Lĩnh hàng nghìn cây số, có một khu đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương và Quốc Mẫu Âu Cơ, được người dân gìn giữ suốt hơn 150 năm. Ngày mùng Mười tháng Ba, người dân trang trọng dâng hương. Những người phụ nữ tất bật chuẩn bị mâm cúng, những cụ già ngồi bên bàn trà, những thanh niên dọn dẹp khuôn viên đền. Tất cả tạo nên một không gian thắm đẫm tình đoàn kết và đạo lý "uống nước nhớ nguồn".

Ngày ấy, tôi hiểu ra một điều, người Việt, dù ở đâu, cũng đều có ngày giỗ chung. Từ Cà Mau lên Phú Thọ, từ TP. Hồ Chí Minh qua Cần Thơ, Lâm Đồng, Đồng Nai, đền thờ Vua Hùng phủ khắp non sông. Ra cả ngoài nước, hơn 5,3 triệu người Việt đang sống tại hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ vẫn hướng về ngày mùng Mười tháng Ba. Ngày Quốc Tổ Việt Nam toàn cầu đã thành nhịp cầu, nối những con người xa xứ lại bằng một nền tâm hương, một khúc hát xoan, một chiếc bánh chưng.

Một kiêu bào chia sẻ giữa dòng người hành hương: "Dù đi xa, nhưng khi đứng ở đây, tôi cảm thấy mình chưa bao giờ rời khỏi quê hương. Cảm giác ấy rất khó diễn tả, vừa tự hào, vừa xúc động".

Sắc màu lễ hội và nghi thức ngàn năm

Đi xuống chân núi, tôi bước vào một Nghĩa Lĩnh khác. Vẫn là núi ấy, nhưng dưới chân núi giờ là một biển cờ hội đỏ rực. Từ phường Việt Trì về đến khu di tích, hoa tươi và pa nô nối dài như dải lụa dẫn lối. Gió xuân mang theo mùi trầm hương, mùi

hoa tươi, thoang thoảng cả mùi xôi nếp từ những gian trung bày của các địa phương.

Năm nay, Lễ hội Đền Hùng và Tuần Văn hóa - Du lịch được tổ chức quy mô, bài bản. Chương trình nghệ thuật "Linh thiêng cội nguồn - Đất Tổ Hùng Vương" với sự tham gia của hàng trăm nghệ sĩ, tái hiện thời đại Hùng Vương bằng ngôn ngữ nghệ thuật hiện đại mà vẫn đậm chất truyền thống. 18 cụm xà mông đến những gam màu văn hóa khác nhau. Nhà "hai gian ba mái" của người đồng bằng Bắc Bộ đứng cạnh nếp nhà sàn của đồng bào Mường. Tiếng chày giã bánh dày thỉnh thoảng xen lẫn tiếng reo hò của trò bắn nỏ, tung còn.

Du khách không chỉ chiêm ngưỡng, mà còn được sống trong không gian ấy. Được chạm vào. Được trải nghiệm. Được cảm nhận. Di sản, vì thế không còn là chuyện của quá khứ. Nó đang được nối dài bằng chính bước chân của hiện tại.

"Các nghi lễ quan trọng nhất của lễ hội gồm: Lễ giỗ Đức Quốc Tổ Lạc Long Quân, Lễ dâng hương Tổ Mẫu Âu Cơ và đặc biệt là Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng, đều được chuẩn bị kỹ lưỡng, đảm bảo trang trọng, chuẩn mực" - ông Phạm Tiến Đạt, Giám đốc Khu Di tích lịch sử Đền Hùng chia sẻ.

Giữa tiếng trống hội và làn khói trầm, tôi nhìn dòng người xếp hàng dâng hương. Em nhỏ được mẹ nâng trên vai. Cụ già chống gậy bước từng nhịp. Không ai chen. Không ai vội. Mỗi nền hương cháy lên là một lời hứa tiếp nối, dù thâm lặng.

Dư âm từ "bọc trăm trứng"

Tôi nhớ chiểu. Tôi rời Đền Hùng khi ánh hoàng hôn đã nhuộm vàng ngọn núi Nghĩa Lĩnh. Dòng người vẫn đổ về, bất tận, như một dòng chảy không mỏi. Tôi ngoái lại một lần cuối. Gió chiều thổi qua những tán cổ thụ, lá xào xạc như tiếng ai đó đang kể tiếp câu chuyện cũ.

Hàng nghìn năm đã trôi qua. Truyền

thuyết về "bọc trăm trứng" vẫn sống. Vẫn chậy, âm thầm, trong huyết quản của mỗi người Việt. Năm mươi người con theo cha xuống biển, năm mươi người con theo mẹ lên non. Con cháu của các ngài nay đã đi khắp năm châu, bốn biển. Nhưng mùng Mười tháng Ba, tất cả vẫn quay về, vẫn hướng về Nghĩa Lĩnh và thấp một nền tâm hương.

Đi xuống cuối dốc, tôi chợt hiểu điều người ta vẫn nói mà tôi chưa từng thấm. Giỗ Tổ không phải ngày của quá khứ. Đó là ngày của hiện tại, để mỗi người Việt soi lại mình trong gương của tiền nhân. Câu ca dao "Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ Tổ mùng 10 tháng Ba" sẽ còn vang lên mãi trong lòng mỗi người con đất Việt. Nền hương sẽ còn được thắp mãi trên bàn thờ tổ tiên. Mạch nguồn "bọc trăm trứng" sẽ còn chảy mãi. Âm thầm mà bền bỉ. Giản dị mà thiêng liêng.

Một dòng chảy không bao giờ cạn!

Ngày 6 /12/2012, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương của Việt Nam được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây là một trong số rất ít di sản tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trên thế giới được vinh danh ở tầm quốc tế. Sự ghi danh ấy không tạo nên giá trị mới, mà khẳng định một điều người Việt đã thực hành từ bao đời.

Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ mở đầu cho nhiệm kỳ mới mà còn đặt nền móng cho một giai đoạn phát triển mới của đất nước.

➤ QUỲNH NGÀ

Kiến toàn bộ máy, nhân sự cấp cao

Trong tuần làm việc đầu tiên của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI (từ ngày 6-12/4/2026), Quốc hội đã hoàn thành khối lượng lớn công việc, với sự tập trung cao độ, trách nhiệm và dân chủ.

Từ ngày 6 - 8/4, Quốc hội đã hoàn thành công tác nhân sự. Cụ thể, Quốc hội đã tiến hành bầu và phê chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đây là nội dung trọng tâm của Kỳ họp, có ý nghĩa quan trọng, quyết định trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong cả nhiệm kỳ.

Quốc hội khóa XVI đã thông qua Nghị quyết bầu đồng chí Trần Thanh Mẫn - Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội khóa XV, tiếp tục giữ chức Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI; thông qua Nghị quyết bầu đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XIV, đại biểu Quốc hội khóa XVI giữ chức Chủ tịch nước nhiệm kỳ 2026 - 2031; thông qua Nghị quyết bầu đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng giữ chức Thủ tướng Chính phủ; thông qua Nghị quyết bầu đồng chí Võ Thị Ánh Xuân giữ chức Phó Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Văn Quảng giữ chức Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và đồng chí Nguyễn Huy Tiến giữ chức Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Trong tuần làm việc đầu tiên, Quốc hội khóa XVI đã điều chỉnh toàn bộ máy Quốc hội, Chính phủ. Quốc hội đã thông qua Nghị quyết bầu 6 Phó Chủ tịch Quốc hội, gồm các đồng chí: Đỗ Văn Chiến, Nguyễn Khắc Định, Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Hồng Diên, Nguyễn Đoàn Anh, Nguyễn Thị Hồng; bầu 11 Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thông qua nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và Tổng Kiểm toán nhà nước. Như vậy, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI có 18 thành viên.

Quốc hội cũng đã thảo luận, biểu quyết thông qua các nghị quyết phê chuẩn việc bổ nhiệm 6 Phó Thủ tướng Chính phủ gồm các đồng chí: Phạm Gia Túc, Phan Văn Giang, Hồ Quốc Dũng, Nguyễn Văn Thắng, Lê Tiến Châu, Phạm Thị Thanh Trà và 17 bộ trưởng, trưởng ngành. Trong đó, đồng chí Lê Mạnh Hùng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương giữ chức Bộ trưởng Bộ



Các thành viên Chính phủ nhiệm kỳ mới ra mắt Quốc hội

KỲ HỌP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHÓA XVI

Tạo nền tảng cho đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới

Công Thương nhiệm kỳ 2026 - 2031. Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI có 14 Bộ và 3 cơ quan ngang Bộ.

Chỉ trong 2,5 ngày của tuần làm việc đầu tiên Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI, Quốc hội đã hoàn thành quy trình kiện toàn các chức danh lãnh đạo cấp cao của bộ máy Nhà nước ở Trung ương. Với tỷ lệ đại biểu Quốc hội tán thành rất cao đối với công tác nhân sự không chỉ thể hiện sự đồng lòng và ủng hộ của nhân dân, mà còn là sự kết tinh niềm tin của cử tri, nhân dân cả nước, đồng thời là minh chứng cho một hệ thống chính trị ổn định, đoàn kết và quyết tâm cao.

Việc lựa chọn đội ngũ lãnh đạo hội tụ đủ đức và tài không chỉ khẳng định vai trò của Quốc hội trong việc thể chế hóa đường lối của Đảng thành sức mạnh pháp lý, mà còn góp phần nâng cao năng lực quản trị quốc gia, đáp ứng trọn vẹn niềm tin và khát vọng bức phá của nhân dân trong kỷ nguyên mới.

Định hướng chiến lược về kinh tế - xã hội

Ngay sau khi kiện toàn bộ máy, Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI đã thực hiện chức năng lập pháp và quyết định các vấn đề quan trọng. Trong lĩnh vực lập pháp, Quốc hội đã xem xét, thảo luận nhiều dự án luật có ý nghĩa quan trọng, tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội và quyền, nghĩa vụ của công dân như dự án Luật Thủ đô (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (sửa đổi); Luật Hộ tịch (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Công chứng; Luật Trợ giúp pháp lý; Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)...

Bên cạnh đó, Quốc hội thảo luận về dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù trong phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Đặc biệt, biểu quyết thông qua Nghị quyết của Quốc hội về việc ban hành một số quy định về thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu và nhiên liệu bay.

Cùng với công tác lập pháp, trong tuần làm việc đầu tiên Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI cũng nghe trình bày tại hội trường và thảo luận tại tổ về các báo cáo: Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2025; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước những tháng đầu năm 2026; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030...

Báo cáo trước Quốc hội và cử tri cả nước, Chính phủ khẳng định, dù trải qua giai đoạn đầy thách thức với dịch Covid-19 kéo dài và biến động kinh tế thế giới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã giúp nước ta hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra: đạt và vượt 22/26 chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021-2025, trong đó năm 2024, 2025 hoàn thành toàn bộ 15/15 chỉ tiêu. Năm 2025, quy mô GDP đạt 514,4 tỷ USD, gấp 1,48 lần năm 2020; GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, gấp 1,4 lần năm 2020; an sinh xã hội được đảm bảo.

Với khí thế khẩn trương, nghiêm túc và đầy trách nhiệm được thể hiện ngay từ tuần làm việc đầu tiên của Kỳ họp thứ Nhất, Quốc hội khóa XVI, cử tri và nhân dân có cơ sở vững chắc để tin tưởng vào một nhiệm kỳ hoạt động hiệu quả, thực chất và đổi mới. Quốc hội khóa XVI được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh được giao, đáp ứng niềm tin và kỳ vọng của cử tri và toàn thể nhân dân trong cả nhiệm kỳ.

Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, để hiện thực hóa mục tiêu, tầm nhìn phát triển, vượt qua bão thị trường trung bình, Chính phủ xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững đất nước, phấn đấu tăng trưởng GDP năm 2026 và bình quân 5 năm 2026 - 2030 từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 8.500 USD, gấp 1,7 lần năm 2025; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, để nhân dân được thụ hưởng mọi thành quả của phát triển.

Tại phiên thảo luận ở tổ về tình hình kinh tế - xã hội sáng 10/4, Thủ tướng Lê Minh Hùng nêu rõ, muốn phát triển trên cơ sở nền tảng vững chắc, tăng trưởng phải đi đôi với ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát các cân đối lớn của nền kinh tế. Chúng ta không chấp nhận tăng trưởng nóng, tăng trưởng ảo bằng mọi giá để đổi lấy bất ổn vĩ mô. Chúng ta có thể thúc đẩy các hình thức đầu tư để đạt tăng trưởng ngắn hạn, nhưng đổi lại là những vấn đề bất ổn trong trung và dài hạn. Khi đó, cái giá phải trả đối với nền kinh tế rất lớn. Nhấn mạnh như vậy, người đứng đầu Chính phủ cho biết

đang chỉ đạo sát sao Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công Thương phối hợp điều hành các thị trường trọng yếu như xăng dầu, tiền tệ, tỷ giá... nhằm giảm thiểu tối đa tác động bất lợi từ bên ngoài và thị trường trong nước.

Thông tin về công tác đảm bảo nguồn cung xăng dầu, đảm bảo an ninh năng lượng tại phiên họp tổ, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng cho biết, trong bối cảnh dư thừa quốc gia và dự trữ dầu thô thấp, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo rất quyết liệt, xác định mục tiêu hàng đầu là phải bảo đảm được an ninh năng lượng dựa trên 3 trụ cột: đủ nguồn cung; khủng hoảng không đứt gãy và đảm bảo người dân được tiếp cận đủ nguồn xăng dầu, giá phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô.

Các kịch bản ứng phó cũng đã được xây dựng, bao gồm kịch bản cơ sở khi xung đột kết thúc trong 4 tuần, kịch bản "4 tuần cộng 2" và kịch bản dự phòng khi xung đột xảy ra nhiều hơn 4 tuần. Theo Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng, diễn biến đang theo kịch bản thứ hai và Bộ Công Thương đã triển khai nhiều giải pháp.■

Hội nghị Trung ương 2 đặt những nhiệm vụ lớn cho ngành Công Thương

➤ HÀ TRANG

Mục tiêu tăng trưởng hai con số tại Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa XIV đã thể hiện quyết tâm đưa nền kinh tế Việt Nam chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng cao, bền vững, có khả năng cạnh tranh ở tầm khu vực và thế giới.



Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng làm việc tại Nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất

Ảnh: Nam Nguyễn

Động lực từ công nghiệp

Với mục tiêu tăng trưởng hai con số, vai trò của ngành Công Thương không dừng lại ở việc tham gia vào quá trình phát triển, mà thực chất giữ vai trò quyết định.

Trước hết, Kết luận đã đặt ra những chỉ tiêu tăng trưởng rất cao đối với khu vực công nghiệp - xây dựng, với mức bình quân 12,3%/năm, riêng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 12,4%. Trong cấu trúc GDP, công nghiệp luôn là khu vực tạo ra giá trị gia tăng lớn nhất, có khả năng lan tỏa mạnh sang các ngành khác. Vì vậy, khi Trung ương nhấn mạnh yêu cầu "xây dựng và hiện đại hóa nền công nghiệp quốc gia vững mạnh", tập trung vào các ngành nền tảng như năng lượng, cơ khí chế tạo,

luyện kim, hóa chất, vật liệu mới và công nghệ số. Nếu không có sự chuyển dịch căn bản này, nền công nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào gia công, lắp ráp, phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và công nghệ, thì dù tốc độ tăng trưởng có cao đến đâu cũng khó bền vững và không đủ sức kéo toàn bộ nền kinh tế đi lên.

Để ngành công nghiệp đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng hai con số, theo nhiều chuyên gia, cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam; từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh.

Thương mại - điểm tựa quan trọng

Bên cạnh công nghiệp, hệ thống chỉ tiêu về thương mại và thị trường tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của ngành Công Thương trong việc tạo lập và duy trì động lực tăng trưởng. Kết luận của Trung ương đặt mục tiêu tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu ở mức 15 - 16%/năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 14 - 15%. Trong đó, xuất khẩu mở rộng không gian tăng trưởng, thị trường trong nước đóng vai trò điểm tựa để duy trì ổn định và chống đỡ trước các cú sốc bên ngoài. Đáng chú ý, Trung ương không chỉ dừng lại ở yêu cầu tăng trưởng về lượng, mà đã nhấn mạnh rất rõ yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng thông

qua việc ưu tiên xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị.

Ngoài ra, Kết luận nêu rõ: Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, mua sắm hàng hóa. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

Để duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2026, tại Hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài quý I/2026, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đề xuất tiếp tục đổi mới diện mạo thương mại toàn cầu, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt. Theo đó, Bộ Công Thương sẽ

phối hợp với các bộ, ngành như Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Xây dựng nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu. Một trong những giải pháp quan trọng được Cục Xuất nhập khẩu đề xuất là tăng cường vai trò của hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài trong việc thúc đẩy xuất khẩu.

Huyết mạch năng lượng

Theo Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ hai khóa XIV: "Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao, bảo đảm an ninh năng lượng; nghiên cứu phát triển nhiệt điện than quy mô hợp lý kèm theo lộ trình thu hồi, xử lý khí thải; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới". Đồng thời, đạt mục tiêu tăng trưởng điện thương phẩm bình quân 11 - 12%/năm, con số phản ánh trực tiếp nhu cầu mở rộng sản xuất và tiêu dùng trong nền kinh tế. Điện không chỉ là một sản phẩm hàng hóa, mà là "hạ tầng của hạ tầng", điều kiện để mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có thể vận hành.

Từ yêu cầu này, có thể thấy "bài toán" đặt ra đối với ngành Công Thương không dừng ở việc bảo đảm đủ nguồn cung năng lượng cho tăng trưởng, mà còn đòi hỏi xử lý đồng thời hai áp lực lớn. Một mặt phải duy trì an ninh năng lượng trong bối cảnh nhu cầu tăng nhanh và biến động khó lường của thị trường; mặt khác phải thúc đẩy chuyển dịch sang các nguồn năng lượng sạch hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và các cam kết khí hậu, qua đó định hình lại nền tảng tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế trong trung và dài hạn. ■



Công nghiệp giữ vai trò quan trọng trong hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số

Ảnh: Cán Dũng

Không dừng lại ở các lĩnh vực truyền thống, các chỉ tiêu về kinh tế số, kinh tế xanh cũng tiếp tục mở rộng không gian vai trò của ngành Công Thương, khi Trung ương đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP và kinh tế xanh chiếm 10% GDP.



Ngày 19/3, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương

Ảnh: Cán Dũng

Bộ Công Thương xây dựng chiến lược dài hạn, tạo đà tăng trưởng hai con số

► KHÔI NGUYỄN

Bộ Công Thương đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển của ngành, hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn tới. Đây là nền tảng để ngành Công Thương tiếp tục khẳng định vai trò “đầu kéo”, dẫn dắt các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển.

“Trụ cột” dẫn dắt mục tiêu tăng trưởng hai con số

Nhiều năm qua, ngành Công Thương đã ghi dấu những kết quả quan trọng, tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những trụ cột then chốt của nền kinh tế quốc dân. Với vai trò trung tâm, ngành đang gánh vác các nhiệm vụ chiến lược như bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, mở rộng thị trường xuất khẩu và duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế.

Trong bối cảnh thế giới tiềm ẩn nhiều biến động khó lường, từ xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng đến xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, yêu cầu đặt ra đối với ngành Công Thương ngày càng cao và phức tạp. Đặc biệt, khi nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số, vai trò “đầu kéo” của ngành càng trở nên rõ nét và mang tính quyết định.

Trước áp lực và kỳ vọng đó, việc xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng hai con số là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngành cần tập trung nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh nội địa hóa, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển hạ tầng chiến lược.

Theo đó, trọng tâm là phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, cung cấp tư liệu sản xuất, máy móc và vật liệu đầu vào cho toàn bộ nền kinh tế; đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia thông qua việc đồng bộ hóa quy hoạch, phát triển hạ tầng truyền tải và hệ thống lưu trữ năng lượng.

Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, ngành Công Thương cần tăng cường kết nối thị trường trong nước với hoạt động xúc tiến xuất khẩu, thu hút FDI có chọn lọc, nâng cao năng lực chuỗi cung ứng nội địa. Cùng với đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo được xác định là yếu tố then chốt để chuyển dịch từ tăng trưởng theo quy mô chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu, hướng tới phát triển bền vững trong các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng và thương mại.

Hoạch định chiến lược dài hạn, tạo lực tăng trưởng hai con số

Trước yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con

Trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương, cách tiếp cận của Bộ Công Thương không chỉ nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số về mặt số lượng, mà còn hướng tới nâng cao chất lượng tăng trưởng, củng cố nội lực, tăng cường tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế trước biến động toàn cầu. Đây chính là nền tảng để ngành tiếp tục khẳng định vai trò “đầu kéo”, dẫn dắt các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển.

số, giữa tháng 3/2026, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương nhằm thảo luận, góp ý cho Dự thảo chiến lược trong giai đoạn tới. Hội nghị tập trung nhận diện các điểm nghẽn, đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng cường liên kết giữa ba trụ cột năng lượng - công nghiệp - thương mại. Đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững của ngành.

Lắng nghe các ý kiến thảo luận tại hội nghị, Bộ trưởng Bộ Công Thương Lê Mạnh Hùng đánh giá cao tinh thần trách nhiệm và những đóng góp chất lượng, tâm huyết. Bộ trưởng nhấn mạnh, việc xây dựng chiến lược phát triển ngành là cơ hội quan trọng để định hình tầm vóc, vị thế và hướng đi dài hạn của ngành Công Thương. Đồng thời, lưu ý cần xây dựng chiến lược tổng thể, bảo đảm liên kết chặt chẽ với các ngành,

lĩnh vực và doanh nghiệp; rà soát, nhận diện những rào cản để từ đó có giải pháp tháo gỡ hiệu quả, tạo điều kiện để ngành Công Thương phát huy đầy đủ vai trò dẫn dắt nền kinh tế trong giai đoạn tới.

Theo đó, Bộ trưởng giao Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương; thành lập Tổ công tác triển khai chiến lược do Thứ trưởng Trương Thanh Hoài làm Tổ trưởng, cùng sự tham gia của các viện, trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc ba lĩnh vực trụ cột: công nghiệp, năng lượng và thương mại.

Về nội dung Dự thảo, Bộ trưởng yêu cầu xây dựng bộ chỉ tiêu, mục tiêu của chiến lược phải bám sát các mục tiêu phát triển đất nước, với hai mốc trọng tâm là năm 2030 và 2045 theo định hướng của Đại hội Đảng lần thứ XIV.

Vì vậy cần tập trung phân tích, đánh giá rõ cơ cấu các trụ cột và động lực phát triển của ngành, xác định cụ thể vai trò của từng trụ cột công nghiệp - năng lượng - thương mại

trong mô hình tăng trưởng của ngành. Từ đó, xác định các bộ giải pháp trọng tâm, bao gồm tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước, hoàn thiện thể chế và mô hình quản trị.

Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Bộ trưởng nhấn mạnh cần đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và làm chủ công nghệ chiến lược gắn với mục tiêu phát triển của ngành, bảo đảm tính đồng bộ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, chú trọng nội dung về giải pháp quản trị thị trường nước ngoài và hội nhập quốc tế.

Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng yêu cầu các đơn vị khẩn trương hoàn thiện chiến lược, đề nghị Tổ công tác tập trung triển khai, có thể huy động sự tham gia của các tập đoàn, doanh nghiệp và các chuyên gia để bảo đảm tính kết nối và khả thi trong quá trình thực hiện.

Có thể thấy, trong bối cảnh nền kinh tế đứng trước yêu cầu bứt phá về tốc độ và chất lượng tăng trưởng, Bộ Công Thương đã thể hiện rõ vai trò chủ động, kiến tạo khi sớm triển khai xây dựng Chiến lược phát triển ngành Công Thương với tầm nhìn dài hạn, bài bản và đồng bộ. Với sự chủ động từ tư duy chiến lược đến hành động thực tiễn, ngành Công Thương đang từng bước tạo dựng những điều kiện cần và đủ để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới. ■

Giữa “con bão” năng lượng toàn cầu, Bộ Công Thương đã triển khai hàng loạt giải pháp đồng bộ, từ điều hành thị trường đến làm việc trực tiếp với doanh nghiệp, giữ vững nguồn cung xăng dầu.

► PHUONG LAN

Điều hành chủ động, phản ứng nhanh trước biến động toàn cầu

Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông leo thang, thị trường năng lượng toàn cầu rung lắc dữ dội, nhiều quốc gia Đông Nam Á rơi vào khủng hoảng xăng dầu, Việt Nam vẫn giữ được sự ổn định tương đối. Kết quả này không phải ngẫu nhiên, mà là hệ quả của một chuỗi hành động điều hành chủ động, quyết liệt, đặc biệt là vai trò trung tâm của Bộ Công Thương trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Từ các cuộc họp liên tục của Tổ công tác bảo đảm an ninh năng lượng đến những chuyến làm việc trực tiếp của lãnh đạo Bộ tại các nhà máy lọc dầu trọng điểm, một chuỗi hoạt động xuyên suốt đã được thiết lập, vừa bám sát diễn biến thị trường, vừa kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó linh hoạt.

Trên nền tảng các chủ trương lớn của Trung ương, Chính phủ đã nhanh chóng ban hành hàng loạt chính sách quan trọng như Nghị quyết 36/NQ-CP, Nghị quyết 55/NQ-CP và Công điện 22/CD-TTg, đặt ra yêu cầu xuyên suốt là không để đứt gãy nguồn cung xăng dầu trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Đặc biệt, việc thành lập Tổ công tác bảo đảm an ninh năng lượng đã tạo ra một cơ chế phối hợp liên ngành linh hoạt, giúp rút ngắn thời gian phản ứng chính sách.

Bám sát chỉ đạo đó, Bộ Công Thương đã triển khai ngay các công cụ điều hành cụ thể. Chỉ thị 06/CT-BCT yêu cầu bảo đảm nguồn cung trên toàn hệ thống; Chỉ thị 03/CT-BCT yêu cầu lực lượng quản lý thị trường trực 24/7; Công điện 15/CD-BCT yêu cầu các doanh nghiệp đầu mối thực hiện nghiêm kế hoạch nhập khẩu và dự trữ.

Không dừng ở văn bản, các cuộc họp của Tổ công tác bảo đảm an ninh năng lượng được tổ chức liên tục, đồng vai trò như “bộ não” trong điều hành. Tại đây, các kịch bản ứng phó được cập nhật theo từng ngày, từng tuần, dựa trên diễn biến thực tế của thị trường thế giới.

Song song với đó, Bộ Công Thương phối hợp chặt chẽ với



Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng chỉ đạo Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn đảm bảo nguồn cung

Ảnh: Nam Nguyễn

GIỮ VỮNG AN NINH NĂNG LƯỢNG

Dấu ấn chỉ đạo quyết liệt của Bộ Công Thương



Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng chỉ đạo giải pháp tại Nhà máy Lọc dầu Bình Sơn

Ảnh: Nam Nguyễn

Bộ Tài chính trong điều hành giá, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tới 9 lần chỉ trong vòng một tháng, với tổng số tiền khoảng 5.300 tỷ đồng. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp “hạ nhiệt” giá xăng dầu trong nước, tránh những cú sốc tăng giá đột biến.

Cùng với Quỹ bình ổn, các công cụ tài khóa cũng được triển khai đồng bộ như giảm thuế nhập khẩu về 0%, giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt và hỗ trợ doanh nghiệp về thuế giá trị gia tăng. Tổng thể các

giải pháp này đã tạo ra một “lớp đệm” đủ dày để hấp thụ các cú sốc từ thị trường quốc tế.

Đáng chú ý, cơ chế điều hành giá cũng được cải tiến theo hướng linh hoạt hơn. Liên Bộ Công Thương - Tài chính được phép

điều chỉnh giá ngay khi giá cơ sở biến động mạnh, thay vì chờ chu kỳ cố định. Điều này giúp tránh tình trạng tích lũy áp lực giá, vốn là nguyên nhân dẫn đến các đợt tăng sốc tại một số quốc gia trong khu vực.

Những nỗ lực của Bộ Công Thương, từ bàn họp đến thực địa, từ chính sách đến hành động cụ thể, đã góp phần giữ vững “phòng tuyến” xăng dầu, tạo nền tảng ổn định cho nền kinh tế. Trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng hai con số được đặt ra, đây không chỉ là yêu cầu trước mắt, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm phát triển bền vững.

Bám sát thực tiễn, chỉ đạo trực tiếp tại doanh nghiệp trọng điểm

Không chỉ điều hành về chính sách, lãnh đạo Bộ Công Thương đã triển khai nhiều chuyến làm việc thực địa tại các nhà máy lọc dầu. Cuối tháng 3/2026, đoàn công tác của Bộ Công Thương do Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng dẫn đầu đã trực tiếp làm việc với Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn và Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn - hai cơ sở sản xuất xăng dầu lớn nhất cả nước.

Tại Nghi Sơn, sau khi lắng nghe báo cáo từ doanh nghiệp, lãnh đạo Bộ đã thẳng thắn chỉ ra những thách thức chưa từng có trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn nhập khẩu năng lượng. Yêu cầu đặt ra không chỉ là duy trì sản xuất, mà còn phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro, đa dạng hóa nguồn cung và tối ưu hóa công nghệ để thích ứng với biến động.

Bộ trưởng nhấn mạnh phải xây dựng các kịch bản dự phòng, đảm bảo nguồn dầu thô ổn định, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp đầu mối để không gián đoạn chuỗi cung ứng. Những chỉ đạo này không mang tính lý thuyết, mà đi thẳng vào các vấn đề kỹ thuật, vận hành và quản trị cụ thể của nhà máy.

Tại Bình Sơn, yêu cầu được đặt ra rõ ràng hơn: vận hành nhà máy ở công suất cao nhưng phải tuyệt đối an toàn; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị; đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, đặc biệt là nguồn trong nước; đồng thời tổ chức lại chuỗi cung ứng theo hướng đồng bộ, hiệu quả hơn.

Điểm đáng chú ý, Bộ Công Thương không chỉ yêu cầu doanh nghiệp bảo đảm nguồn cung, mà còn nhấn mạnh trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với nền kinh tế. Việc giảm giá bán, điều chỉnh chiết khấu hợp lý được xem là giải pháp trực tiếp hỗ trợ người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Song song với đó, Bộ cũng chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra hệ thống phân phối, xử lý nghiêm các hành vi găm hàng, đầu cơ, ngừng bán không có lý do chính đáng. Lực lượng quản lý thị trường được yêu cầu nắm chắc tình hình từng địa bàn, từng cửa hàng xăng dầu.

Không chỉ dừng ở ngắn hạn, theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương đang khẩn trương xây dựng chiến lược dự trữ xăng dầu quốc gia, hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường xăng dầu, thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch tiết kiệm và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch hơn.

Từ thực tiễn ứng phó với cuộc khủng hoảng năng lượng năm 2026, có thể thấy rõ một điều: an ninh năng lượng không chỉ là câu chuyện của nguồn cung, mà là bài toán tổng thể của điều hành chính sách, năng lực quản trị và sự phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp. ■

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập, xây dựng văn hóa công vụ không chỉ là yêu cầu nội tại của cải cách hành chính mà còn là điều kiện bảo đảm cho một nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

➤ LÊ AN



Toàn cảnh buổi họp Ban Chỉ đạo Phát triển văn hóa công vụ ngành Công Thương vào cuối tháng 2/2026

Từ phát huy truyền thống văn hóa...

Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị đã đặt ra định hướng phát triển văn hóa như nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển đất nước. Từ đó, đặt ra yêu cầu văn hóa công vụ cần giữ vai trò trực tiếp trong việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại.

Định hướng chiến lược về xây dựng nền hành chính quốc gia trong giai đoạn phát triển mới cho thấy yêu cầu hoàn thiện văn hóa công vụ được đặt ra ngày càng rõ nét và cấp thiết. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nền hành chính lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuyển đổi số, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị. Trên nền tảng đó, phát triển văn hóa công vụ đặt ra hai yêu cầu song hành, vừa kế thừa, phát huy giá trị truyền thống dân tộc vừa đáp ứng các chuẩn mực, tiêu chí hiện đại.

Trao đổi với phóng viên Báo Công Thương, TS. Lương Ngọc Vinh - Trưởng khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhấn mạnh, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện, hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc xây dựng văn hóa công vụ đã trở thành đòi hỏi tất yếu. Đây là yếu tố trực tiếp góp phần kiến tạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam liêm chính, kỷ cương, văn minh, hiệu lực, hiệu quả.

Về nội hàm, văn hóa công vụ là hệ thống các giá trị, chuẩn mực và quy tắc ứng xử trong môi trường công quyền, được thiết lập trên cơ sở phương diện pháp lý và đạo đức. Những giá trị này được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận và hiện thực hóa trong quá trình thực thi công vụ. Qua đó, hình thành niềm tin, chuẩn mực nghề nghiệp và bản sắc của nền hành chính quốc gia.

Ở bình diện rộng hơn, văn hóa công vụ là thước đo phản ánh trình độ tổ chức, năng lực vận hành của bộ máy hành chính; đồng thời, thể hiện phẩm chất, năng lực và bản lĩnh của đội ngũ cán bộ trong hệ giá trị con người Việt Nam. Đây cũng là biểu hiện tập trung của hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong tiến trình phát triển bền vững.

Đáng chú ý, xây dựng văn hóa công vụ gắn chặt với việc kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Những phẩm chất như tinh thần yêu nước,

VĂN HÓA CÔNG VỤ

Xây dựng nền hành chính hiện đại



TS. Lương Ngọc Vinh - Bí thư Chi bộ, Trưởng khoa Tuyên truyền, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

ý thức cộng đồng, trọng nghĩa tình, đề cao danh dự cùng các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” tiếp tục là nền tảng đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc phát huy những giá trị này không chỉ định hướng hành vi công vụ mà còn củng cố bản lĩnh chính trị, trách nhiệm phục vụ Nhân dân, góp phần giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện hội nhập.

Từ góc độ chức năng, văn hóa công vụ trước hết tạo nền tảng nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm tính minh bạch, kỷ luật, kỷ cương. Đây cũng là động lực khơi dậy khát vọng cống hiến, tinh thần trách nhiệm xã hội của đội ngũ cán bộ, hướng tới mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đặc biệt, văn hóa công vụ còn đóng vai trò như một

Có thể khẳng định, phát triển văn hóa công vụ theo hướng kế thừa truyền thống, đáp ứng các tiêu chí quốc tế là con đường tất yếu để xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại. Đây cũng là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng quản trị quốc gia, củng cố niềm tin của nhân dân và tạo động lực cho phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

“lá chắn mềm” trong phòng ngừa tiêu cực, suy thoái và các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

... đến đáp ứng các tiêu chí hiện đại

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng văn hóa công vụ còn phải được cụ thể hóa bằng các tiêu chí đo lường, công cụ quản trị hiện đại. Thực tiễn tại Bộ Công Thương cho thấy, việc triển khai đồng bộ các mô hình quản lý tiên tiến như ISO và 5S đang góp phần quan trọng nâng cao chất lượng điều hành và hiệu quả thực thi công vụ.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 được triển khai theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn, đã tạo khung chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trong các cơ quan hành chính. Việc áp dụng ISO giúp bảo đảm tính minh bạch, nhất quán, kiểm soát rủi ro và nâng cao trách nhiệm giải trình của các đơn vị. Qua đó, góp phần cải cách hành chính và phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp.

Song song với đó, phương pháp 5S - mô hình quản lý bắt nguồn từ Nhật Bản, được triển khai nhằm xây dựng môi trường làm việc khoa học, ngăn nắp, hình thành tác phong kỷ luật, chuyên nghiệp. Tại Bộ Công Thương, việc thực hiện 5S được triển khai đồng bộ từ rà soát, đánh nhân hồ sơ, bố trí thiết bị hợp lý. Các trang thiết bị làm việc được nâng cấp, thay thế kịp thời, bảo đảm phục vụ hiệu quả công việc; không gian làm việc được tổ chức khoa học, hạn chế tối đa tình trạng thất lạc tài liệu.

Đáng chú ý, việc áp dụng và duy trì hệ thống ISO 9001:2015 tại Bộ Công Thương không được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ và sự tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện thường xuyên thông qua các hội nghị, giao ban, kiểm tra, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong toàn hệ thống. Hằng năm, các kế hoạch kiểm tra, đánh giá nội bộ được xây dựng và lồng ghép với công tác cải cách hành chính, qua đó kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực thi công vụ.

Thực tiễn này cho thấy, sự kết hợp giữa giá trị truyền thống và các công cụ quản trị hiện đại đang tạo nên nền tảng vững chắc cho việc xây dựng văn hóa công vụ ở Việt Nam. Nếu như các giá trị truyền thống giữ vai trò định hướng, tạo chiều sâu và bản sắc, thì các tiêu chuẩn, mô hình hiện đại lại giúp lượng hóa, kiểm soát và nâng cao hiệu quả thực thi. ■

CÔNG NGHIỆP QUÝ I/2026 TĂNG CAO NHẤT 5 NĂM

Động lực từ chế biến, chế tạo

Quý I/2026, công nghiệp tăng trưởng cao nhất trong 5 năm, với động lực chủ đạo từ ngành chế biến, chế tạo, cho thấy tín hiệu phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế.

➤ VIỆT ANH

Ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%

Thời gian qua, công nghiệp chế biến, chế tạo được đánh giá là lực đẩy số một trong mở rộng sản xuất và xuất khẩu của nền kinh tế. Đây cũng là ngành liên tục được mở rộng và chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành công nghiệp với đóng góp trong GDP tăng liên tục qua các năm.

Báo cáo của Cục Thống kê (Bộ Tài chính) cho thấy, trong quý I/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 8,3%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%, đóng góp 7,6 điểm % vào mức tăng chung.

Đơn cử địa phương như tỉnh Quảng Ninh, quý I/2026, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục ghi nhận được nhiều kết quả tích cực, đã có 8/9 sản phẩm chủ lực cơ bản đạt và vượt kịch bản: Tầm silic, sản lượng đạt 2.740 tấn, bằng 144,7% kịch bản; loa, tai nghe sản lượng đạt 4.282.000 bộ, bằng 157,6% kịch bản; xe ô tô sản lượng đạt 1.163 chiếc, bằng 108,4% kịch bản. Các sản phẩm khác như dầu thực vật, bột mì, sợi bông cotton và tấm quang năng cũng đều vượt kế hoạch...

Với kết quả trên, ông Trần Việt Hòa - Cục trưởng Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) nhìn nhận, công nghiệp chế biến, chế tạo luôn được đánh giá là một trong những ngành kinh tế chủ chốt, đóng vai trò là động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế, thúc đẩy thương mại, xuất khẩu, đặc biệt một số nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ lực như: Dệt may, da giày, cơ khí, điện tử, công nghiệp hỗ trợ...

Chia sẻ với phóng viên Báo Công Thương, TS. Trần Văn Khải - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đánh giá, trong bức tranh công nghiệp



Công nghiệp chế biến, chế tạo được đánh giá là một trong những ngành kinh tế chủ chốt

Việt Nam, nhiều lĩnh vực chế biến, chế tạo đang nổi lên với lợi thế cạnh tranh rõ rệt mà chúng ta cần ưu tiên thúc đẩy để tạo đột phá. Đơn cử như ngành ô tô Việt Nam đang trên đà trở dậy mạnh mẽ. Năm 2025, sản lượng ô tô tăng tới 39,1%, mức tăng "bút tốc" hiếm có. Sự vươn lên của doanh nghiệp Việt như VinFast cùng các liên doanh lắp ráp (Thaco, Hyundai Thành Công...) cho thấy, ta có lợi thế dẫn định hình và thị trường nội địa lẫn tiềm năng xuất khẩu.

Đẩy mạnh nội lực để duy trì đà tăng trưởng

Kết quả sản xuất công nghiệp quý I/2026 cho thấy, ngành công nghiệp đang duy trì đà tăng trưởng tích cực, với vai trò dẫn dắt tiếp tục thuộc về ngành chế biến, chế tạo. Đây được xem là nền tảng quan trọng để củng cố động lực tăng trưởng kinh tế trong các quý tiếp theo của năm 2026, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu sản xuất và xuất khẩu đang có dấu hiệu phục hồi.

Một trong những chiến lược quan trọng của giai đoạn tới đây được Bộ Công Thương

nhấn mạnh là thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong công nghiệp chế tạo. Theo đó, cơ quan quản lý khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), ứng dụng công nghệ mới và mạnh dạn đầu tư vào các công nghệ lõi. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam triển khai mô hình sản xuất thông minh, áp dụng công nghệ IoT, AI và các giải pháp tự động hóa trong dây chuyền sản xuất. Qua đó, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính bền vững cho ngành chế tạo.

Ngoài ra, tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ

cao theo hướng sinh thái, bền vững, chuyển từ gia công, lắp ráp sang sản xuất giá trị cao, tạo nền tảng thu hút các tập đoàn công nghệ lớn và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn được nhiều địa phương triển khai ngay trong năm 2026.

Bộ Công Thương đề ra mục tiêu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo sẽ chiếm khoảng 28 - 30% GDP, với trọng tâm là phát triển công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp xanh, carbon thấp và chuyển dịch dần từ các công đoạn sản xuất có giá trị gia tăng thấp sang các công đoạn có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tuy nhiên, theo lãnh đạo Cục Công nghiệp, năm 2025, cơ cấu ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 24,5% trong GDP. Do đó, để đạt được mục tiêu đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 28% là một thách thức rất lớn. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam vẫn còn nhiều điểm nghẽn chưa được khắc phục như phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài, năng lực tự chủ và sức chống chịu của nền sản xuất nội địa còn nhiều hạn chế.

Trao đổi với phóng viên Báo Công Thương, ông Trần Việt Hòa - Cục trưởng Cục Công nghiệp nhấn mạnh, ngành công nghiệp cần tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam; từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh, xây dựng hàng rào kỹ thuật đối với sản phẩm nhập khẩu nhằm hỗ trợ sản phẩm trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa... ■

TS. Trần Văn Khải cho rằng, điện tử, ô tô, dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, vật liệu mới là những lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế nổi bật và dư địa tăng trưởng lớn. Tập trung nguồn lực thúc đẩy các ngành này giúp tạo đột phá về xuất khẩu và tăng trưởng, định hình vị thế mới cho Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, hiện thực hóa mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp của khu vực.

KẾT LUẬN SỐ 18-KL/TW

ĐỘT PHÁ TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV ban hành Kết luận 18-KL/TW, định hướng phát triển kinh tế giai đoạn 2026-2030, bứt phá tăng trưởng trên 10%, đưa nước ta vào top 30 thế giới. Kết luận 18-KL/TW được xây dựng trên cơ sở tích hợp với Đề án về các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng "2 con số" có ý nghĩa quan trọng, là bước cụ thể hóa các quyết sách lớn về phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030 đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.

MỤC TIÊU VĨ MÔ
(2026 - 2030)

Tăng trưởng GDP: Bình quân đạt từ 10,0%/năm trở lên.



Thu nhập bình quân: Đạt 8.500 USD/người vào năm 2030.



Quy mô kinh tế: Thuộc nhóm 30 nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới.



Bộ chi ngân sách: Kiểm soát bình quân ở mức 5% GDP.



Trần nợ công: Giữ an toàn, không vượt quá 60% GDP.

CÔNG NGHIỆP -
THƯƠNG MẠI

Sản xuất công nghiệp (IIP): Mục tiêu tăng trưởng đạt 11 - 12%/năm.



Năng lực cạnh tranh (CIP): Lọt vào nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN.



Thương mại & Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng 15 - 16%/năm.



Kinh tế số: Doanh số thương mại điện tử tăng trưởng 23 - 25%/năm; kinh tế số chiếm 30% GDP vào năm 2030.



Không gian kinh tế mới: Hoàn thành 5 khu thương mại tự do và 3 đặc khu kinh tế.

KIẾN TẠO THỂ CHẾ &
MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Cải cách thủ tục: Giảm 50% thời gian và 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính ngay trong năm 2026.



Phương thức quản lý: Chuyển dịch mạnh mẽ từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm".



Sức hút đầu tư: Môi trường đầu tư của Việt Nam lọt vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN năm 2028.



Kỷ luật tài chính: Triệt để tiết kiệm 10%/năm và phấn đấu thêm trên 5%/năm chi thường xuyên (đặc biệt là hội nghị, công tác).



Đầu tư công: Giảm tối thiểu 30% số lượng dự án so với giai đoạn 2021 - 2025, chống đầu tư dàn trải.

BỨT PHÁ HẠ TẦNG
& CHUYỂN ĐỔI XANH

Mạng lưới giao thông: Hoàn thành thêm 1.655 km cao tốc, đưa tổng số km sử dụng lên trên 5.000 km. Hoàn thành 200 km đường sắt đô thị.



Chuyển đổi xanh: Tỷ trọng kinh tế xanh đạt 10% GDP/năm.



Năng lượng: Năng lượng tái tạo chiếm 26,1% trong tổng cung năng lượng sơ cấp.



Sản xuất xanh: 45 - 50% cơ sở công nghiệp áp dụng mô hình sản xuất xanh.

QUÝ I/2026: NHIỀU CHỈ SỐ NGÀNH CÔNG THƯƠNG **tăng trưởng ấn tượng**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, "bức tranh" kinh tế - công nghiệp trong nước đang ghi nhận những tín hiệu phục hồi tích cực, với động lực lan tỏa từ sản xuất công nghiệp, thương mại đến tiêu dùng nội địa. Không chỉ duy trì đà tăng trưởng ở các ngành chủ lực, Việt Nam còn từng bước củng cố nền tảng thị trường trong nước, đảm bảo an ninh năng lượng và tăng cường các công cụ bảo vệ sản xuất, quyền lợi người tiêu dùng. Những con số dưới đây cho thấy rõ nét xu hướng phục hồi và thích ứng của nền kinh tế trong giai đoạn đầu năm.

1. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHỤC HỒI ẤN TƯỢNG



• Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) **+9%**, trong đó:

- Chế biến, chế tạo: **9,73%**
- Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải **8,58%**
- Điện sản xuất và phân phối: **6,54%**
- Khai khoáng: **5,42%**

• PMI tháng 3: **51,2** điểm, 9 tháng liên tiếp trên 50

2. XUẤT NHẬP KHẨU TĂNG TỐC

• Tổng kim ngạch: **249,5 tỷ USD** (+23,2%)

• Xuất khẩu: **122,9 tỷ USD** (+19,1%)

• Nhập khẩu: **126,6 tỷ USD** (+27%)



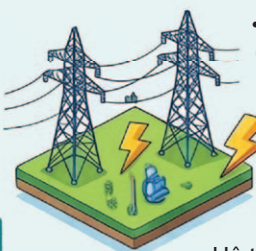
3. THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC ỔN ĐỊNH



• Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: **+10,9%**

- Nguồn cung hàng hóa dồi dào
- Giá cả cơ bản ổn định

4. GIỮ VỮNG AN NINH NĂNG LƯỢNG TRONG BIẾN ĐỘNG



• Sản lượng điện: **63,6 tỷ kWh** (+6,1%)

• Hệ thống điện vận hành an toàn, đáp ứng nhu cầu



• Đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong khó khăn



5. TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ HÀNG SẢN XUẤT TRONG NƯỚC



• Các sàn thương mại điện tử: gỡ bỏ khoảng **3.000** sản phẩm vi phạm

- Phòng vệ thương mại:
 - **37** biện pháp bảo vệ thị trường nội địa
 - Cảnh báo sớm **27** nhóm mặt hàng có nguy cơ bị kiện

6. BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG



Xử phạt: **>1,2 tỷ đồng**



Tiếp nhận và xử lý: **3.000 cuộc gọi** khiếu nại



BẢO ĐẢM ĐIỆN CAO ĐIỂM NẮNG NÓNG

Chủ động nguồn cung, tăng cường tiết kiệm điện

➤ THU HƯƠNG

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công Thương, ngành điện chủ động nguồn cung, vận hành linh hoạt và đẩy mạnh tiết kiệm điện để bảo đảm cao điểm 2026.

Không để thiếu điện trong mọi tình huống

Ngay từ đầu năm, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg yêu cầu “bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân trong mọi tình huống”, đặc biệt trong cao điểm mùa khô năm 2026 và giai đoạn 2027 - 2030. Quán triệt tinh thần này, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-BCT về việc triển khai các giải pháp, nhiệm vụ bảo đảm cung cấp điện trong thời gian cao điểm năm 2026 và giai đoạn 2027 - 2030, thúc đẩy tiến độ các dự án nguồn, lưới điện trọng điểm. Đồng thời, yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty “bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định, liên tục, không để thiếu điện” trong bất kỳ kịch bản nào.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát các nguồn cung năng lượng đầu vào như than, khí, thủy điện; yêu cầu rà soát, nâng cấp lưới điện và chuẩn bị đầy đủ nhiên liệu để bảo đảm sẵn sàng cao nhất cho các tổ máy phát điện trong mọi tình huống.

Theo Bộ Công Thương, phương án cung ứng điện năm 2026 được xây dựng với kịch bản tăng trưởng phụ tải khoảng 8,5%, có thể vượt 14% trong điều kiện cực đoan mùa khô. Thời tiết chuyển từ La Nina sang trung tính, thậm chí El Nino trong giai đoạn 5 - 7 khiến nắng nóng đến sớm, nhu cầu điện tăng nhanh. Ngay trong đầu tháng 4/2026 (ngày 8/4) hệ thống điện đã ghi nhận kỷ lục vận hành mới khi công suất cực đại toàn hệ thống đạt 52.225 MW vào lúc 15h25; sản lượng điện tiêu thụ toàn quốc đạt 1.092,1 triệu kWh.

Đồng thời, Bộ Công Thương đã chủ động ban hành, cũng như tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành, đơn đốc chỉ đạo các đơn vị, tập trung thực



Công ty TNHH Precision Technology Component Fulian, tỉnh Bắc Ninh lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự dùng

hiện các giải pháp đã được đề ra. Cùng với đó là tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 09/CT-TTg, Chỉ thị số 10 và Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương tại Quyết định số 824/QĐ-BCT đặt ra yêu cầu tăng cường tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững.

Chủ động các giải pháp bảo đảm nguồn cung điện

Thực tế vận hành từ đầu năm cho thấy áp lực lên hệ thống điện là rất lớn. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), sản lượng điện quý 1/2026 đạt gần 77 tỷ kWh, tăng hơn 6% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu điện tiếp tục tăng mạnh. Đặc biệt, bước vào mùa nắng nóng, phụ tải được dự báo tăng đột biến, nhất là tại miền Bắc và miền Nam.

Trước tình hình đó, EVN đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: vận hành linh hoạt nguồn điện, tối ưu huy động các loại hình phát điện, đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trọng điểm.

Ở cấp độ điều hành, các đơn vị đã xây dựng nhiều kịch bản cung ứng điện. Riêng khu vực phía Nam, ngành điện đã xây dựng 3 kịch bản phụ tải (cao, cơ sở, thấp) để chủ động điều hành hệ

Để đảm bảo cung ứng điện năm 2026, cùng với các giải pháp kỹ thuật, tiết kiệm điện đóng vai trò then chốt để bảo đảm cung ứng ổn định. Việc sử dụng điện hiệu quả, điều chỉnh phụ tải hợp lý và sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân sẽ góp phần giảm áp lực cho hệ thống, hạn chế nguy cơ quá tải và thiếu điện.

thống trong mọi tình huống. Đây là bước chuyển quan trọng từ tư duy “ứng phó” sang “chủ động thích ứng”.

Song song với đó, các nhà máy nhiệt điện được yêu cầu bảo đảm đủ nhiên liệu, nâng cao độ tin cậy tổ máy; thủy điện vận hành linh hoạt theo diễn biến thủy văn; hệ thống truyền tải được tăng cường kiểm tra, xử lý khiếm khuyết thiết bị và bổ sung các giải pháp kỹ thuật như tụ bù, pin lưu trữ (BESS) nhằm nâng cao khả năng hấp thụ công suất.

Cùng với đó, EVN đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành và dịch vụ điện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý phụ tải và tăng khả năng phản ứng nhanh trước các tình huống bất thường.

Tuy nhiên, để bảo đảm cung ứng điện trong mùa nắng nóng, bên cạnh các giải pháp kỹ thuật thì vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một trong những giải pháp quan trọng để đảm bảo an ninh năng lượng.

Chia sẻ với phóng viên báo chí tại cuộc họp báo quý 1/2026 do Bộ Công Thương tổ chức, Thứ

trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân khẳng định, ngoài những giải pháp đã thực hiện nhằm bảo đảm nguồn cung điện, nếu có sự phối hợp nhịp nhàng giữa cung và cầu trong việc tiết kiệm điện thì chắc chắn năm 2026 sẽ cung ứng tốt điện để phục vụ nhu cầu của nền kinh tế và sinh hoạt của người dân.

Tăng cường tiết kiệm điện, phát triển điện mặt trời mái nhà tự dùng

Trong bối cảnh nguồn cung chịu nhiều áp lực, việc quản lý nhu cầu điện (DSM/DR) ngày càng trở thành giải pháp quan trọng. Theo đó, Bộ Công Thương đã khuyến khích mạnh mẽ việc dịch chuyển phụ tải từ giờ cao điểm sang giờ thấp điểm, đặc biệt đối với các ngành tiêu thụ điện lớn như thép, xi măng, chế biến thực phẩm. Đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là công cụ điều tiết thị trường điện hiệu quả.

Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp đã chủ động tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải,

tối ưu kế hoạch sản xuất, qua đó giảm áp lực cho hệ thống điện quốc gia trong các giờ cao điểm.

Cùng với đó, phong trào tiết kiệm điện được đẩy mạnh trên diện rộng, từ cơ quan, doanh nghiệp đến hộ gia đình. Các chương trình như Giờ Trái đất, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, điều chỉnh nhiệt độ điều hòa... không chỉ mang ý nghĩa tuyên truyền mà còn góp phần trực tiếp giảm tải cho hệ thống điện.

Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường thực thi tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà, các tổng công ty điện lực đã tích cực phối hợp với địa phương, doanh nghiệp để thúc đẩy lắp đặt điện mặt trời mái nhà, góp phần giảm phụ tải đỉnh, đặc biệt trong khung giờ năng nóng cao điểm.

Song song với đó, việc nghiên cứu và triển khai hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS) cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao khả năng điều tiết công suất, hấp thụ nguồn năng lượng tái tạo và tăng tính linh hoạt cho hệ thống điện.

Các UBND tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng phương án cung ứng điện, rà soát phụ tải quan trọng, phối hợp với ngành điện trong điều hành và tiết kiệm điện. Đồng thời, nhiều địa phương cũng tích cực tháo gỡ khó khăn cho các dự án nguồn và lưới điện, góp phần tăng cường năng lực cung ứng. ■



NSMO

SẴN SÀNG CÁC PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM CUNG ỨNG ĐIỆN

> MINH KỶ

Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia (NSMO) cam kết nỗ lực đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh và sinh hoạt của người dân trong dịp nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương và kỳ nghỉ 30/4 - 1/5.



NSMO tổ chức diễn tập xử lý sự cố trên lưới điện miền Trung vào ngày 16/4/2026

Đặc điểm vận hành hệ thống điện trong dịp lễ

Nhận thức được trách nhiệm trong công tác điều độ hệ thống điện và điều hành thị trường điện, NSMO đã hoàn tất và triển khai toàn diện các kịch bản vận hành từ kỹ thuật, nhân sự đến hạ tầng, sẵn sàng phục vụ nhân dân cả nước.

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, trong dịp nghỉ lễ 30/4 - 1/5 thời tiết trên cả nước có sự phân hóa rõ rệt: Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ trời mát, xuất hiện mưa rào và dông; Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ ít mưa, có những nơi nắng nóng cục bộ. Tây Nguyên và Nam Bộ ban ngày nắng, có nơi nắng nóng, chiều tối và đêm khả năng cao xuất hiện mưa rào, dông. Nhiệt độ cao nhất ở Tây Nguyên phổ biến 31 - 34°C, có nơi trên 35°C; Nam Bộ 34 - 36°C. Nhìn chung, dịp lễ thời tiết thuận lợi cho các hoạt động ngoài trời, song vẫn cần lưu ý nguy cơ mưa dông cục bộ và nắng nóng ở một số vùng.

Theo quy luật hàng năm, dịp nghỉ lễ 30/4 - 1/5 thường là giai

Với tinh thần trách nhiệm cao nhất, NSMO cùng các Điều độ hệ thống miền cam kết giữ vững ổn định của hệ thống điện quốc gia. Toàn thể cán bộ, kỹ sư NSMO đã sẵn sàng mọi kịch bản, đảm bảo cung cấp điện liên tục, an toàn, góp phần tạo nên một kỳ nghỉ lễ bình yên và trọn vẹn niềm vui cho đồng bào cả nước.

đoạn nhu cầu tiêu thụ điện trên toàn quốc giảm xuống mức thấp trong năm, phụ tải trong các ngày lễ chỉ đạt khoảng 70 - 80% so với các ngày làm việc bình thường. Tuy nhiên, đặc thù lịch nghỉ lễ năm nay kéo dài và thời gian nghỉ lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (25 - 27/4), Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và Quốc tế Lao động (30/4 - 1/5) có ngày làm việc xen kẽ tạo ra bài toán vận hành phức tạp khiến nhu cầu tiêu thụ điện trên toàn quốc dự báo sẽ có biến động lớn.

Với đặc điểm nhu cầu tiêu thụ điện giảm thấp trong kỳ nghỉ lễ nhưng nhanh chóng tăng trở lại ngay sau khi kỳ nghỉ kết thúc, NSMO nhận định các khó khăn cơ bản trong công tác vận hành

hệ thống điện trong thời gian nghỉ lễ: (i) mức tiêu thụ điện giảm thấp dẫn đến nhiều loại hình nguồn điện buộc phải giảm phát phù hợp với nhu cầu phụ tải; (ii) điện áp trên lưới điện tăng cao; (iii) quán tính hệ thống điện giảm thấp; (iv) huy động đảm bảo cấp nước hạ du các nhà máy thủy điện; (v) duy trì cấu hình nhiệt điện than phù hợp đảm bảo đáp ứng phụ tải tăng nhanh trở lại giữa và sau khi kỳ nghỉ kết thúc; (vi) huy động nguồn khí thiên nhiên trong nước đảm bảo tối ưu và an toàn hệ thống cấp khí.

Kịch bản điều độ linh hoạt, an toàn và tối ưu hóa

NSMO đã tính toán, lập và ban hành phương thức vận hành hệ

thống điện dịp nghỉ lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (25 - 27/4) và 30/4 - 1/5 với mục tiêu đảm bảo hệ thống vận hành an toàn, ổn định và liên tục; không để xảy ra quá tải, tránh dư thừa công suất trong các giờ thấp điểm, đồng thời đảm bảo đủ công suất trong các giờ cao điểm.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Chỉ thị số 21/CT-BCT ngày 10/12/2025 về việc bảo đảm cung cấp điện trong các dịp lễ, tết và các sự kiện văn hóa - chính trị quan trọng trong năm 2026, NSMO đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng đầy đủ các phương án và kịch bản ứng phó sự cố; tổ chức diễn tập xử lý sự cố, chuyển đổi phòng điều khiển; kiểm tra, rà soát điều kiện bảo đảm an toàn điện, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong suốt kỳ nghỉ lễ. NSMO cũng đã bố trí đầy đủ nhân lực, phương tiện, thiết bị phục vụ công tác vận hành; tăng cường lực lượng trực vận hành gồm kỹ sư vận hành, lãnh đạo các phòng chuyên môn tại cơ quan NSMO và các chi nhánh. Đặc biệt, các thành viên Ban Tổng giám đốc trực tiếp tham gia trực, sẵn sàng chỉ đạo điều hành, xử lý tình huống phát sinh theo phân công.

NSMO tuyệt đối không bố trí thực hiện các công tác sửa chữa gây gián đoạn cung cấp điện trong dịp nghỉ lễ. Đồng thời, xây dựng phương án vận hành hệ thống điện quốc gia và các miền, cân đối huy động nguồn điện hợp lý giữa

các khu vực, linh hoạt điều chỉnh tụ bù, công suất vô công, thực hiện thao tác đóng/cắt đường dây, giảm truyền tải trên trục 500kV Bắc - Nam nhằm bảo đảm hệ thống vận hành an toàn, liên tục, đặc biệt trong các ngày diễn ra sự kiện chính trị - xã hội trọng điểm. Bên cạnh đó, hệ thống SCADA/EMS và các hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành được kiểm tra tính dự phòng toàn diện.

Công tác phối hợp và chỉ đạo chung

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương, NSMO đã phối hợp chặt chẽ với EVN, các Tổng công ty Điện lực, Tổng công ty Truyền tải Điện Quốc gia (EVNNPT) và các đơn vị phát điện để xây dựng và triển khai đồng bộ các phương án kỹ thuật đảm bảo cung cấp điện an toàn trong toàn hệ thống.

NSMO yêu cầu các đơn vị phát điện, đơn vị quản lý lưới điện tăng cường kỹ thuật vận hành, tuân thủ tuyệt đối lệnh điều độ của các cấp điều độ có quyền điều khiển. Đồng thời, phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành lưới điện trong công tác vận hành các thiết bị bù, phối hợp điều chỉnh điện áp, đảm bảo trong giới hạn vận hành.

Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình vận hành hệ thống điện sẽ được NSMO cập nhật và công khai minh bạch hàng ngày trên Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <https://www.nsmo.vn>.

Từ khát vọng đến vị thế thương hiệu Việt trên bản đồ thế giới

Sau hơn hai thập kỷ triển khai, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã chuyển mình mạnh mẽ. Không chỉ góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và doanh nghiệp, chương trình còn định vị hình ảnh Việt Nam là quốc gia có hàng hóa chất lượng, uy tín và năng lực cạnh tranh cao trên thị trường toàn cầu.

➤ HOÀNG CHIẾN



Hành trình hơn hai thập kỷ Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam

Infographic: Cẩm An

Từ những cú chuyển mình...

Thương hiệu quốc gia Việt Nam là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn và duy nhất của Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức thực hiện từ năm 2003. Chương trình hướng đến xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển các thương hiệu mạnh trong nền kinh tế để quảng bá hình ảnh Việt Nam là quốc gia có hàng hóa, dịch vụ chất lượng.

Năm 2008, Bộ Công Thương tổ chức kỳ xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia lần đầu tiên, với 30 doanh nghiệp và 50 sản phẩm được vinh danh.

Giai đoạn từ năm 2008 – 2012, hệ thống pháp lý và cơ chế vận hành chương trình từng bước được hoàn thiện, bao gồm quy chế quản lý, tiêu chí đánh giá và cơ chế phối hợp liên ngành. Từ năm 2013 – 2019, số lượng doanh nghiệp tham gia và được công nhận Thương hiệu quốc gia đều tăng rõ rệt qua các kỳ xét chọn.

Đấu mốc chính sách quan trọng trong giai đoạn này là việc Chính phủ ban hành các quy định cụ thể hơn về nội dung chương trình, trong đó xác định rõ đây là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn do Bộ Công Thương chủ trì. Đồng thời, Chính phủ cũng phê duyệt chương trình giai đoạn 2020 - 2030, đặt mục tiêu nâng cao hình ảnh Việt Nam gắn với các giá trị "Chất lượng – Đổi mới sáng tạo – Năng lực tiên phong" và tăng cường vị thế thương hiệu quốc gia trên trường quốc tế.

Từ năm 2020 – 2024, Thương hiệu quốc gia chứng kiến sự tăng



Giá trị thương hiệu quốc gia tăng trưởng ấn tượng trong năm 2025

Infographic: Hồng Trà

trường mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Song song với đó, giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam cũng liên tục được cải thiện trên bảng xếp hạng quốc tế. Chương trình trong giai đoạn này không chỉ là công cụ xúc tiến thương mại mà còn trở thành "đòn bẩy mềm" giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết giữa thương hiệu doanh nghiệp và hình ảnh quốc gia.

Đến thay đổi vị thế thương hiệu Việt trên bản đồ thế giới

Có thể thấy, trong tổng thể chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đóng vai trò như một "bệ phóng", giúp hàng Việt chuyển từ tăng trưởng theo số lượng sang tăng trưởng dựa trên chất lượng, đổi mới sáng tạo và giá trị gia tăng.

Sau 9 kỳ xét chọn, quy mô chương trình đã tăng trưởng

với 50 sản phẩm ở kỳ đầu tiên, đến năm 2024, đã có 190 doanh nghiệp với 359 sản phẩm được công nhận - con số cao nhất từ trước tới nay, tăng hơn 6 lần so với thời điểm khởi đầu. Điều này cho thấy sức hút ngày càng lớn của Thương hiệu quốc gia đối với cộng đồng doanh nghiệp trong nước.

Thực tế cho thấy, năm 2025, giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã đạt 519,6 tỷ USD, xếp thứ 32 thế giới trong tổng số 193 nền kinh tế, tăng hơn 200 tỷ USD (tương đương gần 63%) so với năm 2020. Việt Nam xếp thứ 52/193 quốc gia về

quyền lực mềm. Trong đó, trụ cột kinh doanh và thương mại tháng hạng vượt bậc (hạng 56, tăng 7 bậc so với năm 2024).

Những con số này đã khẳng định, giá trị Thương hiệu quốc gia không còn mang tính khái niệm hay biểu trưng, mà đã chứng minh được năng lực cạnh tranh thực tế trong nền kinh tế quốc dân. Việc duy trì thứ hạng cao cùng tốc độ cải thiện đồng bộ từ môi trường kinh doanh đến chất lượng doanh nghiệp.

Năm 2026 là năm diễn ra kỳ xét chọn Thương hiệu quốc gia lần

thứ 10, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng chuyên sâu và hiện đại hóa, đồng thời được kỳ vọng bắt đầu hành trình chinh phục các mục tiêu lớn.

Để gia tăng giá trị thực tiễn cho doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) đang tập trung tâm như Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh và vượt qua các rào cản kỹ thuật thế hệ mới; đẩy mạnh xúc tiến thương mại trên môi trường số; đổi mới cách thức quảng bá và nâng tầm giá trị văn hóa...

Theo Cục Xúc tiến thương mại, năm 2026 là kỳ xét chọn đầu tiên được triển khai theo Quyết định số 03/2026/QĐ-TTg ngày 20/1/2026 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Đây được xem là bước điều chỉnh mang tính kỹ thuật nhưng có ý nghĩa nền tảng, khi toàn bộ quy trình xét chọn được chuẩn hóa theo hướng minh bạch, có thể đo lường và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Sau hơn hai thập kỷ định hình và phát triển, Chương trình Thương hiệu quốc gia đã nâng tầm và chuẩn hóa mạnh mẽ, trở thành công cụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia. Không chỉ tôn vinh và hỗ trợ doanh nghiệp, chương trình đang định hình chuẩn mực cạnh tranh mới, gắn thương hiệu với chất lượng, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. ■

Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã đóng vai trò như một "bộ khung chuẩn" để định hướng phát triển. Ba trụ cột Chất lượng – Đổi mới sáng tạo – Năng lực tiên phong không chỉ là tiêu chí xét chọn, mà còn là hệ quy chiếu để doanh nghiệp tự điều chỉnh chiến lược.

Xuất nhập khẩu quý I/2026 đạt kết quả tích cực, đặt ra yêu cầu triển khai đồng bộ các giải pháp để bảo đảm tăng trưởng trong thời gian tới.

► NGỌC HOA

Xuất nhập khẩu khởi sắc, nền sản xuất vào guồng

Quý I/2026 ghi nhận sự khởi sắc rõ nét của hoạt động xuất nhập khẩu khi tổng kim ngạch đạt gần 250 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu đạt 122,93 tỷ USD, tăng 19,1%; nhập khẩu đạt 126,57 tỷ USD, tăng 27%. Riêng tháng 3, kim ngạch tăng mạnh so với tháng trước, cho thấy giao thương và sản xuất đã sôi động trở lại sau giai đoạn đầu năm.

Điểm đáng chú ý nằm ở cấu trúc dòng hàng. Nhập khẩu tăng nhanh, tập trung vào nhóm tư liệu sản xuất, trong khi xuất khẩu tiếp tục dựa vào nhóm công nghiệp chế biến. Diễn biến này cho thấy, doanh nghiệp đã chủ động tăng nhập nguyên liệu, linh kiện để phục vụ các đơn hàng trong những tháng tới. Nhịp sản xuất - xuất khẩu vì vậy được thiết lập sớm ngay từ quý I, thay vì chờ đến giữa năm như trước.

Đà tăng của quý I cho thấy, hoạt động sản xuất - xuất khẩu đã phục hồi rõ nét, đơn hàng có dấu hiệu quay trở lại, doanh nghiệp bắt đầu tăng nhịp sản xuất ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, bối cảnh thị trường chưa thực sự thuận lợi khi chi phí vận tải vẫn neo ở mức cao, trong khi hoạt động logistics còn tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Trao đổi với phóng viên Báo Công Thương, ông Nguyễn Anh Sơn - Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) - cho biết, các yếu tố địa chính trị tiếp tục tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng và chi phí vận chuyển hàng hóa.

"Ngay cả khi xung đột kết thúc sớm, tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu container rỗng và ách tắc trung chuyển vẫn có thể kéo dài thêm một thời gian. Chi phí vận tải khó có thể giảm ngay, ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu không chỉ của Việt Nam mà trên toàn cầu", ông Nguyễn Anh Sơn nhấn mạnh.

Thực tế này đang tạo sức ép lên chi phí và tiến độ giao hàng, buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất và xuất khẩu. Trong điều kiện đó, việc giữ ổn định nhịp xuất khẩu không chỉ phụ thuộc vào đơn hàng, mà còn phụ thuộc vào khả năng ứng phó với những biến động từ bên ngoài.

Điều hành linh hoạt, mở rộng dư địa tăng trưởng

Bước sang quý II, yêu cầu đặt ra

Triển khai giải pháp đẩy mạnh xuất nhập khẩu



Quý I/2026 ghi nhận sự khởi sắc rõ nét của hoạt động xuất nhập khẩu

Ảnh: Cán Dũng

với công tác điều hành là bám sát diễn biến thị trường, phản ứng nhanh và phối hợp đồng bộ giữa các chính sách. Theo đề xuất của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục theo dõi sát tình hình thương mại toàn cầu, tăng cường phối hợp với các bộ, ngành để triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt.

Theo ông Nguyễn Anh Sơn, điều hành xuất nhập khẩu không thể tách rời các yếu tố của nền kinh tế. Chính sách thương mại cần được đặt trong tổng thể chính sách về sản xuất, tài chính, tín dụng và

logistics. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Nhà nước nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp.

Một số công cụ quản lý ngoại thương sẽ tiếp tục được vận dụng linh hoạt, bảo đảm cân đối thị trường và lợi ích kinh tế quốc gia. Trong những trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý có thể xem xét điều chỉnh hoạt động xuất khẩu hoặc nhập khẩu đối với một số mặt hàng nhằm ổn định thị trường và tránh biến động lớn.

Cùng với đó, việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho xuất khẩu đang được đẩy nhanh. Các chính sách liên quan đến quản lý xuất khẩu gạo, quy định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam và kiểm soát thương mại chiến lược được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất khẩu.

Một hướng đi đáng chú ý là nâng cao vai trò của hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài. Bộ Công Thương đang nghiên cứu giao chỉ tiêu cụ thể cho từng thương vụ theo khu vực

thị trường, gắn với nhiệm vụ xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu.

"Trong trường hợp kim ngạch xuất khẩu sang một thị trường có dấu hiệu suy giảm, các thương vụ cần chủ động tìm kiếm và đề xuất những thị trường mới để Bộ Công Thương có cơ sở xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp", ông Nguyễn Anh Sơn nhấn mạnh.

Song song với đó, hệ thống thương vụ cũng được yêu cầu tăng cường cảnh báo sớm về rủi ro thương mại, thay đổi chính sách nhập khẩu và các biện pháp phòng vệ thương mại từ phía đối tác, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong điều chỉnh chiến lược.

Ở phía doanh nghiệp, yêu cầu nâng cao năng lực quản trị rủi ro đang trở nên cấp thiết hơn. Trong bối cảnh thị trường biến động nhanh, việc chuẩn bị các phương án ứng phó không còn là lựa chọn, mà là điều kiện bắt buộc.

"Doanh nghiệp cần dự liệu những tình huống không mong muốn có thể xảy ra trong thương mại quốc tế, từ biến động thị trường đến rủi ro logistics hoặc xung đột địa chính trị", ông Nguyễn Anh Sơn lưu ý.

Quý I tạo nền tảng tăng trưởng tích cực cho xuất nhập khẩu. Bước sang quý II, yêu cầu đặt ra không chỉ là duy trì đà tăng, mà là giữ ổn định nhịp xuất khẩu trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động. Khả năng thích ứng của doanh nghiệp và sự linh hoạt trong điều hành sẽ là yếu tố quyết định để bảo đảm mục tiêu tăng trưởng trong cả năm. ■

Trong tâm điều hành xuất nhập khẩu trong thời gian tới là theo dõi sát diễn biến thương mại toàn cầu để kịp thời điều chỉnh chính sách, phối hợp đồng bộ các công cụ về sản xuất, tín dụng, tài chính và logistics nhằm hỗ trợ doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc vận dụng linh hoạt các biện pháp quản lý ngoại thương được đặt ra nhằm bảo đảm cân đối thị trường và ổn định dòng chảy hàng hóa. Hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục được yêu cầu nâng cao vai trò trong tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, đồng thời tăng cường cung cấp thông tin và cảnh báo sớm về rủi ro thương mại.



Tháng 3/2026, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh so với tháng trước

Ảnh: Cán Dũng

Bộ Công Thương đề xuất nhiều chính sách mới khi sửa đổi Luật Quản lý ngoại thương theo hướng tạo thuận lợi thương mại, tăng cường thực hiện cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

► PHONG LÂM

Một số quy định bộc lộ hạn chế, bất cập

Đối với Luật Quản lý ngoại thương, qua rà soát, đánh giá quá trình thực thi, Bộ Công Thương cho biết, một số quy định của Luật Quản lý ngoại thương đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Cụ thể, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế phù hợp cho phép doanh nghiệp nhập khẩu trở lại hàng hóa do chính mình sản xuất đã xuất khẩu để phục vụ sửa chữa, bảo hành hoặc các mục đích hợp pháp khác, đặc biệt trong trường hợp hàng hóa thuộc diện cấm nhập khẩu.

Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, giảm tính linh hoạt của hoạt động thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu còn thiếu thống nhất về tiêu chí áp dụng giữa các cơ quan có thẩm quyền ở trung ương và địa phương, tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn trong công tác cấp C/O, ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu và uy tín của hệ thống chứng nhận xuất xứ của Việt Nam đối với các đối tác Hiệp định thương mại tự do (FTA)...

Sửa đổi Luật Quản lý ngoại thương theo hướng tạo thuận lợi thương mại



Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều trong Luật Quản lý ngoại thương, góp phần tạo thuận lợi, thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa

Ảnh minh họa

Đề xuất nhiều quy định mới

Từ những yêu cầu thực tiễn nêu trên, Bộ Công Thương xác định, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Quản lý ngoại thương là cần thiết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương.

Cụ thể, đề xuất bổ sung cơ chế cho

doanh nghiệp nhập khẩu lại hàng hóa đã xuất khẩu (bao gồm hàng cấm nhập khẩu) và tái xuất sang thị trường nước khác. Theo đó, cho phép doanh nghiệp nhập khẩu lại hàng hóa do chính doanh nghiệp sản xuất đã xuất khẩu rồi xuất khẩu sang thị trường nước khác để giải quyết vấn đề phát sinh trên thực tiễn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, không làm gia tăng chi phí, kéo dài thời gian thông quan và tạo thêm gánh nặng hành chính không cần thiết cho doanh nghiệp.

Bộ Công Thương cũng đề xuất bổ sung

điều khoản giao Bộ Công Thương quy định các tiêu chí cho cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Văn bản chấp thuận cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu; bổ sung điều khoản phân quyền và giao Bộ Tài chính quy định về cơ chế nhà nhập khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu.

Tại dự án luật sửa đổi, Bộ Công Thương còn đề xuất hoàn thiện khái niệm giấy chứng nhận lưu hành tự do tại khoản 1, Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương, theo hướng bổ cụm từ "nhà nước" sẽ tạo thuận lợi cho thương nhân khi thực hiện các quy định quản lý chuyên ngành đối với hàng nhập khẩu.

Trước đó, khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý ngoại thương nêu rõ, cơ quan cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu thực hiện. Quy định này chưa phù hợp với thực tiễn cấp phép theo quy định của một số quốc gia xuất khẩu, theo đó Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) thường do các tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (nay là Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI) cấp. Do vậy, dẫn đến vướng mắc khi doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu khi CFS hợp pháp do nước xuất khẩu cấp lại không được công nhận bởi pháp luật Việt Nam... ■

SỬA ĐỔI LUẬT THƯƠNG MẠI

Làm rõ hơn khái niệm "hàng giả"

Trong quá trình xây dựng dự án luật sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại, Bộ Công Thương đề xuất sửa quy định, làm rõ khái niệm "hàng giả".

► HẠNH HIẾN

Yêu cầu từ thực tiễn

Bộ Công Thương hiện đang lấy ý kiến đối với Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, Luật Cảnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Dự thảo). Một trong những nội dung đáng chú ý là đề xuất quy định cụ thể hơn về khái niệm "hàng giả" trong Luật Thương mại.

Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thương mại của Bộ Công Thương cho thấy, tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả tại Việt Nam đang là thách thức nghiêm trọng đối với nền kinh tế và hiệu lực quản lý nhà nước. Không chỉ gây thất thu ngân sách, hàng giả còn làm suy giảm uy tín thương hiệu, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đầu tư kinh doanh.

Số liệu từ các hiệp hội ngành hàng cho thấy, mức độ thiệt hại đáng báo động. Theo Hiệp hội Phân bón Việt Nam, mỗi năm ngành nông nghiệp thiệt hại tới 2,5 tỷ USD do phân bón giả và kém chất lượng. Trong khi đó, ngành mỹ phẩm mất khoảng 5,4 tỷ USD mỗi năm, còn lĩnh vực công nghệ chịu tổn thất lên tới hơn 100 tỷ USD do hàng giả.

Trong bối cảnh Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài, Bộ Công Thương nhận định việc xây dựng một thị trường nội địa minh bạch, cạnh tranh lành mạnh là yêu cầu cấp bách. Do đó, hoàn thiện khung pháp lý về hàng giả không chỉ là nhiệm vụ quản lý mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo vệ môi trường kinh doanh.

Quy định rõ hơn về khái niệm hàng giả

Từ thực tế trên, Bộ Công Thương đề xuất bổ sung một khoản tại Điều 3 của Luật Thương mại để giải thích rõ về hàng giả.

Cụ thể, khái niệm "hàng giả" trong Luật Thương mại được định nghĩa theo hướng bao gồm hàng giả về nội dung, hình thức và các loại tem, nhãn, bao bì nhằm bao trùm đầy đủ các phương thức làm giả phổ biến hiện nay như giả nội dung, giả hình thức, giả nhãn, bao bì, giả mạo nguồn gốc, xuất xứ. Điều này phù hợp với vị trí của Luật Thương mại trong việc điều chỉnh hoạt động thương mại nói chung và hoạt động lưu thông hàng hóa nói riêng.

Bộ Công Thương cho biết, việc quy định



Lực lượng Quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên kiểm tra cơ sở kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc

Ảnh: Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

khái niệm "hàng giả" ở cấp luật giúp củng cố cơ sở pháp lý, hiệu lực của khái niệm hàng giả. Từ đó, áp dụng thống nhất, không chỉ giới hạn trong xử lý các hành vi vi phạm mà còn tạo cơ sở thúc đẩy biện pháp quản lý, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát hiện hàng giả.

Từ đó, nâng cao hiệu quả của công cuộc đấu tranh, phòng, chống sản xuất, buôn bán hàng giả; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, doanh nghiệp; bảo vệ an ninh, an toàn sức khỏe cho nhân dân, góp phần phục vụ đất nước phát triển nhanh, bền vững. ■

Tạo chuyển biến trong giảm rác thải nhựa

Mỗi năm, cả nước có khoảng 1,8 triệu tấn rác thải nhựa thải ra môi trường. Tuy nhiên, chỉ 27% lượng rác này được tái chế, tận dụng bởi các cơ sở và doanh nghiệp. Do đó, cần có các giải pháp tháo gỡ những "nút thắt" trong quản lý và giảm thiểu rác thải nhựa.

Ngày từ năm 2019, Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị 08/CT-BCT về tăng cường biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong toàn ngành. Xác định rõ trách nhiệm của tuổi trẻ ngành Công Thương trong bảo vệ môi trường, Đoàn Thanh niên Bộ Công Thương đã chủ động xây dựng chương trình hành động, triển khai nhiều mô hình cụ thể, thiết thực. Đồng chí Nguyễn Quốc Khánh - Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Bộ Công Thương cho biết: "Việc thực hiện Chỉ thị 08 không chỉ là nhiệm vụ chính trị, mà còn là cơ hội để nâng cao chất lượng phong trào thanh niên theo hướng gắn với phát triển bền vững".

Theo đó, trong năm 2026, chiến dịch "Chung tay vì môi trường xanh" được triển khai rộng khắp, thu hút đông đảo đoàn viên tham gia. Đáng chú ý, các hoạt động không dừng ở tuyên truyền mà hướng tới "hoạt động có đầu ra", tạo chuyển biến cụ thể trong nhận thức và hành vi.

TUỔI TRÈ CÔNG THƯƠNG XUNG KÍCH GIẢM RÁC THẢI NHỰA**Từ nhận thức đến hành động**

Hưởng ứng Chỉ thị 08/CT-BCT của Bộ Công Thương về giảm thiểu chất thải nhựa, Đoàn Thanh niên Bộ Công Thương đã triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường.

► Bài và ảnh: THANH VĂN

Một trong những mô hình tiêu biểu là chương trình "Đổi 5 viên pin lấy 1 cây xanh". Hoạt động này đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ cán bộ, đoàn viên. Đồng thời, giải quyết "khoảng trống" trong xử lý rác thải nguy hại vốn tồn tại lâu nay.

Cùng với đó, phong trào "Chủ nhật xanh" tiếp tục được duy trì, gắn với các hoạt động trồng cây, cải tạo cảnh quan môi trường. Chỉ trong quý 1/2026, các đơn vị trực thuộc đã trồng gần 1.500 cây xanh, vượt 300% kế hoạch đề ra trong năm.

Đoàn viên, thanh niên Bộ Công Thương tham gia hoạt



Đoàn viên, thanh niên Bộ Công Thương tham gia hoạt động trồng cây hưởng ứng chương trình "Chung tay vì môi trường xanh", góp phần lan tỏa lối sống xanh, giảm thiểu rác thải nhựa

động trồng cây hưởng ứng chương trình "Chung tay vì môi trường xanh", góp phần lan tỏa lối sống xanh, giảm thiểu rác thải nhựa

"Không chỉ dừng lại ở các hoạt động phong trào, việc thay đổi thói quen tiêu dùng cũng được chú trọng. Tại các cửa hàng trong hệ thống phân phối hiện đại, đoàn viên, thanh niên, đặc biệt là thanh niên ngành Công Thương đã và đang chủ động hạn chế sử dụng túi nilon, túi giấy hoặc mang theo túi cá

nhân" - đồng chí Nguyễn Quốc Khánh nhấn mạnh

Phát huy vai trò hạt nhân cơ sở

Ở cấp cơ sở, nhiều mô hình sáng tạo đã được triển khai gắn với đặc thù từng đơn vị. Tại Viện Nghiên cứu Cơ khí, công tác bảo vệ môi trường được tích hợp chặt chẽ vào quy trình chuyên môn, qua đó cụ thể hóa việc thực hiện Chỉ thị số 08 về giảm thiểu chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất, nghiên cứu.

Đồng chí Nguyễn Anh Tùng - Bí thư Đoàn Thanh niên Viện cho biết, việc phân loại rác tại nguồn được thực hiện nghiêm túc, với quy trình rõ ràng đối với rác giấy, rác nhựa và các loại chất thải khác. Đáng chú ý, các giải pháp bảo vệ môi trường còn được lồng ghép ngay từ khâu thiết kế kỹ thuật do Viện triển khai. Đội ngũ kỹ sư đã chủ động lựa chọn vật tư thân thiện môi trường, thiết kế hệ thống thu gom dầu thải, phế liệu trong quá trình sản xuất. Đây là cách tiếp cận mang tính căn cơ, góp phần giảm thiểu tác động môi trường ngay từ đầu vào của quá trình sản xuất.

Thực tế, lực lượng đoàn viên, thanh niên Bộ Công Thương đóng vai trò quan trọng trong lan tỏa tiêu dùng bền vững. Với đặc điểm là lực lượng trẻ, năng động, thế hệ đoàn viên, thanh niên không chỉ là người trực tiếp thực hiện mà còn là "hạt nhân" thúc đẩy thay đổi trong cộng đồng.

Trong thời gian tới, Đoàn Thanh niên Bộ Công Thương xác định tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường theo hướng thiết thực, gắn với nhiệm vụ chuyên môn. Qua đó, góp phần triển khai hiệu quả Chỉ thị số 08/CT-BCT của Bộ Công Thương về tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa, cũng như Chương trình hành động về sản xuất và tiêu dùng bền vững. ■

Kinh tế tuần hoàn không còn là lựa chọn mà là điều kiện tồn tại, buộc doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam phải tái cấu trúc để thích ứng và bứt phá.

► THU HƯƠNG

Áp lực chuyển đổi mang tính sống còn

Trong bối cảnh toàn cầu đang dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn đã trở thành xu thế mang tính cấu trúc, không thể đảo ngược. Phát biểu tại hội thảo "Chiến lược và giải pháp phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất công nghiệp" do Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương tổ chức, PGS.TS. Bùi Quang Tuấn - Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam lưu ý, đây không phải là một xu hướng ngắn hạn, mà là sự thay đổi nền tảng của hệ thống sản xuất và tiêu dùng toàn cầu.

Thực tế cho thấy, mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống "khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ" đang bộc lộ những giới hạn nghiêm trọng. Mỗi năm, thế giới khai thác hơn 100 tỷ tấn tài nguyên, nhưng tỷ lệ tái sử dụng chỉ khoảng 6,9%, phần lớn trở thành chất thải gây áp lực lớn lên môi trường và chi phí sản xuất.

KINH TẾ TUẦN HOÀN**Lối đi tắt yếu của doanh nghiệp công nghiệp**

Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn là doanh nghiệp Việt đầu tiên đạt chứng nhận giảm phát thải carbon - chứng nhận ISCC CORSIA và ISCC EU

Trong bối cảnh đó, kinh tế tuần hoàn không chỉ là giải pháp môi trường mà còn là chiến lược kinh tế giúp doanh nghiệp tối ưu tài nguyên, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đặc biệt, với Việt Nam - trung tâm sản xuất đang hội nhập sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, áp lực chuyển đổi càng trở nên rõ nét. Theo PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, các cơ chế như thuế carbon biên giới (CBAM), tiêu chuẩn ESG (Môi trường - xã hội - quản trị) hay các rào cản

kỹ thuật mới đang dần trở thành "giấy thông hành" bắt buộc để tiếp cận thị trường quốc tế.

Ba trụ cột chiến lược cho doanh nghiệp công nghiệp

Theo PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, để chuyển đổi hiệu quả sang kinh tế tuần hoàn, doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam cần tái cấu trúc theo ba trụ cột chiến lược.

Thứ nhất, thiết kế lại sản phẩm và chuỗi giá trị. Kinh tế tuần hoàn không đơn thuần

là tái chế, mà bắt đầu từ khâu thiết kế, nơi sản phẩm được định hình để dễ sửa chữa, tái sử dụng và tái chế ngay từ đầu. Điều này giúp kéo dài vòng đời sản phẩm và giữ giá trị vật liệu ở mức cao nhất.

Doanh nghiệp cần chuyển từ tư duy "tiêu dùng tài nguyên" sang "quản lý vòng đời tài nguyên", coi chất thải là nguồn lực đầu vào mới.

Thứ hai, chuyển đổi mô hình kinh doanh. Một xu hướng nổi bật là chuyển từ "bán sản phẩm" sang "bán dịch vụ" thay vì bán đứt sản phẩm, doanh nghiệp giữ quyền sở hữu, cung cấp dịch vụ và thu hồi sản phẩm khi hết vòng đời. Mô hình này không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt hơn vòng đời sản phẩm mà còn tạo nguồn doanh thu ổn định, đồng thời tối ưu hóa việc thu hồi và tái sử dụng vật liệu. Đây cũng chính là hướng đi giúp biến kinh tế tuần hoàn từ "chi phí tuân thủ" thành "lợi thế cạnh tranh".

Thứ ba, ứng dụng công nghệ số, trong đó đặc biệt là AI, IoT và blockchain. Đây là những

công nghệ đang trở thành nền tảng vận hành của kinh tế tuần hoàn. Các công cụ này cho phép doanh nghiệp theo dõi dòng vật liệu theo thời gian thực, tối ưu chuỗi cung ứng và dự báo nhu cầu bảo trì, thu hồi sản phẩm.

PGS.TS. Bùi Quang Tuấn nhấn mạnh, Việt Nam đang đứng trước một "cửa sổ cơ hội chiến lược" để đi tắt, đón đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia thành công đều kết hợp ba yếu tố: Thể chế dẫn dắt; Nhà nước dẫn dắt; doanh nghiệp dẫn dắt. Vì vậy, đối với Việt Nam, bài toán không phải lựa chọn một mô hình mà là kết hợp linh hoạt cả ba cách tiếp cận này bởi nếu không "xanh hóa", doanh nghiệp sẽ bị loại khỏi thị trường. Điều này đã được chứng minh khi thời gian qua, dòng vốn toàn cầu đang dịch chuyển nhanh sang các mô hình sản xuất xanh. Các quỹ ESG, trái phiếu xanh và các công cụ tài chính tuần hoàn đang trở thành nguồn lực chủ đạo. ■

Chỉ thị số 10/CT-TTg đặt mục tiêu tiết kiệm điện hiệu quả, đồng thời thúc đẩy điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) trở thành nguồn bổ sung quan trọng cho hệ thống điện.

➤ THANH BÌNH

Chỉ thị số 10/CT-TTg (Chỉ thị 10) ngày 30/3 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực thi tiết kiệm điện và phát triển ĐMTMN được ban hành trong thời điểm đặc biệt, khi hệ thống năng lượng quốc gia đứng trước áp lực ngày càng lớn từ tăng trưởng nhu cầu điện, biến động nguồn cung và yêu cầu chuyển dịch sang mô hình phát triển xanh, bền vững.

Không đơn thuần là văn bản chỉ đạo, Chỉ thị 10 cho thấy bước chuyển rõ nét trong tư duy điều hành năng lượng, từ việc tập trung mở rộng nguồn cung sang chú trọng quản trị nhu cầu và khai thác tối đa các nguồn năng lượng phân tán ngay tại chỗ, trong đó ĐMTMN nổi lên như một giải pháp trọng tâm.

Trong bối cảnh nhu cầu điện tiếp tục tăng nhanh, đặc biệt vào các tháng cao điểm nắng nóng, hệ thống điện phải đối mặt với áp lực lớn cả về vận hành lẫn đầu tư nguồn mới. Thủy điện phụ thuộc vào điều kiện thủy văn, nhiệt điện chịu áp lực chi phí và môi trường, còn các nguồn năng lượng tái tạo quy mô lớn vẫn cần thời gian hoàn thiện hạ tầng truyền tải.

Chính vì vậy, yêu cầu tiết kiệm điện được đặt ra với những mục tiêu cụ thể, khi năm 2026 phải tiết kiệm tối thiểu 3% tổng điện năng tiêu thụ. Riêng các ngành cao điểm phải đạt mức tiết kiệm ít nhất 10%. Đây là

CHỈ THỊ SỐ 10/CT-TTg

Tăng cường tiết kiệm điện, thúc đẩy điện mặt trời mái nhà



Chỉ thị 10 đặt mục tiêu tiết kiệm điện, thúc đẩy điện mặt trời mái nhà

con số có ý nghĩa thực chất, tương đương với giảm hàng tỷ kWh điện, qua đó góp phần giảm áp lực đầu tư và vận hành hệ thống điện quốc gia.

Tuy nhiên, điểm cốt lõi của Chỉ thị 10 không nằm ở việc kêu gọi tiết kiệm điện theo cách truyền thống, mà ở việc triển khai các công cụ quản lý nhu cầu điện một cách bài bản, bao gồm điều chỉnh phụ tải, dịch chuyển phụ tải và tối ưu hóa sử dụng điện theo thời gian. Cách tiếp cận này phản ánh xu hướng hiện đại của thế giới, nơi năng lượng không chỉ được sản xuất nhiều hơn mà còn được sử dụng thông minh hơn,

hiệu quả hơn. Trong tổng thể đó, ĐMTMN được xác định là một trong những trụ cột quan trọng, góp phần hiện thực hóa mục tiêu kép vừa tiết kiệm điện, vừa bổ sung nguồn cung tại chỗ.

Chỉ thị đã định vị lại vai trò của ĐMTMN theo hướng rõ ràng và thực chất hơn, đó là phát triển theo mô hình tự sản xuất, tự tiêu thụ, ưu tiên lắp đặt tại các cơ quan công sở, cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình. Đây là thay đổi đáng chú ý bởi trước đây, ĐMTMN thường gắn với cơ chế mua bán điện và phụ thuộc vào giá điện, trong khi lần này được nhìn nhận như giải

pháp giảm tải trực tiếp cho hệ thống điện quốc gia.

Khi mỗi mái nhà trở thành nguồn phát điện nhỏ, áp lực lên lưới điện, đặc biệt trong giờ cao điểm ban ngày, sẽ giảm đáng kể, đồng thời nâng cao tính chủ động về năng lượng cho từng tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Không dừng lại ở định hướng, Chỉ thị 10 cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể nhằm thúc đẩy phổ cập ĐMTMN, với yêu cầu hàng năm có khoảng 10% cơ quan công sở và 10% hộ gia đình lắp đặt hệ thống này, hoặc đạt khoảng 20% công suất theo kế hoạch phát triển của từng địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030.

Đồng thời, Chỉ thị cũng giao nhiệm vụ rõ ràng cho các bộ, ngành và địa phương trong việc hoàn thiện cơ chế chính sách, tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ tư vấn và lồng ghép yêu cầu phát triển ĐMTMN vào quy hoạch xây dựng, qua đó hình thành hệ sinh thái chính sách tương đối đầy đủ cho lĩnh vực này.

Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng tiếp tục gia tăng và dư địa phát triển nguồn điện truyền thống ngày càng thu hẹp, tiết kiệm điện không còn là giải pháp mang tính khuyến khích mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc, gắn trực tiếp với an ninh năng lượng và ổn định kinh tế vĩ mô. ■

Đổi mới công nghệ sản xuất hiện đại để tiết kiệm năng lượng đang giúp nhiều doanh nghiệp tại Đà Nẵng tiết giảm đáng kể chi phí điện, nâng cao năng lực cạnh tranh.

➤ Bài và ảnh: VŨ LÊ

Liên tục đầu tư đổi mới máy móc, công nghệ

Nhiều doanh nghiệp tại Đà Nẵng chủ động đầu tư đổi mới công nghệ để giảm tiêu hao năng lượng và duy trì khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Ông Hà Ngọc Thống - Giám đốc Công ty TNHH Kiến trúc và Thương mại Á Châu (KCN Hòa Khánh) - cho biết, trong những năm qua, đơn vị liên tục nâng cấp hệ thống máy móc, thay thế các thiết bị tiêu tốn năng lượng bằng các thiết bị có công nghệ hiện đại với hiệu suất cao hơn. Nổi bật là đầu tư hệ thống tuabin chân không trong công đoạn sản xuất giấy. Đây là công nghệ mới với tốc độ vận hành có thể đạt tới khoảng 21.000 vòng/phút, giúp quá trình tách nước khỏi giấy hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng triển khai hàng loạt giải pháp công nghệ kỹ thuật khác như: lắp đặt hơn 200 thiết bị inverter để điều chỉnh

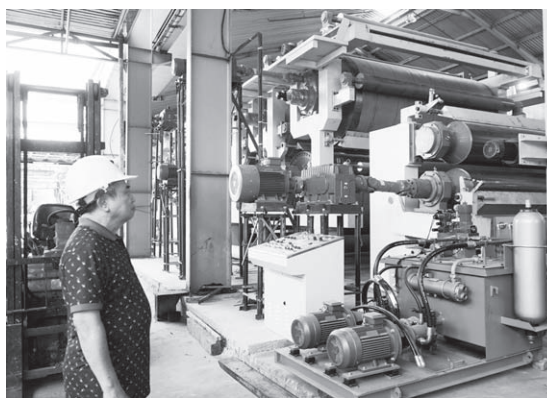
ĐÀ NẴNG TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Hiệu quả từ ứng dụng công nghệ

công suất điện theo nhu cầu thực tế của máy móc; thu hồi nước ngưng trong hệ thống hơi để tái sử dụng; cải tiến lò hơi và xử lý nước đầu vào nhằm tối ưu hiệu suất vận hành.

Tương tự, Công ty TNHH Châu Đà (KCN Hòa Cẩm) cũng đang tập trung vào cải tiến công nghệ nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng. Theo ông Tô Tấn Trung Dũng - Giám đốc công ty, các máy móc cũ tiêu tốn nhiều điện năng đang dần được thay thế bằng thiết bị hiện đại, tích hợp công nghệ mới, vừa nâng cao hiệu suất sản xuất, vừa giảm tiêu hao năng lượng.

Công ty CP Điện Trường Giang (KCN Hòa Khánh) liên tục đánh giá hiệu suất sản xuất của các thiết bị công nghệ cũ để dần thay thế các dây chuyền sản xuất công nghệ mới tích hợp nhiều công đoạn đã giúp tiết kiệm đáng kể năng lượng. "Trước đây, một quy trình cần 3 - 4 máy riêng biệt, mỗi máy tiêu tốn lượng điện lớn. Khi chuyển sang sử dụng thiết bị tích hợp nhiều chức năng, doanh nghiệp chỉ cần một máy nhưng hiệu suất cao hơn", ông Dương Tấn Thảo - Phó Giám đốc nhà máy sản xuất công ty cho hay.



Các doanh nghiệp sản xuất Đà Nẵng liên tục đầu tư đổi mới công nghệ và mang lại hiệu quả tiết kiệm năng lượng rõ rệt.

Hiệu quả tiết kiệm năng lượng rõ rệt

Đầu tư công nghệ đang mang lại hiệu quả rõ rệt về tiết kiệm năng lượng cho nhiều doanh nghiệp sản xuất. Theo ông Hà Ngọc Thống, việc đầu tư công nghệ tuabin chân không đã giúp giảm khoảng 50% điện năng tiêu thụ ở công nghệ lõi trong sản xuất giấy so với công nghệ chân không vòng nước trước đây.

Tương tự, chi phí để sản xuất 1 tấn hơi sau khi áp dụng các giải

pháp công nghệ cải tiến lò hơi đã giảm 15%, không còn sử dụng nhiên liệu hóa thạch, mà chỉ dùng nhiên liệu sinh khối.

Hiệu quả lớn nhất đó là giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và tham gia vào các phân khúc thị trường có yêu cầu cao hơn. "Hiện nay, chúng tôi không còn cạnh tranh với doanh nghiệp trong nước, mà cạnh tranh trực tiếp được với các doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến quốc tế, doanh nghiệp FDI ngành giấy và

bao bì đang đầu tư tại Việt Nam" - ông Hà Ngọc Thống chia sẻ.

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng và phát triển phương tiện giao thông điện, Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng đã yêu cầu doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn khẩn trương triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng hướng đến mục tiêu cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm tiết kiệm tối thiểu 3% điện năng mỗi năm.

Để thực hiện mục tiêu này, các doanh nghiệp sản xuất, nhất là cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ, sử dụng thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, tối ưu hóa quy trình sản xuất, thu hồi và tái sử dụng nhiệt thải, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong quản lý năng lượng.

Trong bối cảnh chi phí đầu vào ngày càng biến động, tiết kiệm năng lượng thông qua ứng dụng công nghệ đang trở thành hướng đi quan trọng để doanh nghiệp vừa đảm bảo hiệu quả sản xuất, vừa hướng tới phát triển bền vững. ■

Từ tháng 4/2026, xăng sinh học E10 được triển khai rộng rãi trên thị trường Việt Nam. Đây được xem là bước đi quan trọng nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang hệ thống năng lượng xanh.

➤ HƯƠNG CÚC

Nhiên liệu sinh học - giải pháp đa dạng hóa nguồn năng lượng

Xăng E10 là loại nhiên liệu được phối trộn giữa 90% xăng khoáng và 10% ethanol nhiên liệu. Việc đưa E10 vào lưu thông rộng rãi không chỉ góp phần giảm phát thải khí nhà kính mà còn giúp đa dạng hóa nguồn cung năng lượng. Theo kế hoạch, Bộ Công Thương cùng các doanh nghiệp đầu mối xăng dầu đang khẩn trương hoàn thiện các điều kiện kỹ thuật, hạ tầng phối trộn và nguồn cung ethanol để sớm đưa xăng E10 vào hệ thống phân phối trên toàn quốc trong tháng 4/2026, sớm hơn so với lộ trình ban đầu dự kiến từ tháng 6/2026.

Thực tế cho thấy, sau gần 8 năm triển khai xăng sinh học E5 RON92 trên toàn quốc, thị

Xăng E10 "mở đường" cho chuyển dịch năng lượng xanh

trường trong nước đã dần thích ứng với nhiên liệu sinh học. Việc thử nghiệm xăng E10 từ tháng 8/2025 tại một số địa phương và đô thị lớn cũng ghi nhận phản hồi tích cực từ phía người tiêu dùng, chưa xuất hiện phản ánh tiêu cực về chất lượng nhiên liệu hay ảnh hưởng đến động cơ phương tiện.

Ông Đỗ Văn Tuấn - Chủ tịch Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cho biết, nhiên liệu sinh học đang trở thành một trong những giải pháp quan trọng trong chiến lược chuyển đổi năng lượng của nhiều quốc gia. Nhiều quốc gia lựa chọn giải pháp phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu hóa thạch nhằm giảm phát thải, duy trì nguồn cung năng lượng ổn định.

Về góc độ an ninh năng lượng, ông Tuấn nhấn mạnh nhiên liệu sinh học là nguồn năng lượng tái tạo, không phụ thuộc vào trữ lượng hữu hạn như dầu mỏ. Trong khi các mỏ dầu trong nước đang suy giảm và Việt Nam phải nhập khẩu ngày càng nhiều dầu thô, việc tăng tỷ lệ nhiên liệu sinh học trong xăng dầu sẽ giúp giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn



Việc bơm đưa xăng E10 vào thị trường ở diện rộng sẽ làm giảm áp lực nguồn cung và áp lực giá. Ảnh: Nam Nguyễn

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ cùng sự chuẩn bị của các doanh nghiệp, mục tiêu mở rộng thị trường xăng sinh học E10 từ tháng 4/2026 đang dần trở thành hiện thực. Không chỉ góp phần tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, xăng E10 còn được kỳ vọng sẽ trở thành bước đi quan trọng giúp Việt Nam xây dựng hệ thống năng lượng xanh và bền vững.

nhiên liệu nhập khẩu. "Chỉ cần thay thế khoảng 10 - 20% nhiên liệu hóa thạch bằng nhiên liệu sinh học, chúng ta đã có thể chủ động được một phần đáng kể

nguồn năng lượng. Brazil là ví dụ điển hình khi tỷ lệ ethanol trong xăng có thể lên tới 30%, thậm chí nhiều khu vực sử dụng E85" - ông Tuấn cho biết.

Chuẩn bị nguồn cung và hạ tầng cho lộ trình E10

Để triển khai xăng E10 trên diện rộng, một trong những yếu tố quan trọng là bảo đảm nguồn cung ethanol nhiên liệu (E100) phục vụ phối trộn. Theo tính toán, nhu cầu ethanol cho xăng E10 tại Việt Nam ước tính khoảng 92.000 - 100.000 m³ mỗi tháng.

Hiện, cả nước có 6 nhà máy ethanol nhưng mới chỉ có 3 nhà máy đang hoạt động, với sản lượng khoảng 25.000 m³ mỗi tháng, tương đương khoảng 25 - 27% nhu cầu. Ngay cả khi toàn bộ các nhà máy được huy động tối đa, năng lực sản xuất trong nước cũng chỉ đáp ứng khoảng 41% nhu cầu phối trộn.

Song song với việc chuẩn bị nguồn cung ethanol, các doanh nghiệp đầu mối xăng dầu cũng đang đẩy nhanh việc nâng cấp hạ tầng phối trộn và hệ thống phân phối. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) đóng vai trò chủ đạo trong việc chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, từ hệ thống bồn bể chứa, trạm phối trộn đến mạng lưới cửa hàng bán lẻ. ■

Trong quý I/2026, TP. Hồ Chí Minh đã tiết kiệm 327,4 triệu kWh điện nhờ triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, góp phần giảm áp lực mùa khô và thúc đẩy chuyển dịch năng lượng.

➤ THANH MINH

Tiết kiệm điện hơn 327 triệu kWh

Trong bối cảnh nhu cầu điện tăng cao do nắng nóng kéo dài, TP. Hồ Chí Minh đã và đang đẩy mạnh triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tiết kiệm điện, qua đó đạt được những kết quả tích cực ngay từ những tháng đầu năm 2026.

Theo Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh (EVNHCMC), riêng trong tháng 3/2026, thành phố đã tiết kiệm được 126,4 triệu kWh điện. Lũy kế 3 tháng đầu năm, sản lượng điện tiết kiệm đạt 327,4 triệu kWh, góp phần giảm áp lực cung ứng điện trong mùa khô và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trên địa bàn.

Để đạt được kết quả này, EVNHCMC đã chủ động tham mưu Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh trình UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 2427/UBND-KT ngày 27/3/2026 về tăng cường tiết kiệm điện, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong mùa khô 2026 và giai đoạn 2027 - 2030. Trọng tâm là triển khai các giải

TP. HỒ CHÍ MINH

Đồng bộ giải pháp tiết kiệm điện trong cao điểm mùa khô

pháp cấp bách từ ngày 1/4 đến 30/6/2026. Theo đó, các cơ quan, đơn vị được khuyến nghị mở máy điều hòa trẻ 60 phút và tắt sớm 60 phút so với giờ làm việc; hệ thống chiếu sáng công cộng được điều chỉnh mở trẻ 30 phút và tắt sớm 30 phút.

Đồng thời, giảm 50% công suất chiếu sáng công cộng từ 22 giờ. Đối với hệ thống chiếu sáng quảng cáo, trang trí, thành phố yêu cầu tắt hoặc giảm 50% công suất sau 22 giờ nhằm hạn chế tiêu thụ điện không cần thiết.

Song song với các giải pháp kỹ thuật, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng được đặc biệt chú trọng. Ông Bùi Trung Kiên - Phó Tổng giám đốc EVNHCMC cho biết, đơn vị đã tích cực phổ biến các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ như Chỉ thị số 09/CT-TTg về tăng cường tiết kiệm năng lượng và chuyển dịch năng lượng, cùng Chỉ thị số 10/CT-TTg về tiết kiệm điện và phát triển điện mặt trời mái nhà.

Nhờ những nỗ lực này, đến nay tổng công suất lắp đặt điện mặt



EVNHCMC tăng cường tuyên truyền vận động thực hiện tiết kiệm điện. Ảnh: Minh Khuê

trời mái nhà trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đã đạt 1.856,7 MWp. Nguồn điện phân tán này không chỉ góp phần giảm áp lực cho lưới điện quốc gia mà còn giúp người dân, doanh nghiệp chủ động hơn trong sử dụng năng lượng.

Doanh nghiệp đồng hành điều chỉnh phụ tải

Một trong những điểm sáng trong công tác tiết kiệm điện là sự

đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm khách hàng sản xuất và dịch vụ có mức tiêu thụ điện lớn.

Ngành điện TP. Hồ Chí Minh đã đạt được sự đồng thuận cao từ khối khách hàng sản xuất và dịch vụ. Cụ thể, 3.410 khách hàng sản xuất lớn (đạt 100%) đã thỏa thuận dịch chuyển 5 - 10% công suất từ khung giờ cao điểm 17 giờ - 20 giờ sang sau 22 giờ trong giai đoạn từ tháng

4 - 7/2026 với tổng tiềm năng dịch chuyển khoảng 210 MW.

Bên cạnh đó, 3.860 khách hàng lớn khác cũng đã tham gia chương trình điều chỉnh phụ tải điện (DR) với tổng tiềm năng điều chỉnh lên tới 350 MW. Đây được xem là giải pháp quan trọng giúp cân bằng cung - cầu điện năng, giảm nguy cơ quá tải hệ thống trong những thời điểm nhu cầu tăng đột biến.

Trong thời gian tới, EVNHCMC tiếp tục tăng cường mở rộng vận động, ký thỏa thuận với nhóm khách hàng sản xuất và dịch vụ có mức tiêu thụ từ 500.000 kWh đến 1 triệu kWh mỗi năm, nâng cao hiệu quả điều hành hệ thống điện.

Không chỉ tập trung vào khối doanh nghiệp, EVNHCMC còn đẩy mạnh các hoạt động truyền thông hướng đến cộng đồng dân cư. Nhiều chương trình như "Toàn dân sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả", hưởng ứng Giờ Trái đất 2026 hay chương trình truyền hình "Gia đình chung tay sử dụng điện an toàn, tiết kiệm" đã được triển khai rộng rãi, thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân. ■

Bộ Công Thương đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng, phát triển của ngành trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

> QUYNH HOA

Tại cuộc họp Ban Chỉ đạo của Bộ Công Thương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 diễn ra mới đây, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Cục ĐCK) Nguyễn Thị Lâm Giang đã báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quy 1/2026 của Bộ Công Thương thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW.

Theo đó, về công tác xây dựng kế hoạch năm 2026, tại các văn bản của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo Chính phủ, Bộ Công Thương được giao tổng số 127 nhiệm vụ, trong đó, 58 nhiệm vụ có hạn xử lý, 69 nhiệm vụ thường xuyên. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, Cục ĐCK đã khẩn trương phối hợp với các đơn vị rà soát, phân công và trình Bộ trưởng ban hành 2 kế hoạch của bộ để tổ chức thực hiện.

Cụ thể, về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Trên cơ sở kết quả các buổi làm việc, Cục ĐCK báo cáo Bộ trưởng đề xuất danh mục bài toán lớn của ngành Công Thương gắn với mục tiêu phát triển. Cục đã làm việc với các nhóm đơn vị, doanh nghiệp, viện, trường, chuyên gia, hiệp hội để xác định những giải pháp

BỘ CÔNG THƯƠNG

Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết 57-NQ/TW



Hop Ban Chỉ đạo của Bộ Công Thương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06
Ảnh: Cán Dũng

khoa học, công nghệ có thể đóng góp trong việc giải quyết các bài toán lớn, xác định công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược liên quan... từ đó đề xuất danh mục công nghệ chiến lược của ngành Công Thương.

Về cải cách thủ tục hành chính: Hiện nay, Bộ Công Thương đang có 508 thủ tục hành chính được thực hiện tại cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp xã. Tất cả thủ tục hành chính được Bộ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định.

Về phát triển Chính phủ số: Đối với thể chế, bên cạnh các văn bản quan trọng về nền tảng số dùng chung, dữ liệu và chiến lược được ban hành cuối năm 2025, Bộ Công Thương đã ban hành hơn 10 văn bản quan trọng về chuyển đổi số và phát triển Chính phủ điện tử.

Đối với nền tảng, ứng dụng số, thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến: Trung tâm dữ liệu của bộ được vận hành ổn định, bảo đảm an toàn cho toàn bộ các hệ thống dùng chung như hệ thống quản lý

văn bản, thư điện tử, cổng thông tin điện tử và hệ thống điều hành nội bộ.

Về kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia mới: Bộ Công Thương là một trong 2 bộ đầu tiên (cùng với Bộ Khoa học và Công nghệ) đã hoàn thành cấu hình kết nối kỹ thuật và kiểm thử luồng nghiệp vụ trên môi trường chính thức. Đồng thời, Bộ đã cung cấp đầy đủ địa chỉ API để phục vụ việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua nền tảng điều phối dữ liệu.

Trên cơ sở báo cáo và các ý kiến thảo luận tại hội nghị, lãnh đạo Bộ Công Thương ghi nhận những nỗ lực của Ban Chỉ đạo trong việc triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết 57-NQ/TW đề ra. Đồng thời, nhấn mạnh thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng, phát triển của ngành trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, lãnh đạo Bộ Công Thương đã giao nhiệm vụ cụ thể cho Ban Chỉ đạo và từng đơn vị, đồng thời nhấn mạnh, việc triển khai các nhiệm vụ Nghị quyết 57-NQ/TW phải được thực hiện đồng bộ trên mọi phương diện, thực chất, gắn chặt với hoạt động của ngành, được cụ thể hóa trong chiến lược và phản ánh bằng kết quả rõ ràng. ■

NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Từ gia công sang nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam

> QUYNH NGA

Chính phủ mới đây đã ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 3/4/2026 về việc thông qua Chính sách của Luật Công nghiệp trọng điểm. Theo đó, Chính phủ thống nhất sự cần thiết xây dựng Luật Công nghiệp trọng điểm để thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoàn thiện khung pháp lý thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp trọng điểm phù hợp với bối cảnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hướng đến xây dựng nền công nghiệp độc lập, tự chủ, tự cường, góp phần phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Nghị quyết số 82 cũng yêu cầu Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ để hoàn thiện các chính sách của Luật Công nghiệp trọng điểm theo quy định, bảo đảm các yêu cầu sau: Kiến tạo được một số chính sách, pháp

Việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 82/NQ-CP thông qua chính sách xây dựng Luật Công nghiệp trọng điểm đã mở ra cơ hội thúc đẩy nội địa hóa, từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao.

luật để xử lý các điểm nghẽn cơ bản trong phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, đồng thời tạo đột phá về quá trình hiện đại hóa trong công nghiệp.

Bên cạnh đó, khuyến khích đẩy mạnh nội địa hóa phù hợp để đáp ứng các yêu cầu, ưu đãi về xuất xứ hàng hóa trong thương mại quốc tế; phù hợp với các thỏa thuận thương mại song phương và đa phương, các yêu cầu của các thị trường lớn. Cát giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Xây dựng quy định thu hút và

quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các ngành công nghiệp trọng điểm theo hướng có chọn lọc, ưu tiên dự án công nghệ cao, công nghiệp nền tảng; đồng thời, gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, liên kết với doanh nghiệp trong nước, góp phần nâng cao năng lực sản xuất quốc gia.

Trong bối cảnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực chính của tăng trưởng, việc ban hành Nghị quyết là bước chuyển quan trọng để hình thành nền công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giảm phụ thuộc vào bên ngoài và tăng khả năng chống chịu trước biến động toàn cầu.

Trên nền tảng đó, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và



Hoạt động sản xuất công nghiệp

Ảnh: Quỳnh Nga

công nghệ trong các ngành công nghiệp trọng điểm không chỉ giúp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, mà còn tạo điều kiện để doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, đây cũng là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển bền vững, tối ưu hóa tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong dài hạn.

Đại diện Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) cho biết, trong thời gian tới, nhằm xây dựng nền tảng công nghiệp hiện đại theo hướng số hóa, xanh hóa và nâng cấp chuỗi giá trị, Cục sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi số toàn bộ hệ thống sản xuất, tự động hóa, IoT, AI,

nhất là thúc đẩy nhà máy thông minh đối với dệt may, điện tử, cơ khí, tăng năng suất và chất lượng để thoát khỏi mô hình gia công truyền thống.

Đồng thời, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu (GVC), từ lắp ráp sang thiết kế linh kiện, công nghệ lõi, tham gia các mảng giá trị cao như R&D, kiểm thử, logistics thông minh, kết nối sâu với các tập đoàn đa quốc gia thông qua "thu hút FDI có điều kiện". Ưu tiên thu hút các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn (sản xuất chip, vật liệu mới, năng lượng sạch, công nghiệp đất hiếm...) và các dự án sản xuất sản phẩm đầu cuối có giá trị (ô tô điện, thiết bị viễn thông, máy công cụ chính xác...). ■

Để phát triển Chính phủ số, Bộ Công Thương đã từng bước hoàn thiện khung thể chế, triển khai dịch vụ công trực tuyến và tích cực kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia mới.

Theo Cục Đối mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (Bộ Công Thương), về phát triển Chính phủ số, quý I/2026, trong công tác thể chế, Bộ Công Thương đã ban hành hơn 10 văn bản quan trọng về chuyển đổi số và phát triển Chính phủ điện tử. Các văn bản này đã từng bước hoàn thiện khung thể chế, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc phát triển dữ liệu và triển khai chuyển đổi số tại Bộ Công Thương.

Trước đó, cuối năm 2025, Bộ Công Thương cũng đã ban hành các văn bản quan trọng về nền tảng số dùng chung, dữ liệu và chiến lược như: Quyết định quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị; Quyết định ban hành chiến lược phát triển dữ liệu và quy hoạch tổng thể hạ tầng trung tâm dữ liệu của Bộ Công Thương; Quyết định ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Công Thương giai

BỘ CÔNG THƯƠNG

Bước tiến trong phát triển Chính phủ số

đoạn 2025 - 2030; Quyết định ban hành kế hoạch triển khai nền tảng số dùng chung của Bộ Công Thương.

Về nền tảng, ứng dụng số, thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến: Trung tâm dữ liệu của Bộ được vận hành ổn định, bảo đảm an toàn cho toàn bộ các hệ thống dùng chung như hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử, cổng thông tin điện tử và hệ thống điều hành nội bộ. Đồng thời, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, thống nhất, dùng chung từ Trung ương đến địa phương tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện. Từ ngày 1/1/2026 đến ngày 30/3/2026, hệ thống đã tiếp nhận 27.106 hồ sơ, trong đó có 26.822 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 98,5%.

Đối với 234 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp Bộ, đã triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến với hơn 160.000 tổ chức, cá nhân thường xuyên sử dụng. Riêng trong 3 tháng đầu năm 2026, Bộ đã tiếp nhận hơn



Kho quản lý dữ liệu điện tử tạo điều kiện tái sử dụng dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính
Ảnh: Nam Nguyễn

700.000 hồ sơ. Bộ Công Thương đã hoàn thành triển khai dịch vụ công toàn trình "Thông báo hoạt động khuyến mãi", cho phép tái sử dụng dữ liệu doanh nghiệp thông qua kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Hệ thống "Nộp phạt xử lý vi

phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường" cũng đã được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Bộ cũng đã xây dựng và đưa vào vận hành Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tạo điều kiện để người

dân và doanh nghiệp tái sử dụng dữ liệu khi thực hiện thủ tục hành chính. Ngoài ra, hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Bộ đã được xây dựng và đưa vào sử dụng, tích hợp với hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát, điều hành.

Về kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia mới: Bộ Công Thương là một trong 2 bộ đầu tiên (cùng với Bộ Khoa học và Công nghệ) đã hoàn thành cấu hình kết nối kỹ thuật và kiểm thử luồng nghiệp vụ trên môi trường chính thức. Đồng thời, Bộ đã cung cấp đầy đủ địa chỉ API để phục vụ việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia thông qua nền tảng điều phối dữ liệu. Kết quả này cho thấy Bộ đã sẵn sàng vận hành trên kiến trúc mới, bảo đảm liên thông, đồng bộ với hệ thống quốc gia... ■

Bộ Công Thương đã đẩy mạnh triển khai thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, chuyển đổi số quốc gia, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công trong chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số.

Đáp ứng yêu cầu thực tiễn

Thạc sĩ Nguyễn Văn Minh, Phó Giám đốc Trung tâm Chế tạo cơ khí, Viện Nghiên cứu Cơ khí (NARIME) cho biết, hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho các nhà máy nhiệt điện đốt than ở Việt Nam chủ yếu là do nước ngoài đảm nhận dẫn tới không chủ động trong quá trình thiết kế, chế tạo, lắp đặt và vận hành. Ở trong nước, một số công ty cũng đã tham gia nghiên cứu nhưng còn riêng lẻ, rời rạc, chưa có một nghiên cứu tính toán thiết kế, chế tạo và tổ hợp hoàn chỉnh.

Trong khi đó, hệ thống phòng cháy, chữa cháy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các nhà máy nhiệt điện đốt than, nơi mà tại đây các thiết bị được bố trí với mật độ rất cao, trải rộng trên một phạm vi lớn. Ngoài ra, trong nhà máy nhiệt điện có rất nhiều thiết bị phát sinh ra nguồn nhiệt cao, áp suất lớn, nguyên vật liệu dễ cháy.

Vì vậy, việc phòng cháy, chữa cháy luôn được đặt lên hàng đầu. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy luôn phải đảm bảo sẵn sàng hoạt động trong mọi tình huống xảy ra. Các thiết bị trong hệ thống phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam cũng như các tiêu chuẩn nước ngoài...

Trước tình hình đó, Viện Nghiên cứu Cơ khí đã thực hiện đề tài nhằm làm chủ thiết kế, quy trình chế tạo, tổ hợp, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy, chữa cháy

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THAN

Đột phá chế tạo hệ thống phòng cháy, chữa cháy

Viện Nghiên cứu Cơ khí (Bộ Công Thương) đã thực hiện thành công đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và tổ hợp hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600 MW.

cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600 MW. Qua đó, bảo đảm tỷ lệ làm chủ không dưới 40% cho dự án thứ nhất, không dưới 60% cho dự án thứ hai và không dưới 80% từ dự án thứ ba trở đi.

Bên cạnh đó, chế tạo, tổ hợp 1 hệ thống phòng cháy, chữa cháy được lắp đặt, vận hành tại một nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến 600 MW. Việc thực hiện đề tài cũng góp phần nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản lý, tư vấn, vận hành...



Nhà máy nhiệt điện đốt than

cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật trong nước.

Ứng dụng hiệu quả trong nhà máy

Qua quá trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã thực hiện thiết kế, chế tạo thành công 1 hệ

thống phòng cháy, chữa cháy của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 công suất tổ máy 600 MW đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy phạm phòng cháy, chữa cháy của chủ đầu tư.

Bên cạnh đó, đã xây dựng được bộ tài liệu tính toán, thiết kế hệ

thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà máy nhiệt điện đốt than công suất tổ máy 600 MW; bộ tài liệu quy trình công nghệ chế tạo và tổ hợp hệ thống phòng cháy, chữa cháy; bộ tài liệu quy trình lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; bộ tài liệu quy trình thử nghiệm, kiểm tra, vận hành và bảo trì hệ thống phòng cháy, chữa cháy...

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy đã đi vào hoạt động tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 và được tổng thầu LILAMA cũng như chủ đầu tư PVN đánh giá đạt kết quả tốt. "Hệ thống đáp ứng các yêu cầu đặt ra của chủ đầu tư, các tiêu chuẩn thiết kế phòng cháy, chữa cháy của Việt Nam và góp phần đảm bảo an toàn lao động, sản xuất cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1" - Thạc sĩ Nguyễn Văn Minh nói, đồng thời khẳng định, kết quả nghiên cứu của đề tài có thể áp dụng, chuyển giao cho các đơn vị thực hiện công tác nội địa hóa hệ thống thiết bị phụ của nhà máy nhiệt điện trong nước.

Bài và ảnh: NGA NGUYỄN

Nhằm đẩy nhanh lộ trình chuyển đổi sang xăng sinh học trong tháng 4/2026, Bộ Công Thương đã, đang và sẽ tiếp tục cùng các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp triển khai đồng bộ các giải pháp.

➤ LINH NGÀ

Tại Chỉ thị 09/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm năng lượng, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng và phát triển giao thông điện, yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ tướng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thúc đẩy chuyển đổi sang phương tiện giao thông điện, phát triển hạ tầng sạc và khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học nhằm giảm phụ thuộc vào xăng dầu nhập khẩu.

Thực hiện chỉ đạo này, Bộ Công Thương đẩy mạnh sử dụng xăng sinh học (E10), đồng thời rà soát các điều kiện để sớm triển khai lộ trình chuyển đổi trong tháng 4/2026, góp phần giảm khoảng 10% lượng tiêu thụ xăng khoáng.

Chỉ thị cũng yêu cầu các đơn vị phối hợp, kinh doanh xăng dầu đẩy mạnh kinh doanh và phân phối các loại nhiên liệu sinh học và các loại nhiên liệu chất lượng cao ít phát thải, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải trong lĩnh vực giao thông vận tải.

Chia sẻ với phóng viên Báo Công Thương, ông Đào Duy Anh - Phó Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phát biểu tại Hội nghị phổ biến lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống trong thời kỳ mới

Tăng tốc chuyển đổi sang xăng sinh học E10 trên toàn quốc



Ông Đào Duy Anh - Phó Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phát biểu tại Hội nghị phổ biến lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống trong thời kỳ mới. Ảnh: Q.N

tháng 4/2026, Bộ Công Thương đã yêu cầu các thương nhân đầu mối xăng dầu, Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam, Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam và các đơn vị liên quan báo cáo về công tác chuẩn bị từ nguồn cung, năng lực phối trộn đến sự sẵn sàng của các doanh nghiệp phân phối tới người tiêu dùng.

Tiếp đó, ngày 26/3/2026, Bộ Công Thương đã tổ chức hội nghị do Thủ tướng Bộ Công Thương Nguyễn Sinh Nhật Tân chủ trì làm việc trực tiếp với các bộ, ngành, thương nhân đầu mối, hiệp hội về xăng dầu, nhiên liệu sinh học và các tổ chức liên quan.

Trên cơ sở này, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ Tờ trình số 2249/TTr-BCT ngày 1/4/2026 báo cáo khả năng thực hiện chuyển đổi sang xăng sinh học E10 ngay trong tháng 4/2026. Tờ trình đồng

Bộ Công Thương đã đón đầu các thương nhân đầu mối nhanh chóng tìm nguồn hàng trong và ngoài nước để tạo nguồn ethanol đủ cho nhu cầu phối trộn xăng E10 của doanh nghiệp. Bộ cũng đã tổng hợp nhu cầu cần thiết, nguồn hiện có để đưa ra con số dự tính về ethanol cho các doanh nghiệp cần nhập thêm ngay trong tháng 4/2026 và các tháng tiếp theo.

thời phân tích, đánh giá cụ thể về nguồn cung, năng lực phối trộn, hạ tầng phân phối cũng như những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ để triển khai hiệu quả.

"Bộ Công Thương đã, đang và sẽ tiếp tục cùng các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp tập trung vào các giải pháp để xử lý một số điểm nghẽn còn tồn tại để 3 yếu tố quyết định cho việc chuyển đổi sang phân phối, sử dụng xăng E10 đó là nguồn cung ethanol, năng lực phối trộn và sự sẵn sàng của hạ tầng phân phối tới người tiêu dùng được đảm bảo hoàn thiện trong thời gian sớm nhất" - ông Đào Duy Anh nhấn mạnh.

Trong đó, Bộ Công Thương phối hợp cùng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi các quy định về nồng độ oxy, dải hàm lượng ethanol trong xăng sinh học; phối hợp cùng Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, phí... để thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sử dụng xăng sinh học.

Đồng thời, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương liên quan cùng vào cuộc tháo gỡ các điểm nghẽn mà doanh nghiệp đang gặp phải trong quá trình chuyển đổi sang sản xuất, phối trộn, phân phối và sử dụng xăng sinh học.

Đẩy mạnh công tác truyền thông để cung cấp cho người dùng và toàn xã hội các thông tin đúng, có cơ sở khoa học và thực tế về ý nghĩa của việc sử dụng xăng sinh học đối với môi trường, đối với sự phát triển bền vững, đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước. ■

Viện Nghiên cứu Dầu và Cây có dầu đã triển khai nhiệm vụ "Nghiên cứu phát triển giống dừa năng suất cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp điều kiện sinh thái vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam".

➤ NGUYỄN LINH

Với mục tiêu xác định giống dừa phù hợp và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác cây dừa vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam, nhiệm vụ đã tập trung vào các nội dung chính gồm: đánh giá thực trạng canh tác dừa tại một số vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam; đánh giá khả năng thích nghi của một số giống dừa lùn (uống nước) và giống dừa cao (lấy dầu) phù hợp điều kiện sinh thái vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam; xây dựng quy trình kỹ thuật trồng dừa thích hợp vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam; xây dựng mô hình trình diễn cải tạo các vườn dừa tạp. Đồng thời, tổ chức hội thảo đầu bờ đánh giá kết quả thực hiện đề tài và chuyển giao giống mới, quy trình kỹ thuật canh tác dừa tại 3 địa phương gồm: Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là TP. Hồ Chí Minh) và Kiên Giang. Các thí nghiệm được thiết kế và đánh giá

Phát triển giống dừa năng suất cao, thích ứng với biến đổi khí hậu

theo các phương pháp nghiên cứu thường quy trên cây dừa.

Nhiệm vụ được thực hiện từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2025 tại các vườn dừa của 3 địa phương trên. Sau 5 năm thực hiện nghiên cứu, nhiệm vụ đã đạt được những kết quả chính như sau: đã khảo sát, đánh giá được thực trạng canh tác dừa tại vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam.

Đồng thời, đã tuyển chọn được 2 giống dừa lùn (giống dừa uống nước) là giống Xiêm xanh, dừa Dừa và 2 giống dừa cao (giống dừa lấy dầu) là giống Ta xanh, Dầu xanh có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất cao, chất lượng và thích nghi tốt với điều kiện sinh thái tại vùng biển đảo, bờ biển Việt Nam.

Trong đó, giống dừa Xiêm xanh 5 năm tuổi có số hoa cái dao động (24,2-28,7 hoa/phát hoa), tỷ lệ đậu (19,7-24,8%), năng suất (42,9-55,2 quả/cây/năm) và độ Brix (7,21-7,33); giống dừa Dừa 5 năm tuổi có số hoa cái dao động (21,0-24,4 hoa/phát hoa), tỷ lệ đậu (20,2-26,2%), năng suất (36,2-48,0 quả/cây/năm) và độ Brix (7,16-7,31); giống dừa Ta



Nghiên cứu giống dừa năng suất cao, tăng hiệu quả kinh tế cho người trồng dừa. Ảnh: Q.N

Dừa là cây công nghiệp lâu năm, có chu kỳ khai thác kinh tế kéo dài từ 50 đến 60 năm. Việt Nam hiện nay nằm trong top 20 quốc gia có sản lượng dừa lớn nhất trên thế giới. Ngành dừa Việt Nam không chỉ tăng trưởng về con số xuất khẩu mà còn đang chuyển mình theo hướng bền vững với việc xây dựng chuỗi giá trị từ gốc đến ngọn và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật.

xanh 5 năm tuổi có số hoa cái dao động (11,1-12,5 hoa/phát hoa), tỷ lệ đậu (16,5-19,8%) và năng suất dự kiến (25,6-30,5 quả/cây/

năm); giống dừa Dầu xanh 5 năm tuổi có số hoa cái dao động (10,7-11,8 hoa/phát hoa), tỷ lệ đậu (17,4-19,8%) và năng suất dự kiến

(25,5-29,5 quả/cây/năm). Cùng với đó, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được 2 quy trình kỹ thuật canh tác giống dừa cao và giống dừa lùn thời kỳ kiến thiết cơ bản thích hợp vùng biển đảo và bờ biển Việt Nam. Đồng thời, triển khai 3 mô hình trồng dừa sử dụng giống dừa Xiêm xanh, Ta xanh có áp dụng các công thức phân bón, chế độ tưới nước, hoạt chất sinh học Spinetoram để phòng trừ bệnh dừa tại Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh và An Giang.

Nhóm nghiên cứu cũng đã tổ chức 3 hội thảo đầu bờ để chuyển giao quy trình kỹ thuật canh tác dừa do nhiệm vụ xây dựng đến người dân trồng dừa và cán bộ nông nghiệp tại Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh, An Giang.

Qua triển khai nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu khuyến cáo sử dụng giống dừa Xiêm xanh, dừa Dừa, Ta xanh và Dầu xanh để trồng rừng rai ở 3 địa phương trên và các vùng có điều kiện sinh thái tương tự; áp dụng quy trình kỹ thuật canh tác đã ban hành cho giống dừa lùn, dừa cao trong thời kỳ kiến thiết cơ bản trên nền đất cát ở khu vực biển đảo và bờ biển. ■

Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư công nghệ mới, hiện đại, ngành dầu khí Việt Nam đã tích cực nghiên cứu, chế tạo và triển khai thành công nhiều công trình khoa học và công nghệ, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Tiêu biểu như cụm công trình “Nghiên cứu, phát triển công nghệ để khai thác các mỏ khí - condensate với điều kiện đặc biệt phức tạp thềm lục địa Việt Nam”. Được đánh giá có giá trị khoa học và công nghệ cao, công trình không chỉ áp dụng cho dự án Biển Đông 01 mà còn đóng góp quan trọng cho việc phát triển các dự án khai thác nước sâu xa bờ khác; khẳng định sức mạnh nội lực, kỹ năng quản lý, trình độ của ngành dầu khí Việt Nam hoàn toàn đủ sức làm chủ, phát triển được những công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất trên thế giới, chinh phục được những mỏ dầu khí có điều kiện phức tạp nhất.

Hay, cụm công trình “Hệ thống trạm đo carota tổng hợp xách tay TBM-02 và bộ quy trình minh giải tài liệu địa vật lý Loginter 2.0” đã làm chủ được quá trình tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí thông qua việc nghiên cứu tính chất vật lý, địa chất, đất đá xung quanh thành giếng kết hợp với kết quả

Ngành dầu khí khẳng định nội lực qua làm chủ công nghệ

➤ QUYNH NGA

nghiên cứu địa chất để tính toán trữ lượng dầu khí của các khu vực, mỏ, bể trầm tích, đánh dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của ngành địa vật lý của Việt Nam.

Tương tự, cụm công trình “Nghiên cứu phát triển công nghệ thiết kế, thi công, lắp đặt các công trình dầu khí biển siêu trường, siêu trọng phù hợp với điều kiện Việt Nam” đã giải quyết những vấn đề hoàn toàn mới ở Việt Nam với những điều kiện hiếm gặp trên thế giới, đóng góp trực tiếp vào sự thành công của dự án Biển Đông 01. Qua đó, đưa đơn vị nghiên cứu trở thành một trong số ít các nhà thầu trong khu vực có đủ năng lực EPCI cho các dự án giàn công nghệ trung tâm CPP và các công trình dầu khí siêu trường, siêu trọng.

Đồng thời, nâng cao năng lực cạnh tranh và làm chủ công nghệ của ngành dầu khí Việt Nam, đặc biệt trong việc thiết kế, thi công



Hoạt động khai thác dầu khí

Ảnh: Quỳnh Nga

chế tạo, hạ thủy và lắp đặt các công trình dầu khí siêu trường, siêu trọng ở những vùng địa chính trị nhạy cảm là nơi có độ sâu nước lớn, góp phần tích cực bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia.

Ngoài ra, đề tài “Nghiên cứu đánh giá thực trạng công nghệ và

đề xuất các giải pháp nâng cấp chất lượng sản phẩm của các nhà máy lọc dầu tại Việt Nam” đã cung cấp cơ sở khoa học để chủ đầu tư các nhà máy lọc dầu tại Việt Nam tham khảo trong việc nâng cấp công nghệ, chất lượng sản phẩm. Cùng với hoạt động nghiên cứu,

ngành dầu khí cũng đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Theo Bộ Công Thương, với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực mang tính quốc tế cao, hầu hết các công nghệ sử dụng trong lĩnh vực khai thác và chế biến dầu khí của Việt Nam đều là những công nghệ hiện đại, tiên tiến của thế giới.

Chẳng hạn như: Công nghệ khoan đơn thân, khoan đa thân, khoan nhiệt độ - áp suất cao, khoan thân giếng nhỏ, khoan dưới áp suất cân bằng, công nghệ xử lý giếng, phương pháp gọi dòng, phương pháp nâng cao hệ số thu hồi dầu đã được áp dụng trong khai thác thứ cấp ở các mỏ như: Bạch Hổ, Rồng Đông, Sư Tử Đen; công nghệ khai thác dầu trong đá móng granitoid trước Đệ Tam đã được áp dụng tại các mỏ thuộc bể Cửu Long...

Trong chế biến dầu khí, công nghệ làm lạnh sâu dòng khí nguyên liệu (Turbo Expender) đã giúp nâng cao hiệu suất thu hồi lỏng tại nhà máy xử lý khí; công nghệ nén khí CNG được áp dụng trong việc nén khí khô vào các bình chứa cao áp; công nghệ nhập, xuất và tồn chứa LPG lạnh... ■

Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành Công Thương đến năm 2030 đã nêu rõ định hướng nghiên cứu phát triển, nâng cấp công nghệ sản xuất, chế biến dầu khí với hiệu suất cao; cải tiến, tối ưu hóa, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên, môi trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành dầu khí, tạo ra sản phẩm quốc gia của ngành.

Các viện, trường thuộc Bộ Công Thương đã chế tạo thành công nhiều sản phẩm phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến; góp phần nâng cao giá trị ngành nông nghiệp.

➤ QUYNH NGA

Ứng dụng khoa học và công nghệ được coi là “chìa khóa” để phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại và bền vững. Đây là giải pháp tối ưu nhằm tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và tăng sức cạnh tranh xuất khẩu.

Thực tế trong thời gian qua, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã góp phần quan trọng trong phát triển nông nghiệp, đưa Việt Nam trở thành một trong 15 quốc gia đứng đầu về xuất khẩu nông sản. Nhiều nông sản Việt Nam đã có mặt trên các thị trường khó tính đòi hỏi chất lượng cao, nâng cao đời sống nông dân và làm thay đổi cán cân bộ mặt nông thôn, cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất.

Ước tính, khoa học và công nghệ đã đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong lĩnh vực nông nghiệp và 38% giá trị gia tăng trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Con số này cho thấy, khoa học và công nghệ không chỉ đóng vai trò hỗ trợ mà đã trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng nông nghiệp.

Việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đặc biệt trong cơ giới hóa và chế biến sâu, sẽ tiếp tục mở ra

Chế tạo thành công nhiều thiết bị cho ngành nông nghiệp



Viện nghiên cứu ngành Công Thương chế tạo thiết bị cho ngành nông nghiệp

địa điểm để nâng cao năng suất, giảm chi phí, gia tăng giá trị sản phẩm, giúp nông nghiệp Việt Nam thích ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Trong “dòng chảy” đó, các viện nghiên cứu, trường thuộc Bộ Công Thương đã chế tạo thành công nhiều sản phẩm phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông - ngư nghiệp, kho bảo quản phục vụ xuất khẩu và dự án đầu tư sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến có giá trị trên thị trường. Các sản phẩm đã xuất khẩu đi một số nước trong khu vực và thế giới.

Tiêu biểu như cụm công trình “Nghiên cứu đối với các hệ thống dây chuyền máy

móc, thiết bị đồng bộ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo từ phế phụ phẩm nông nghiệp góp phần xử lý môi trường và phát triển nguồn năng lượng xanh, sạch, bền vững” do Viện Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp (Bộ Công Thương) chủ trì thực hiện đã làm chủ công nghệ, nghiên cứu, phát triển đưa ra thị trường, ứng dụng cho xã hội/doanh nghiệp các mẫu máy, dây chuyền thiết bị đồng bộ có tính mới, tính thực tiễn, hàm lượng khoa học cao, tính ứng dụng trong sản xuất, góp phần nâng cao giá trị kinh tế cho các nhà đầu tư, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp. Công trình này đã

được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ đợt 6.

Các kết quả nghiên cứu trong cụm công trình đều xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, từ thực trạng, tiềm năng và xu hướng phát triển theo công nghệ năng lượng tái tạo ứng dụng trong nông nghiệp, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất nhằm nâng cao giá trị cho doanh nghiệp hướng tới nền nông nghiệp sản xuất xanh - sạch và bền vững theo chuỗi khép kín, tuần hoàn.

Viện Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp cũng đã thực hiện thành công công trình “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống dây chuyền thiết bị cho nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành dinh dưỡng hữu cơ chất lượng cao phục vụ cho nền sản xuất nông nghiệp xanh (gọi tắt là hệ thống thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp xanh)”; công trình “Nghiên cứu, thiết kế chế tạo hệ thống dây chuyền thiết bị đồng bộ chế biến ngô giống quy mô công nghiệp tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường

Ngoài ra, công trình “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sấy lạnh thùng quay để sấy thóc” do Trường Đại học Sao Đỏ thực hiện, đã góp phần nâng cao tỷ lệ nảy mầm của thóc giống phù hợp với quy chuẩn Việt Nam hiện hành. Công trình có khả năng ứng dụng để sấy và bảo quản thóc giống tại các công ty giống cây trồng trong cả nước. ■

Tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ DN nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 xác định rõ mục tiêu: hỗ trợ DN nâng cao năng suất, chất lượng trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến. Qua đó góp phần gia tăng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, đồng thời nâng cao năng suất hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Quyết định đặt ra mục tiêu trong giai đoạn 2021 - 2030, số DN được hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất và chất lượng hàng năm tăng từ 10 - 15%, trong đó, số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho DN tăng ít nhất 10% so với giai đoạn 2011 - 2020; có ít nhất 100 DN được hưởng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng trên toàn quốc.

Tiếp đó, tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 xác định: Đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành,

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng

► TUÔNG VẠN

Nhiều chủ trương, chính sách đã được ban hành nhằm hỗ trợ doanh nghiệp (DN) nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công cụ cải tiến năng suất chất lượng.



Hoạt động cải tiến công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp
Ảnh: GN

linh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đồng thời, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, hỗ trợ DN trong nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất; xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kế hoạch nâng cao năng suất lao động, nâng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Mục tiêu đến năm 2030, phần đầu đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua TFP đạt khoảng 50% vào tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, có từ 5 - 7 tập đoàn, tổng công ty triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao năng suất; tối thiểu 500 DN nhỏ và vừa của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các dự án điểm về cải tiến năng suất, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ

hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1110/QĐ-BCT phê duyệt Chương trình nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành công nghiệp giai

đoạn 2021 - 2030, trong đó đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 1322/QĐ-TTg đối với ngành Công Thương.

Các nhiệm vụ do Bộ Công Thương triển khai tiếp tục tập trung vào việc hỗ trợ các DN sản xuất công nghiệp áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý chất

lượng, cải tiến năng suất tiên tiến, hiện đại; từng bước giải quyết vấn đề năng suất, chất lượng của DN một cách tổng thể thông qua việc hỗ trợ đổi mới công nghệ quản trị, công nghệ sản xuất, thực hiện chuyển đổi số.

Ngoài ra, để thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa của toàn ngành, Bộ Công Thương đã chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ trong các chiến lược, kế hoạch phát triển, tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021 - 2030; hoạt động hỗ trợ DN ứng dụng, đổi mới công nghệ, thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng được triển khai đồng thời trong các chương trình, đề án hiện có của bộ trong các lĩnh vực: phát triển công nghiệp hỗ trợ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, khuyến công... ■

Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025 đã có những đóng góp tích cực nâng cao trình độ kỹ thuật - công nghệ trong ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản.

► NGA NGUYỄN

Theo Bộ Công Thương, các nhiệm vụ thuộc chương trình đã tập trung bám sát mục tiêu phát triển, làm chủ công nghệ tiên tiến để nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến khoáng sản; thiết kế, chế tạo nội địa hóa một số loại thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ khai thác khoáng sản. Toàn bộ đề tài, dự án thuộc chương trình đều xuất phát từ nhu cầu của doanh nghiệp (DN), do DN chủ trì hoặc phối hợp thực hiện và được ứng dụng, thử nghiệm tại DN.

Đến nay, kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình đã có những đóng góp tích cực cho quá trình đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị; nâng cao trình độ kỹ thuật

CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Hiệu quả cao từ các nghiên cứu khoa học

- công nghệ trong ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản. Nhiều công trình nghiên cứu, sản phẩm của các đề tài, dự án thuộc chương trình đã được áp dụng hiệu quả vào sản xuất - kinh doanh tại các DN ngành khai khoáng, đặc biệt là các tập đoàn, tổng công ty, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất và sức cạnh tranh của DN, cũng như tạo tiền đề để tổ chức chủ trì tiếp tục phát triển nguồn lực nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Đơn cử, đề tài "Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ đánh giá phân tích, liên kết tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác mỏ khí condensate Hải Thạch - Mộc Tinh Lô 05-2; 05-3, thuộc Biển Đông Việt Nam".

Việc áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài tại mỏ khí condensate HT-MT Lô 05-2; 05-3, Biển Đông đã chứng minh hiệu quả kinh tế: Góp phần đảm bảo 100% các báo cáo về quản lý và khai thác mỏ khí condensate HT-MT được cập nhật

tự động với sự hỗ trợ của bộ công cụ AI; giảm tối thiểu 15% chi phí bảo trì, bảo dưỡng và vận hành của cụm giàn công nghệ xử lý khí thiên nhiên mỏ HT-MT so với chi phí trong phương án phát triển mỏ HT-MT đã được phê duyệt (Field Development Plan - FDP).

Đề tài "Nghiên cứu công nghệ chế tạo hệ hóa phẩm khử như

(demulsifier) nhằm tách nước khỏi dầu thô trong quá trình khai thác và vận chuyển dầu", đã nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất hệ hóa phẩm khử như (Demulsifier) đạt hiệu quả tương đương hóa phẩm đang sử dụng tại giàn khai thác nhằm tách nước khỏi dầu thô trong quá trình khai thác và vận chuyển

dầu, cạnh tranh về giá thành với sản phẩm thương mại; chế tạo thành công 3 hệ hóa phẩm khử như trong phòng thí nghiệm phù hợp với từng loại dầu Bạch Hổ, Thổ Trắng, Rồng.

Hay, đề tài "Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nổ mìn tại khu vực đất đá ngầm nước cho các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh", đã đề xuất và xây dựng quy trình công nghệ, thông số nổ mìn sử dụng như trong không chịu nước tại các khu vực mỏ ngầm nước. Cụ thể gồm: Công nghệ sử dụng thuốc nổ không chịu nước trong túi nylon; công nghệ phối hợp thuốc nổ chịu nước phía dưới và thuốc nổ không chịu nước nẹp trong túi nylon phía trên; giải pháp công nghệ nẹp phối hợp thuốc nổ chịu nước và thuốc nổ không chịu nước (không sử dụng túi nylon); công nghệ nẹp thuốc nổ chịu nước, tại các khu vực có chiều cao mực nước và tốc độ phục hồi nước trong lỗ khoan khác nhau. Việc áp dụng công nghệ của đề tài giúp giảm 3,57% tương ứng giảm 2.565 đồng/m³ chi phí các khâu khoan - nổ mìn, xúc bốc, vận tải so với công nghệ nổ mìn trước đây...

Những kết quả chương trình đã và đang được triển khai đồng bộ, từ quá trình khai thác, tuyển cho đến chế biến sâu các loại nguyên liệu khoáng sản để đảm bảo tính hiệu quả, xuyên suốt, giải quyết tận gốc vấn đề, bám sát các mục tiêu, nội dung và yêu cầu sản phẩm đã đề ra. ■



Nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành Công Thương giúp nâng cao hiệu quả khai thác
Ảnh: GN

CƠ KHÍ CHẾ TẠO

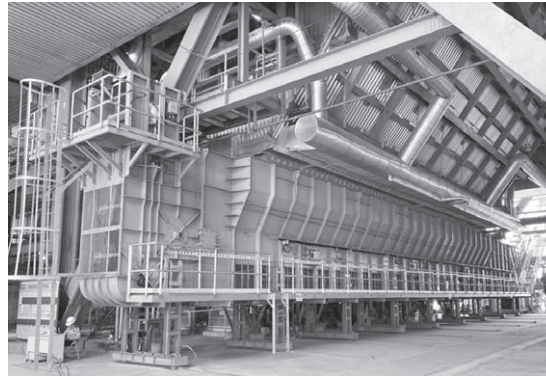
Khẳng định vị thế nhờ làm chủ kỹ thuật

Theo Bộ Công Thương, trong lĩnh vực cơ khí chế tạo - tự động hóa, các công trình nghiên cứu bao gồm từ thiết kế mới, thiết kế cải tiến, làm chủ bí quyết thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị nhập ngoại, chế tạo nội địa hóa thiết bị, phụ tùng đến phục hồi sửa chữa các thiết bị, phụ tùng máy móc có giá trị kinh tế lớn, cho nhiều ngành công nghiệp, như: xi măng, hóa chất, nhiệt điện than, thủy điện, dầu khí, khai khoáng, vật liệu xây dựng...

Tiêu biểu như trong lĩnh vực nhiệt điện, Viện Nghiên cứu Cơ khí (Bộ Công Thương) đã chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp cơ khí trong nước thực hiện các đề tài về thiết kế, chế tạo thiết bị cho nhà máy nhiệt điện. Đơn cử, đề tài "Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, tổ hợp và đưa vào vận hành hệ thống bốc dỡ, vận chuyển than cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất từ máy đến khoảng 600 MW". Đây là lần đầu tiên Việt Nam đã nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, tích hợp và đưa vào vận hành thành công hệ thống bốc dỡ, vận chuyển than cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 với tỷ lệ nội địa hóa đạt 50,6% và thiết bị tương đương với thiết bị công nghệ từ các nước G7, mở ra hướng phát triển mới cho ngành cơ khí chế tạo trong nước. Hay, đề tài "Nghiên

Thông qua kết quả khoa học và công nghệ (KHCN), một số đơn vị nghiên cứu trong lĩnh vực cơ khí chế tạo đã khẳng định được năng lực, vị thế và vai trò của mình trên thị trường.

► NGUYỄN NGÀ



Chế tạo hệ thống thiết bị cho nhà máy nhiệt điện

cứ, thiết kế, chế tạo và đưa vào vận hành hệ thống thải tro xỉ đồng bộ cho nhà máy nhiệt điện đốt than phun có công suất từ máy đến khoảng 600MW" đã được ứng dụng thành công tại các dự án Nhiệt điện Thái Bình 1, Nghi Sơn 2 với tỷ lệ nội địa hóa đạt hơn 50%...

Ngoài ra, trong lĩnh vực máy nông nghiệp, các nghiên cứu đã chế tạo thành công nhiều sản phẩm phục vụ canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông - ngư nghiệp, kho bảo quản phục vụ xuất

khẩu và dự án đầu tư sản xuất thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến có giá trị trên thị trường. Các sản phẩm đã xuất khẩu đi một số nước trong khu vực và thế giới.

Bên cạnh đó, cụm công trình "Nghiên cứu đổi mới các hệ

thống dây chuyền máy móc, thiết bị đồng bộ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo từ phế phụ phẩm nông nghiệp góp phần xử lý môi trường và phát triển nguồn năng lượng xanh, sạch, bền vững".

Nhiều chuyên gia cho rằng, để thúc đẩy ngành cơ khí chế tạo trong nước phát triển, cần tạo thị trường phát triển cho các lĩnh vực cơ khí trọng điểm; ưu đãi thuế cho doanh nghiệp sử dụng máy móc trong nước sản xuất, tăng thuế nhập khẩu máy móc nước ngoài.

Phấn đấu đến năm 2030, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ công nghệ sinh học hiện đại trong lĩnh vực công nghiệp chế biến ngang bằng các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ sinh học trong ngành Công Thương.

► Bài và ảnh: BẢO LINH

Nâng cao giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến

Theo Bộ Công Thương, thời gian qua, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KHCN) trong phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học lĩnh vực công nghiệp chế biến được triển khai theo hướng hiện đại hóa thiết bị, đổi mới công nghệ và nâng cấp về quy mô. Theo đó, tập trung phát triển các công nghệ đạt trình độ quốc tế phục vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghệ từ các nguồn nguyên liệu chủ lực của Việt Nam. Qua đó, giúp giảm giá thành sản xuất sản phẩm so với công nghệ đang được ứng dụng tại các doanh nghiệp.

Một số lĩnh vực đạt trình độ

Hướng tới trình độ công nghệ sinh học hiện đại

các nước phát triển trên thế giới (công nghệ sản xuất đường chức năng isomaltose, enzyme xylanase...). Các công trình nghiên cứu đã đạt được nhiều thành công trong việc ứng dụng công nghệ vi sinh, công nghệ enzyme, protein để sản xuất, chế biến thực phẩm như: Chế phẩm vi sinh phục vụ công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu hóa dược, sản phẩm phục vụ công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng.

Một số nhiệm vụ bước đầu đã được triển khai theo chuỗi từ nghiên cứu công nghệ đến sản xuất sản phẩm và thương mại hóa trên thị trường, ghi nhận được nhiều tín hiệu tích cực từ người tiêu dùng về chất lượng, sự ổn định của sản phẩm, đầy mạnh hợp tác, gắn kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, tổ chức KHCN với doanh nghiệp. Từ đó, thúc đẩy và phát triển sản phẩm nội địa từ chính các nghiên cứu trong nước, nâng cao giá trị gia tăng của công nghiệp chế biến.

Phát triển chuỗi giá trị, bền vững, tuần hoàn

Theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính



Nghiên cứu công nghệ sinh học

Thông qua các nhiệm vụ KHCN trong lĩnh vực công nghệ sinh học, nhiều sản phẩm mới có chất lượng tốt, giá thành cạnh tranh so với giá sản phẩm nhập ngoại cùng loại, bước đầu đã chiếm lĩnh được thị trường tiêu dùng Việt Nam.

phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030" nêu rõ mục tiêu, phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương theo chuỗi giá trị, bền vững, tuần hoàn, thân thiện với môi

trường, có giá trị gia tăng cao phục vụ phát triển kinh tế công nghiệp. Đồng thời, nâng cao tiềm lực, hiệu quả nghiên cứu, làm chủ công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến từ các nguyên liệu chủ lực của Việt Nam...

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Làm chủ được một số công nghệ sinh học thế hệ mới, tạo ra sản phẩm quy mô công nghiệp ứng dụng thực tiễn sản xuất; tiếp tục tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đủ trình độ làm chủ công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến ở quy mô công nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, cung cấp các giải pháp chính sách, kỹ thuật sản xuất tiên tiến mang tầm quốc tế trong nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm, mẫu mã công nghiệp, sản xuất và kinh doanh, hình thành hệ thống các doanh nghiệp công nghiệp sinh học theo chuỗi giá trị, bền vững, tuần hoàn, thân thiện với môi trường tiếp cận nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến tiếp cận nền tảng công nghệ hiện đại thế giới, có khả năng ứng dụng sản xuất quy mô công nghiệp, thúc đẩy ngành công nghiệp sinh học ngành Công Thương phát triển mạnh mẽ. Hình thành và phát triển số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học ngành Công Thương tăng thêm tối thiểu 50% so với giai đoạn 2021 - 2025.■

Các nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ đang trở thành "chìa khóa" giúp ngành giấy tối ưu quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí và từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, bền vững.

Viện Công nghiệp Giấy và Xenlulo (Bộ Công Thương) đã triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp kỹ thuật và quản lý. Việc thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, năng lượng trong quá trình sản xuất tại các nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp quy mô dưới 50.000 tấn/năm.

Kết quả của nhiệm vụ đã áp dụng được 7 giải pháp về kỹ thuật. Cùng với đó, áp dụng được 3 giải pháp về quản lý bao gồm: Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn phân tích, quy trình vận hành máy móc thiết bị. Các giải pháp được thực hiện, áp dụng đều mang lại lợi ích cho doanh nghiệp. Với số liệu tổng hợp được trong thời gian áp dụng, hiệu quả về công nghệ như: sử

ỨNG DỤNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

Nâng cao hiệu quả sản xuất cho ngành giấy



Hoạt động sản xuất trong ngành giấy

dụng xơ sợi trung bình cho lớp mặt, kết hợp với điều kiện nghiên cứu, có đặc dạng đĩa... chi phí giảm 305.712 đồng/tấn sản phẩm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc quản lý sản xuất, phân loại sản phẩm ngay từ công đoạn cắt cuộn lại, giảm thiểu thời gian dừng máy do các sự cố (tắc

sàng...), nâng cao công suất chạy máy, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Bộ Công Thương đã giao Viện Sinh học thực hiện đề tài: "Nghiên cứu tạo chế phẩm phân tán sinh học ứng dụng cho xử lý mangan vi sinh trong dây chuyền sản xuất giấy bao bì công nghiệp". Màng

bám vi sinh trong các nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp hiện nay là một vấn đề gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất tại các nhà máy. Theo đó, mục tiêu cụ thể là xây dựng được quy trình công nghệ và mô hình thiết bị tạo chế phẩm chất phân tán sinh học bằng phương pháp lên men vi sinh; ứng dụng thử nghiệm chất phân tán sinh học xử lý mangan vi sinh trong dây chuyền sản xuất giấy bao bì công nghiệp tại một doanh nghiệp.

Kết quả nghiên cứu đã xây dựng được quy trình công nghệ và mô hình sản xuất chế phẩm chất phân tán sinh học, quy mô 200 lít/m³, ổn định, khả thi và được nghiệm thu ở Hội đồng nghiệm thu cấp sơ sở. Sản xuất được trên 7,2 kg chế phẩm phân tán sinh học là sản phẩm phối trộn của chất phân tán sinh học thu từ hai chủng tuyền chọn S. nematodiphila VM 1-3 và B. subtilisS343. Hiệu suất giảm mangan của chế phẩm đạt trên 50%. Chất phân tán sinh

học tốt sau tủa có thể bảo quản và sử dụng trong 2 tuần tại nhà máy để giảm chi phí. Chế phẩm chất phân tán sinh học dạng khô ổn định trên 6 tháng bảo quản.

Viện Sinh học cũng được Bộ Công Thương giao thực hiện đề tài: "Nghiên cứu quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất chế phẩm enzym pectinase và hemicellulase ứng dụng bóc vỏ cây nguyên liệu gỗ cứng". Hiện nay, phương pháp bóc vỏ chủ yếu được sử dụng cơ học, sử dụng máy để bóc vỏ. Hạn chế của phương pháp này là tiêu tốn năng lượng, cần thời gian để loại bỏ hầu hết vỏ cây, dẫn đến hao hụt gỗ.

Từ quá trình nghiên cứu của đề tài, đã ứng dụng thành công chế phẩm enzym cho bóc vỏ gỗ keo tại doanh nghiệp sản xuất dăm mảnh với 100 tấn gỗ trực. Hàm lượng vỏ còn lại sau quá trình bóc vỏ có sử dụng enzym giảm 55% và lượng điện năng tiêu thụ giảm 28% so với quy trình thông thường của doanh nghiệp. Việc sử dụng enzym bóc vỏ đem lại hiệu quả về việc tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Đồng thời, quá trình sử dụng chế phẩm enzym của đề tài không phát sinh thêm các ảnh hưởng đến môi trường so với quy trình thông thường của doanh nghiệp. ■

NGÀNH NĂNG LƯỢNG - ĐIỆN

Tích cực nghiên cứu khoa học

Theo Bộ Công Thương, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao, làm chủ công nghệ và thiết bị mới, tiên tiến có đóng góp quan trọng trong phát triển nguồn điện, lưới điện, hệ thống điều khiển - điều độ - thông tin - viễn thông điện lực trong nước. Cùng với đó, giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa thiết bị ngành điện.

Tiêu biểu như, trong lĩnh vực thủy điện, Viện Năng lượng (Bộ Công Thương) đã chủ trì thực hiện các đề tài: "Nghiên cứu xác định vận tốc không xói có xét đến mạch động đối với vật liệu đá và khối bê tông gia cố hạ lưu đập tràn xả lũ ở nhà máy thủy điện" nhằm hỗ trợ các đơn vị quản lý vận hành các nhà máy thủy điện; "Nghiên cứu thiết kế nhám trong mô hình thí nghiệm thủy lực", kết quả nghiên cứu là tài liệu hướng dẫn thiết kế nhám trong công tác thí nghiệm mô hình thủy lực cho các đơn vị quản lý và cơ quan nghiên cứu.

Viện Năng lượng cũng đã chủ trì thực hiện các đề tài: "Nghiên cứu và đề xuất lộ trình phát triển nền kinh tế Hydro (H₂) tại Việt Nam", "Nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển điện khí, năng lượng tái tạo và mở rộng ứng dụng năng lượng tái tạo tại các khu vực

Các đơn vị nghiên cứu của Bộ Công Thương đã triển khai nhiều đề tài khoa học trong lĩnh vực năng lượng - điện, giúp giải quyết các vấn đề phức tạp của sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa thiết bị ngành điện.

ven biển, hải đảo". Qua đó, nhằm đưa ra các khuyến nghị giúp Bộ Công Thương hoạch định chiến lược và lộ trình phát triển điện khí, năng lượng tái tạo, đặc biệt tại vùng biển, ven biển và hải đảo.

Bên cạnh đó, Viện Năng lượng đã chủ trì thực hiện đề tài "Nghiên cứu tính toán phối hợp cách điện cho đường dây truyền tải siêu cao cấp điện một chiều trong điều kiện Việt Nam". Kết quả của đề tài giúp các đơn vị quản lý vận hành trong ngành

điện sử dụng để thiết kế và vận hành quản lý đường dây HVDC.

Viện Nghiên cứu Cơ khí (Bộ Công Thương) đã tổ chức các đoàn kỹ sư chuyên ngành tham gia nghiên cứu, khảo sát các nhà máy điện mặt trời được đầu tư tại Trung Quốc, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp... và tìm ra giải pháp hợp lý phù hợp với điều kiện trong nước. Viện đã trúng thầu thực hiện gói thầu "Thiết kế, cung cấp lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao và neo" với công

s suất 47,5 MW cho dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi. Sau thành công của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi, Viện đã mở rộng ứng dụng cho công trình nhà máy Điện mặt trời trên hồ Tầm Bó, nhà máy điện mặt trời trên hồ Gia Hoét.

Tại Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển ngành Công Thương đến năm 2030 đã nêu rõ những định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng. Cụ

thể, nghiên cứu đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị về nguồn điện và lưới điện nhằm nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm giá thành sản xuất - cung ứng điện và bảo vệ môi trường.

Đồng thời, nghiên cứu về lưới điện thông minh, tích hợp nguồn năng lượng tái tạo vào lưới điện sẵn có cũng như nguồn phân tán... trong lĩnh vực công nghiệp năng lượng, năng lượng tái tạo. Phát triển công nghệ xây dựng các đường dây nhiều mạch cùng hoặc khác cấp điện áp nhằm giảm diện tích hành lang tuyến, ứng dụng vật liệu mới, sử dụng các loại cách điện mới tiên tiến như composite, vật liệu siêu dẫn. Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các loại dây dẫn chịu nhiệt để nâng cao khả năng tải của dây dẫn trên không, sử dụng dây dẫn hợp kim, dây dẫn nhôm lõi bằng sợi carbon để giảm độ võng, giảm kích thước cốt.

Nghiên cứu phát triển và đưa vào sử dụng các công nghệ điều khiển hiện đại để đảm bảo vận hành tối ưu hệ thống điện; hiện đại hóa hệ thống điều độ, vận hành, thông tin liên lạc, điều khiển và tự động hóa phục vụ điều độ lưới điện trong nước và liên kết khu vực. Cùng với đó, ứng dụng các công nghệ số hiện đại như: công nghệ hạ tầng hội tụ, công nghệ điện toán đám mây, công nghệ ảo hóa, trí tuệ nhân tạo, công nghệ xử lý dữ liệu lớn, công nghệ mobile computing, công nghệ IoT..., bảo đảm an toàn và an ninh thông tin.



Nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực năng lượng đã được ứng dụng vào thực tế

Trong bối cảnh nhu cầu điện tăng nhanh, áp lực bảo đảm an ninh năng lượng ngày càng lớn và yêu cầu chuyển dịch sang mô hình phát triển xanh, bền vững trở nên cấp thiết, việc ứng dụng KHCN tại các dự án nguồn điện quy mô lớn không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I là một trong những minh chứng rõ nét cho xu hướng này, khi hội tụ đồng thời các yếu tố về công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến và từng bước làm chủ kỹ thuật của đội ngũ trong nước.

Với quy mô công suất khoảng 1.403 MW, gồm hai tổ máy, Quảng Trạch I được xác định là một trong những nguồn điện nền quan trọng của hệ thống điện quốc gia. Tính đến thời điểm hiện tại, dự án đã cơ bản hoàn thành khối lượng xây lắp chính, bước vào giai đoạn chạy thử và chuẩn bị vận hành thương mại. Tuy nhiên, điều đáng chú ý không chỉ nằm ở tiến độ, mà ở cách dự án này được triển khai với KHCN đóng vai trò xuyên suốt, từ thiết kế, thi công đến vận hành.

Theo ông Đào Ngọc Long - Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Điện 2, Giám đốc Ban điều hành các dự án Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, ở cấp độ công nghệ lõi, nhà máy áp dụng công nghệ lò hơi siêu tới hạn (Ultra

Dấu ấn khoa học, công nghệ trong vận hành nhà máy nhiệt điện hiện đại

Ứng dụng khoa học, công nghệ (KHCN) đang định hình cách vận hành nhà máy nhiệt điện hiện đại, nâng hiệu suất, giảm phát thải và bảo đảm an ninh năng lượng bền vững.

> HOÀ BÌNH



Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I tại tỉnh Quảng Trị

Super Critical - USC), đây là một trong những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực nhiệt điện than hiện nay. So với các nhà máy sử dụng công nghệ dưới tới hạn trước đây, USC vận hành ở áp suất và nhiệt độ cao hơn, giúp nâng hiệu suất phát điện và giảm tiêu hao nhiên liệu. Cùng với công nghệ phát điện, hệ thống xử lý môi trường tại Quảng Trạch I được đầu tư đồng bộ và hiện đại. Nhà máy được trang bị các tổ hợp xử lý khí thải tiên tiến như hệ thống khử lưu huỳnh, khử oxit nitơ và lọc bụi tĩnh điện hiệu

suất cao. Đáng chú ý, toàn bộ dữ liệu phát thải được giám sát bằng hệ thống quan trắc tự động, vận hành liên tục và kết nối theo thời gian thực, cho phép kiểm soát chặt chẽ các thông số môi trường trong suốt quá trình vận hành. Đây không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là bước tiến về minh bạch hóa, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về môi trường và phát triển bền vững.

Điểm nổi bật khác là mức độ tự động hóa và số hóa trong toàn bộ chuỗi vận hành. Hệ thống cấp than được thiết kế khép kín,

sử dụng băng tải kín thay cho phương thức vận chuyển truyền thống, giúp giảm thiểu thất thoát và hạn chế phát tán bụi. Tại khu vực cảng, hệ thống bốc dỡ than sử dụng thiết bị cơ giới hóa với năng suất lớn, kết hợp với tuyến băng tải dài, tạo thành một chuỗi cung ứng nhiên liệu liên tục, ổn định. Tất cả các khâu từ tiếp nhận, vận chuyển đến cấp liệu đều được tích hợp trong hệ thống điều khiển trung tâm, giúp nâng cao độ chính xác và giảm phụ thuộc vào thao tác thủ công.

Đặc biệt, dấu ấn của KHCN không chỉ nằm ở thiết bị hay hệ thống, mà còn thể hiện rõ qua năng lực làm chủ của đội ngũ kỹ sư, công nhân Việt Nam. Nhiều hạng mục kỹ thuật phức tạp như lắp đặt kết cấu lò hơi, tuabin - máy phát, hệ thống đường ống áp lực cao... đã được các đơn vị trong nước đảm nhận. Điều này cho thấy sự chuyển biến quan trọng từ việc phụ thuộc vào nhà thầu nước ngoài sang từng bước tiếp nhận, làm chủ và triển khai công nghệ. Đây chính là nền tảng để ngành điện Việt Nam nâng cao tính tự chủ trong các dự án năng lượng quy mô lớn trong tương lai.

Trong quá trình triển khai dự án, vai trò của Bộ Công Thương thể hiện rõ ở việc định hướng, hoàn thiện cơ chế và giám sát thực thi, bảo đảm dự án đi đúng quỹ đạo về tiến độ, công nghệ và môi trường. Không chỉ quản lý, Bộ đang chuyển sang vai trò kiến tạo, đặt mỗi dự án năng lượng trong tổng thể chiến lược bảo đảm an ninh năng lượng và chuyển dịch xanh. ■

Chuyển đổi số, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo đang mở ra diện mạo mới cho truyền tải điện, giúp hệ thống vận hành linh hoạt, an toàn và thích ứng tốt hơn.

> BÌNH MINH

Trong cấu trúc của hệ thống năng lượng hiện đại, truyền tải điện từ lâu được xem là phần trung gian lặng lẽ nhưng không thể thiếu, đảm nhận nhiệm vụ đưa điện từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng, bùng nổ năng lượng tái tạo và áp lực tăng trưởng phụ tải, vai trò của lưới truyền tải đang thay đổi căn bản. Không còn là hệ thống truyền dẫn thuần túy, lưới điện đang dần trở thành nền tảng công nghệ cao với khoa học - kỹ thuật quyết định trực tiếp đến an ninh năng lượng và hiệu quả vận hành của cả nền kinh tế.

Thực tế tại Việt Nam cho thấy, tốc độ tăng trưởng phụ tải điện duy trì ở mức cao trong nhiều năm, trong khi

KỶ NGUYÊN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Truyền tải điện chuyển mình



Khoa học, công nghệ giúp ngành điện chuyển từ vận hành truyền thống sang quản trị thông minh

các nguồn điện mới, đặc biệt là năng lượng tái tạo, lại phân bố không đồng đều về không gian. Điều này khiến hệ thống truyền tải phải gánh vai trò điều phối công suất trên quy mô lớn, đồng thời xử lý các biến động ngày càng phức tạp của hệ thống điện. Trong bối cảnh đó, việc ứng dụng khoa học, công nghệ (KHCN) không còn là lựa chọn mang tính cải tiến, mà đã trở thành điều kiện tiên quyết để bảo đảm vận hành an toàn, ổn định.

Một trong những thay đổi rõ nét nhất là quá trình số hóa toàn diện lưới điện truyền tải. Các trạm biến áp hiện đại đang dần chuyển sang mô hình số, nơi toàn bộ tín hiệu đo lường, điều khiển được truyền tải qua hệ thống cáp quang và nền tảng số hóa, thay thế cho phương thức truyền thống. Điều này không chỉ giúp tăng tốc độ xử lý dữ liệu mà còn giảm thiểu sai số, nâng cao độ chính xác trong vận hành. Các trung tâm điều khiển từ xa cho phép giám sát và thao

trình hàng trăm thiết bị cùng lúc, tạo ra hệ thống vận hành tập trung, linh hoạt và hiệu quả hơn nhiều so với mô hình phân tán trước đây.

Cùng với đó, công nghệ tự động hóa được đẩy mạnh với sự phát triển của các trạm biến áp không người trực. Đây là bước tiến mang tính cấu trúc, khi con người không còn phải hiện diện thường xuyên tại hiện trường mà có thể vận hành toàn bộ hệ thống từ trung tâm điều khiển. Không chỉ giúp tối ưu nguồn nhân lực, mô hình này còn giảm thiểu rủi ro trong môi trường làm việc có nhiều yếu tố nguy hiểm, đồng thời nâng cao khả năng phản ứng nhanh trước các tình huống bất thường.

Ở cấp độ vận hành, sự xuất hiện của các công nghệ giám sát thông minh đang làm thay đổi hoàn toàn cách tiếp cận truyền thống. Thay vì kiểm tra định kỳ theo kế hoạch cố định, các thiết bị truyền tải ngày nay được theo dõi liên tục thông qua hệ thống cảm biến và nền tảng dữ liệu. Từ nhiệt độ dây dẫn, tình trạng cách điện cho đến các hiện tượng bất thường như phóng điện cục bộ

đều được ghi nhận và phân tích theo thời gian thực.

Trong truyền tải điện, không thể không nhắc đến vai trò của trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn. AI đang dần được ứng dụng trong việc xử lý dữ liệu vận hành, dự báo phụ tải, phát hiện sớm các nguy cơ tiềm ẩn và hỗ trợ ra quyết định. Lĩnh vực kiểm tra lưới điện, AI có thể phân tích hình ảnh thu thập từ UAV để phát hiện lỗi với độ chính xác cao, thay thế phần lớn công việc thủ công trước đây.

Đối với tiến trình ứng dụng KHCN vào truyền tải điện, Bộ Công Thương giữ vai trò định hướng và điều phối trung tâm. Thông qua quy hoạch điện và hệ thống cơ chế, chính sách, bộ từng bước dẫn dắt phát triển lưới điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và số hóa, đồng thời thúc đẩy các đơn vị trong ngành đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới. Sự chủ động này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả vận hành mà còn bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu an ninh năng lượng trong bối cảnh mới. ■

VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ

Đưa vào vận hành thiết bị lọc bụi tĩnh điện

Viện Nghiên cứu Cơ khí (Bộ Công Thương) đã làm chủ được công tác thiết kế, chế tạo và đưa vào vận hành thiết bị lọc bụi tĩnh điện (LBTĐ) cho các dự án ứng dụng thực tế.

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 29/11/2012 về việc thí điểm thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) trong giai đoạn 2012 - 2025, Viện Nghiên cứu Cơ khí đã thực hiện Dự án khoa học và công nghệ sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước "Hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo, chế tạo thử nghiệm lọc bụi tĩnh điện công suất 1.000.000 Nm³/h". Mục tiêu của dự án là làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo, bằng năng lực trong nước chế tạo được thiết bị LBTĐ đạt tiêu chuẩn chất lượng tương đương thiết bị LBTĐ có xuất xứ châu Âu - G7 đang phải nhập ngoại cho các NMNĐ trong nước.

Theo Viện Nghiên cứu Cơ khí, để đáp ứng được mục tiêu làm chủ công tác thiết kế, chế tạo, cung cấp thiết bị LBTĐ cho các NMNĐ than thay thế ngoại nhập, dự án sản xuất thử nghiệm đã thực hiện một số nội dung. Cụ thể: xây dựng bộ hồ sơ thiết kế chế tạo và các quy trình đảm bảo và kiểm soát chất lượng sản phẩm LBTĐ công suất 1.000.000 Nm³/h; các quy trình công nghệ chế tạo, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm chế tạo; tài liệu hướng dẫn lắp đặt, quy trình vận hành chạy thử, quy trình nghiệm thu và quy trình vận hành thương mại; quy trình đào tạo vận hành và tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng sửa chữa thiết bị LBTĐ. Bên cạnh đó, chế tạo hệ thống thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác sản xuất điện cực lạng, điện cực phóng, bộ gõ rũ bụi các điện cực...

Việc làm chủ được công tác thiết kế chế tạo, kiểm soát chất lượng cho phép nâng cao được tỷ lệ nội địa hóa thiết bị LBTĐ, góp phần giảm giá thành sản phẩm, giảm chi ngoại tệ cho công tác nhập khẩu. Kết quả nghiên cứu của dự án đã được



Thiết kế, chế tạo thành công hệ thống thiết bị lọc bụi tĩnh điện

áp dụng cho các hợp đồng cung cấp thiết bị lọc bụi tĩnh điện tại NMNĐ Vũng Áng 1, Thái Bình 1, Nghi Sơn 2; các nhà máy xi măng, luyện kim...

Cụ thể, đã cung cấp 2 thiết bị LBTĐ công suất 1.067.180 Nm³/h cho dự án NMNĐ Thái

Bình 1 công suất 2 x 300 MW và 4 thiết bị LBTĐ công suất 1.035.878 Nm³/h cho dự án NMNĐ Nghi Sơn 2 công suất 2 x 600 MW. Đối với các dự án này, phần thực hiện trong nước chiếm tỷ lệ trên 94% về khối lượng. Trong đó, các bộ phận

quan trọng như điện cực lạng, điện cực phóng, hệ thống búa gõ rũ bụi được chế tạo trực tiếp bởi hệ thống thiết bị chuyên dụng là sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm, còn bộ phận kết cấu khác phối hợp chế tạo với các đơn vị trong nước.

Đồng thời, đã mở rộng ứng dụng sản phẩm của dự án sản xuất thử nghiệm như điện cực lạng, điện cực phóng, bộ búa gõ rũ bụi cho công tác cải tạo, đại tu LBTĐ của các nhà máy xi măng Tuyên Quang, Tân Quang, Quán Triều, La Hiên, Nghi Sơn và Vĩnh Sơn thông qua hợp đồng kinh tế.

Việc thực hiện công tác chế tạo với khối lượng lớn tại các nhà máy trong nước giúp cho hình thành mối liên kết giữa nhóm nghiên cứu thiết kế với nhóm sản xuất. Hai nhóm đều có điều kiện học hỏi lẫn nhau, nâng cao được năng lực chuyên môn, hoạt động khoa học - công nghệ có định hướng cụ thể hơn. Từ đó, hình thành sự tự tin trong hành nghề, gắn bó với sản xuất, cùng nhau nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân trong phạm vi hoạt động của mình, hình thành kỷ luật sản xuất. ■

Dự án sản xuất thử nghiệm đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho Viện Nghiên cứu Cơ khí với các nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực cung cấp thiết bị LBTĐ.

ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Nâng tầm sản xuất

Công nghiệp chế biến, chế tạo đang trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế với tốc độ phát triển cao. Năm 2025, chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo ước tăng 10,5% và là mức tăng cao nhất từ năm 2019 đến nay. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã nêu rõ các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 5 năm (2026 - 2030). Trong đó, phần đầu tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP.

TS. Trần Văn Khải - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội - cho biết, để công nghiệp chế biến, chế tạo Việt Nam thực sự "cất cánh" và phát triển vững chắc, cần chuẩn bị đồng bộ nhiều điều kiện về thể chế, nguồn lực và cơ sở hạ tầng. Trong đó, cần thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhằm nâng tầm năng lực sản xuất.

Theo TS. Trần Văn Khải, trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam cần tận dụng chuyển đổi số và công nghệ mới làm đòn bẩy tăng năng suất. Đầu tư cho R&D phải được ưu tiên trong cả khu vực nhà nước lẫn tư nhân, tập trung vào các ngành mũi nhọn như điện tử, sinh học, vật liệu mới.

Chính phủ cần có chính sách khuyến khích doanh nghiệp

Việc thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được coi là giải pháp then chốt nâng tầm năng lực sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

đổi mới công nghệ, hấp thụ và làm chủ các quy trình tiên tiến. Việc hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... sẽ tạo hệ sinh thái thuận lợi cho nghiên cứu ứng dụng.

Đổi mới sáng tạo cũng đòi hỏi bảo vệ sở hữu trí tuệ hiệu quả và kết nối chặt chẽ giữa viện, trường với doanh nghiệp. "Quý Tiền tệ quốc tế nhận định,



Công nghiệp chế biến, chế tạo đang trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế

chuyển đổi số và đổi mới công nghệ chính là 'biên giới' tăng trưởng mới cho Việt Nam trong thập kỷ tới. Nếu làm tốt, chúng ta có thể vượt 'bẫy thu nhập trung bình' nhờ những bước nhảy vọt về năng suất và giá trị gia tăng" - TS. Trần Văn Khải nhấn mạnh.

Trong lĩnh vực cụ thể của chế biến, chế tạo Việt Nam đang có lợi thế, TS. Trần Văn Khải cũng nhấn mạnh tầm

quan trọng của việc ứng dụng khoa học và công nghệ. Ví dụ, trong ngành công nghiệp vật liệu - lĩnh vực có vai trò nền tảng cho mọi lĩnh vực sản xuất, từ luyện kim, hóa chất đến vật liệu xây dựng, composite, nano.

TS. Trần Văn Khải phân tích, Việt Nam sở hữu một số lợi thế đặc biệt, điển hình là tài nguyên đất hiếm đứng vào hàng top thế giới. Trữ lượng đất hiếm của nước ta

ước đạt ~22 triệu tấn, lớn thứ hai toàn cầu chỉ sau Trung Quốc. Đất hiếm cùng các khoáng sản chiến lược khác chính là "vũ khí" để Việt Nam phát triển ngành vật liệu mới (nam châm, pin, bán dẫn...) và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng công nghệ cao.

Bên cạnh đó, nước ta đã phát triển được một số lĩnh vực vật liệu cơ bản như thép xây dựng, xi măng, đáp ứng 100% nhu cầu nội địa. "Để tạo đột phá, cần ưu tiên các dự án vật liệu mới có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, chẳng hạn sản xuất chip bán dẫn, vật liệu nano, hợp kim đặc biệt. Qua đó, hỗ trợ cho chính ngành điện tử, cơ khí trong nước" - TS. Trần Văn Khải nói.

Trương tực, với ngành dệt may, da giày cũng cần ưu tiên hiện đại hóa ngành bằng việc ứng dụng tự động hóa, chuyển sang sản phẩm giá trị cao để vừa giữ vững thị phần xuất khẩu, vừa nâng tầm thương hiệu Việt. Hay, những ngành như chế biến thủy sản, sữa, gia vị, đồ uống... hoàn toàn có thể vươn tầm nếu được đầu tư công nghệ hiện đại và quản trị chất lượng theo chuẩn mực quốc tế. ■

VIỆN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực năng lượng

Đầu tháng 4/2026, TS. Nguyễn Văn Tư - Phó Viện trưởng phụ trách Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) - làm việc với ông François Xavier Bauzet - Phó Tổng giám đốc phụ trách lĩnh vực dịch vụ công nghiệp của TÜV SÜD ASEAN về tiềm năng và định hướng hợp tác nghiên cứu phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

Hai bên đã giới thiệu năng lực, kinh nghiệm và thảo luận về định hướng hợp tác trong các lĩnh vực trọng tâm gồm: đánh giá kỹ thuật tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện (khảo sát địa điểm, nghiên cứu địa chất, đánh giá tác động môi trường cho các dự án điện gió ngoài khơi; triển khai công nghệ grid-forming và xây dựng bộ tiêu chí vận hành cho hệ thống điện có tỷ lệ năng lượng tái tạo cao).

Bên cạnh đó, nghiên cứu hệ thống điện quản tính thấp, tập trung vào đáp ứng tần số của lưới điện tương lai, vai trò của nguồn phát dựa trên bộ biến tần và cơ cấu nguồn điện linh hoạt để hỗ trợ tích hợp năng lượng tái tạo; xây dựng khung tiêu chuẩn kỹ thuật cho hạ tầng

Mới đây, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) đã có các buổi làm việc với TÜV SÜD và KN Energies để thảo luận, trao đổi về các định hướng hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực năng lượng.

> NGUYỄN QUỲNH

năng lượng thể hệ mới, gồm tiêu chuẩn tích hợp năng lượng tái tạo quy mô lớn, tiêu chuẩn grid-forming, tiêu chuẩn hạ tầng sẵn sàng cho hydrogen, nghiên cứu chung về hydrogen xanh, ammonia xanh, Power-to-X và công nghệ CCS/CCUS; lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS) ở quy mô hệ thống, xác định yêu cầu kỹ thuật tích hợp, vai trò của BESS trong hệ thống điện quản tính thấp và tiêu chí vận hành lưu trữ hỗ trợ năng lượng tái tạo.

Tại cuộc làm việc, VPI và TÜV SÜD đã khẳng định định hướng xây dựng quan hệ đối tác chiến lược nhằm đóng góp thiết thực



VPI làm việc với TÜV SÜD, trao đổi về các tiềm năng hợp tác

cho quá trình chuyển dịch năng lượng an toàn, hiệu quả và bền vững tại Việt Nam. Theo đó, hai bên thống nhất tiếp tục duy trì trao đổi kỹ thuật và ký kết Bản ghi nhớ hợp tác (MoU) trong thời gian tới, làm cơ sở pháp lý và định hướng để triển khai các hoạt động nghiên cứu và hợp tác cụ thể giữa hai bên.

Cũng trong đầu tháng 4/2026, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) đã có buổi làm việc với TS. Linas Kilda - Giám đốc phát triển kinh doanh của KN Energies về tiềm năng hợp tác nghiên cứu, tư vấn các giải pháp tối ưu về kỹ thuật, kinh tế và quy hoạch để phát triển hạ

tầng khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) tại Việt Nam.

VPI và KN Energies đã giới thiệu năng lực, kinh nghiệm và trao đổi về cơ hội hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn, khảo sát và đánh giá mô hình phát triển hạ tầng LNG tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, VPI và KN Energies tập trung thảo luận các giải pháp phát triển hạ tầng LNG linh hoạt, phù hợp với quy mô thị trường, nhu cầu năng lượng và năng lực đầu tư.

Lãnh đạo VPI và KN Energies cũng trao đổi cụ thể về vai trò của tư vấn kỹ thuật - kinh tế - quy hoạch tổng thể trong việc hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà

nước và nhà đầu tư lựa chọn phương án phát triển hạ tầng LNG phù hợp với đặc thù từng khu vực. Hai bên thống nhất tiếp tục duy trì trao đổi chuyên môn và tư vấn kỹ thuật, làm cơ sở cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu và tư vấn cụ thể giữa VPI và KN Energies trong thời gian tới.

Kinh nghiệm của KN Energies cho thấy, mô hình triển khai hạ tầng LNG theo từng giai đoạn, khởi đầu bằng các giải pháp kho chứa và tái hóa khí nổi (FSRU) hoặc hạ tầng nổi, sau đó chuyển dần sang terminal tiếp nhận LNG trên bờ khi thị trường đạt quy mô đủ lớn, có thể giúp tối ưu hóa thời gian và chi phí đầu tư. Cách tiếp cận này cho phép các cơ quan quản lý và nhà đầu tư "kiểm chứng" nhu cầu thị trường, đánh giá năng lực vận hành thực tế, trước khi quyết định đầu tư các dự án có quy mô và vốn đầu tư lớn hơn.

Trong bối cảnh tỷ trọng năng lượng tái tạo trong hệ thống điện ngày càng gia tăng, LNG là nguồn năng lượng chuyển tiếp giúp nâng cao tính linh hoạt của hệ thống, hỗ trợ cân bằng phụ tải và ổn định vận hành lưới điện.■

Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ nhấn mạnh tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

> LINH NGÀ

Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 đã đặt ra mục tiêu, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đã được giao tại các văn bản, Nghị quyết đột phá của Đảng và Nhà nước trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước, đổi mới xây dựng, thi hành pháp luật và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Phấn đấu trong năm 2026, năng lực đổi mới sáng tạo (GI) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) tăng ít nhất 1 bậc so với kỳ xếp hạng trước; phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) của UN tăng ít nhất 2 bậc so với kỳ xếp hạng trước; chỉ số cải

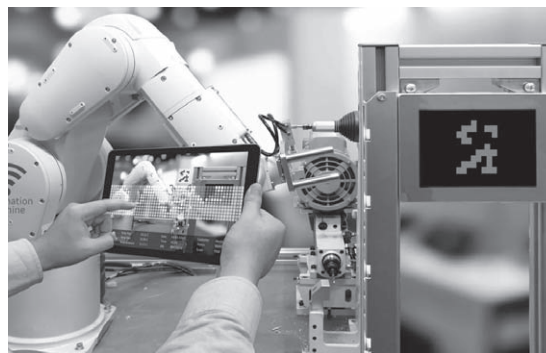
Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng đòn bẩy công nghệ

cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân của cả nước đạt 84,7%; chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): Giá trị trung bình cả nước đạt 86%.

Nghị quyết cũng nêu rõ nhiệm vụ, các bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức triển khai một cách sâu sắc, toàn diện, quyết liệt những trụ cột thể chế nền tảng: Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Đặc biệt, Nghị quyết nhấn mạnh việc hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế nhà nước phát triển bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững.

Bộ Công Thương đã có Quyết định số 140/QĐ-BCT về Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP



Tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao

của Chính phủ. Quyết định nêu nhiệm vụ triển khai đồng bộ, sâu sắc, toàn diện, quyết liệt những trụ cột thể chế nền tảng nhằm tạo động lực mạnh mẽ đổi mới tăng trưởng kinh tế, trong đó có Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Quyết định số 140 cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị. Theo đó, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến

ức đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tập trung thu hút và làm chủ công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh, kinh doanh hiệu quả, bền vững. Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển

khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững. Tiếp tục rà soát, cắt giảm danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành để tạo điều kiện thuận lợi thương mại.

Văn phòng Bộ (Bộ Công Thương) hoàn thành mục tiêu 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liên mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ và 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và ưu tiên xây dựng, tích hợp, cung cấp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ở mức độ toàn trình.■

Lực lượng Quản lý thị trường Đà Nẵng đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý vi phạm.

➤ Bài và ảnh: VŨ LÊ

Nâng cao năng lực số cho lực lượng quản lý thị trường

Trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh chóng, Chi cục Quản lý thị trường (QLTT) TP. Đà Nẵng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường. Ông Phạm Ngọc Sơn - Chi cục trưởng Chi cục QLTT Đà Nẵng - cho biết, một trong những điểm nổi bật là việc vận hành hiệu quả phần mềm quản lý nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính tập trung (INS). Hệ số hóa quy trình nghiệp vụ không chỉ giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ mà còn nâng cao tính minh bạch, thống nhất trong quản lý dữ liệu. "Tính đến nay, lực lượng QLTT Đà Nẵng đã cập nhật gần 9.600 hồ sơ nghiệp vụ lên hệ thống INS, tạo nền tảng dữ liệu phục vụ công tác quản lý và tổng hợp báo cáo" - ông Phạm Ngọc Sơn thông tin.

Trong quá trình kiểm tra, lực lượng QLTT cũng tăng cường

ĐÀ NẴNG

Ứng dụng công nghệ, nâng cao hiệu quả kiểm soát thị trường

sử dụng các thiết bị kỹ thuật như thiết bị ghi hình, lưu trữ dữ liệu điện tử nhằm phục vụ công tác nghiệp vụ và làm chứng cứ xử lý vi phạm. Qua đó, góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch trong quá trình kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm.

Đặc biệt, Chi cục QLTT TP. Đà Nẵng đã chú trọng nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức. Thời gian qua, đơn vị đã tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng giám sát, thu thập chứng cứ và nhận diện các hành vi vi phạm trên môi trường mạng; cử công chức tham gia các chương trình đào tạo. Nội dung đào tạo tập trung vào các kỹ năng như: khai thác dữ liệu số, giám sát hoạt động kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, sử dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ...

Một điểm đáng chú ý là việc thành lập tổ chuyên trách về thương mại điện tử với nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, rà soát các hoạt động kinh doanh trên không gian mạng. Từ



Lực lượng Quản lý thị trường Đà Nẵng đã cập nhật gần 9.600 hồ sơ lên hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính tập trung

đó, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và kinh doanh hàng giả trên các nền tảng số.

Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và công cụ công nghệ

Theo lãnh đạo Chi cục QLTT Đà Nẵng, mặc dù đạt được những kết quả bước đầu, quá trình ứng dụng công nghệ vào công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường vẫn còn không ít

khó khăn. Nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin trong lực lượng QLTT vẫn còn hạn chế, trong khi yêu cầu về kỹ năng số ngày càng cao. Hạ tầng kỹ thuật và các công cụ hỗ trợ kiểm tra trên môi trường số cũng cần tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn....

"Trong thời gian tới, Chi cục QLTT Đà Nẵng xác định tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số

trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia", ông Phạm Ngọc Sơn cho hay. Trọng tâm là tăng cường khai thác dữ liệu số, ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ nhận diện sớm các dấu hiệu vi phạm trên thị trường. Đồng thời, tiếp tục nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong chia sẻ thông tin và dữ liệu. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong môi trường kinh doanh số.

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ không chỉ giúp lực lượng QLTT nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát mà còn góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng và doanh nghiệp. ■

Đưa dữ liệu lưới điện lên nền tảng số

Nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành lưới điện

Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) hiện quản lý hệ thống lưới điện có quy mô lớn, trải dài trên 7 tỉnh, thành phố, với hơn 82.000 km đường dây trung/hạ thế; 156 trạm biến áp 110 kV và 4.264 km đường dây 110 kV; gần 35.000 trạm biến áp phụ tải, phục vụ gần 4,9 triệu khách hàng.

Quy mô hạ tầng rộng và phức tạp đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý thiết bị và dữ liệu kỹ thuật. Trước đây, nhiều thông tin về thiết bị nguồn và lưới điện được lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy hoặc phân tán trên các phần mềm riêng lẻ tại từng đơn vị. Điều này khiến việc tổng hợp, tra cứu và phân tích dữ liệu gặp không ít khó khăn.

Để khắc phục tình trạng này, ngành điện khu vực đã từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ cho toàn bộ hệ thống thiết bị nguồn và lưới điện thông qua phần mềm quản lý kỹ thuật PMIS, hệ thống dùng chung trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Trên nền tảng dữ liệu đã được số hóa, EVNCPC áp dụng các

đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang giúp ngành điện miền Trung - Tây Nguyên nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành lưới điện, tăng độ tin cậy cung cấp điện.

➤ Bài và ảnh: LÊ HẢO

phương pháp quản lý kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả vận hành lưới điện.

Ngày từ năm 2021, EVNCPC đã triển khai ứng dụng bảo dưỡng, sửa chữa dựa trên tình trạng thiết bị (Condition-Based Maintenance - CBM). Khác với phương thức bảo dưỡng định kỳ theo lịch cố định trước đây, phương pháp này dựa trên dữ liệu theo dõi thực tế để xác định thời điểm bảo dưỡng phù hợp.

Khi hệ thống phát hiện dấu hiệu bất thường hoặc nguy cơ xảy ra sự cố, phần mềm sẽ đưa ra cảnh báo để đơn vị quản lý kiểm tra và xử lý kịp



Tại tất cả các công ty điện lực trực thuộc EVNCPC vận hành trung tâm điều khiển từ xa

thời, công tác vận hành lưới điện chuyển từ trạng thái bị động sang chủ động.

Dữ liệu từ các thiết bị được cập nhật và phân tích thông qua hệ thống PMIS, giúp cán bộ kỹ thuật có thêm cơ sở để đánh giá mức độ vận hành của thiết bị. Trên cơ sở đó, các đơn vị có thể xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng phù hợp hơn với thực tế vận hành.

Theo các đơn vị kỹ thuật, phương pháp bảo dưỡng dựa trên tình trạng thiết bị có thể giúp hạn chế nguy cơ hư hỏng bất ngờ, đồng thời giảm thời gian cắt điện phục vụ sửa chữa,

qua đó góp phần nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

Tăng tốc chuyển đổi số, hướng tới lưới điện thông minh

Ông Ngô Tấn Cư - Tổng giám đốc EVNCPC - cho biết, đến nay, 100% trung tâm được giám sát, điều khiển từ xa; 100% trạm biến áp không người trực; 100% công tơ điện tử với tỷ lệ thu thập dữ liệu đạt trên 99%.

Việc ứng dụng công nghệ số cũng giúp nâng cao hiệu quả trong tác chăm sóc khách hàng. Hệ thống chăm sóc khách hàng đa kênh được tích hợp nhiều tiện ích như theo dõi sản lượng

điện tiêu thụ, cảnh báo sử dụng điện bất thường và hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý nhu cầu sử dụng điện.

Bên cạnh đó, EVNCPC cũng đẩy mạnh phong trào nghiên cứu và sáng kiến khoa học, công nghệ trong đơn vị. Đến nay, hơn 1.000 giải pháp và sáng kiến đã được triển khai trong nhiều lĩnh vực như quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện năng và quản trị doanh nghiệp. Riêng năm 2025, tổng công ty có 10 sáng kiến được công nhận cấp EVN, 158 sáng kiến cấp cơ sở và 129 sáng kiến cấp tổng công ty.

Những bước đi này đang góp phần tạo nền tảng cho quá trình hiện đại hóa lưới điện khu vực miền Trung - Tây Nguyên, giúp công tác quản lý và vận hành lưới điện ngày càng chủ động, hiệu quả hơn.

Việc ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học, công nghệ vào quản lý vận hành lưới điện cũng góp phần thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, 1 trong 3 khâu đột phá Đại hội Đảng bộ EVN lần IV nhiệm kỳ 2026 - 2030 đã đề ra. ■

Thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và mở rộng hợp tác quốc tế, Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và bền vững.

> LÊ AN

Phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo đang trở thành một trọng tâm trong quá trình hiện đại hóa ngành Công Thương. Trong thời gian qua, các hoạt động nghiên cứu, khảo sát và hợp tác quốc tế do Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương triển khai đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu và luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chính sách của Bộ Công Thương.

Theo thông tin từ Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương, trong năm 2025, đơn vị đã đẩy mạnh nhiều chương trình nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và trao đổi chuyên môn

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

Chuyển giao tri thức và mở rộng hợp tác quốc tế



Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học - công nghệ góp phần mở rộng khả năng kết nối hạ tầng năng lượng

nhằm cập nhật các xu hướng công nghệ mới, mô hình phát triển công nghiệp hiện đại cũng như kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại. Những hoạt động này giúp tăng cường năng lực nghiên cứu liên ngành, từ đó nâng cao chất lượng tư vấn chính sách cho ngành Công Thương trong giai đoạn chuyển đổi công nghệ và chuyển đổi số.

Một trong những hoạt động nổi bật là việc Viện tổ chức các đoàn

cán bộ nghiên cứu đi khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nhiều quốc gia nhằm tiếp cận các mô hình phát triển khoa học - công

nghệ và chính sách công nghiệp tiên tiến. Các đoàn công tác đã được triển khai tại Liên bang Nga, Lào và Hàn Quốc, tập trung vào các lĩnh vực như công nghiệp vật liệu, năng lượng và hợp tác công nghệ.

Tại Liên bang Nga, đoàn công tác của Viện đã phối hợp với Cục Luyện kim và Vật liệu thuộc Bộ Công Thương Liên bang Nga triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về "Ngành công nghiệp a miăng trắng và ảnh hưởng của a miăng trắng đến sức khỏe con người và môi trường". Nghiên cứu này nhằm đánh giá toàn diện các yếu tố công nghệ sản xuất, tác động môi trường và rủi ro sức khỏe cộng đồng liên quan đến

Trong thời gian tới, việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo được kỳ vọng sẽ tạo nên tăng trưởng vững chắc cho quá trình phát triển ngành Công Thương, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

vật liệu amiăng trắng.

Trong lĩnh vực năng lượng, đoàn công tác của Viện cũng đã làm việc tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với Bộ Năng lượng và Mô Lao cùng Viện Nghiên cứu Năng lượng và Thương mại Lào. Nội dung trao đổi tập trung vào các xu hướng phát triển năng lượng, khả năng kết nối hạ tầng năng lượng, cũng như các cơ hội hợp tác trong lĩnh vực điện năng, thương mại năng lượng và phát triển công nghệ năng lượng giữa hai quốc gia.

Ngoài ra, Viện cũng tổ chức các hoạt động khảo sát, trao đổi với cơ quan nghiên cứu và quản lý tại một số địa phương của Trung Quốc nhằm tìm hiểu kinh nghiệm phát triển công nghiệp, thương mại, ứng dụng KHCN trong quản lý sản xuất. Trong khi đó, tại Hàn Quốc, đoàn công tác của Viện đã tiến hành trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác và ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác nhằm thúc đẩy các chương trình nghiên cứu chung trong lĩnh vực phát triển công nghiệp, thương mại, đổi mới công nghệ.

Song song với hoạt động hợp tác quốc tế, Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương cũng tích cực tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề, diễn đàn nghiên cứu nhằm trao đổi các vấn đề chính sách liên quan đến phát triển công nghiệp và thương mại. ■

Nhiên liệu sinh học mở ra cơ hội phát triển kinh tế xanh

Chuyển đổi năng lượng theo hướng xanh hóa để ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo đảm an ninh năng lượng là xu thế tất yếu. Trong bối cảnh đó, nhiên liệu sinh học được coi là giải pháp chiến lược, không chỉ giúp giảm phát thải khí nhà kính mà còn gia tăng giá trị cho nông nghiệp, thúc đẩy ngành công nghiệp mới và mở ra cơ hội phát triển kinh tế xanh.

Việt Nam có nhiều tiềm năng để tham gia xu thế này nhờ lợi thế về nguồn nguyên liệu sẵn có, đồng thời đã xác định rõ định hướng phát triển nhiên liệu sinh học trong Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cụ thể, chiến lược nêu rõ: "Khuyến khích sử dụng rộng rãi nhiên liệu sinh học, nhiên liệu mới nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và bảo vệ môi trường".

Theo Thông tư 50/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 7/11/2025 quy định lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống: Từ

Ông Clarence Woo - Giám đốc điều hành Trung tâm Nhiên liệu Xanh Toàn cầu - đánh giá, Việt Nam đang làm rất tốt, chủ động phát triển nhiên liệu sinh học.

> TUƠNG VÂN



Năng lượng xanh góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh năng lượng

Ảnh: Nam Nguyễn

ngày 1/6/2026, xăng không chì theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải phối trộn ethanol để trở thành xăng E10, sử dụng cho động cơ xăng trên phạm vi toàn quốc. Xăng E5RON92 tiếp tục được phối trộn, sản xuất và sử dụng đến hết ngày 31/12/2030,

nhằm bảo đảm nguồn cung và sự thích ứng của thị trường.

Để thực hiện lộ trình trên, ngày 11/2/2026, Bộ Công Thương đã có Quyết định số 273/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch thực hiện Thông tư số 50/2025/TT-BCT; ngày 26/2/2026, Thủ tướng

Chính phủ ban hành Chỉ thị 07/CT-TTg về việc đẩy mạnh việc sản xuất, phối trộn, phân phối và sử dụng nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.

Ông Clarence Woo khẳng định, với một quốc gia có nền nông nghiệp lớn như Việt Nam, phát triển nhiên liệu sinh học mang lại nhiều lợi ích cho nông dân và người dân. Đây không chỉ là một nguồn nhiên liệu xanh quan trọng đang được Việt Nam thúc đẩy, mà còn dần được xem như một công cụ góp phần bảo đảm an ninh năng lượng. "Tôi nhận

thấy, Việt Nam đang làm rất tốt, chủ động trong việc phát triển nhiên liệu sinh học. Điều này giúp Việt Nam có sự chuẩn bị và sẵn sàng tốt hơn, đặc biệt trước những biến động đã xảy ra gần đây trên thị trường thế giới - đó là tình trạng thiếu hụt xăng dầu" - ông Clarence Woo nhấn mạnh.

Quan trọng hơn, khi giá dầu tăng cao, nhiên liệu sinh học và ethanol giúp Việt Nam có thêm nguồn nhiên liệu thay thế, qua đó chủ động hơn trong quản lý và bảo đảm nguồn cung năng lượng. "Tôi cho rằng, Việt Nam đã làm rất tốt trong việc xây dựng và triển khai chiến lược này, đồng thời đang có sự chuẩn bị tốt cho tương lai, nhất là khi ngành nông nghiệp ngày càng phát triển và đổi mới nguồn nguyên liệu" - ông Clarence Woo nói.

Giám đốc điều hành Trung tâm Nhiên liệu Xanh Toàn cầu cũng nhận định, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đẩy sớm hơn lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học. Bởi, Việt Nam đã thí điểm phân phối xăng E10 RON95 từ tháng 8/2025, cho đến nay chưa có báo cáo nào về sự cố hay tác động tiêu cực đến động cơ xe cũng như các vấn đề khác liên quan đến việc sử dụng xăng pha cồn. Việc triển khai sớm hơn thời hạn dự kiến rất hữu ích, đặc biệt trong bối cảnh thế giới hiện nay. Điều quan trọng là người tiêu dùng Việt Nam có đủ xăng và nhiên liệu sinh học để vận hành xe của họ. ■

Xăng sinh học đã ra đời và được sử dụng rộng rãi từ hàng chục năm qua trên thế giới, trở thành một phần trong chiến lược năng lượng sạch của nhiều quốc gia.

THUẾ TỈNH NINH BÌNH

Nâng cao hiệu quả thu ngân sách

MAI LIÊU

Thuế tỉnh Ninh Bình đã và đang tích cực triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về thu ngân sách nhà nước (NSNN), đồng thời tăng cường công tác quản lý thu và hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030, Thuế tỉnh Ninh Bình xây dựng chương trình hành động, đề ra mục tiêu nâng cao tính bền vững của nguồn thu NSNN, góp phần bảo đảm nguồn lực cho đầu tư phát triển đạt mục tiêu tăng trưởng 2 con số và xây dựng Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

Trao đổi với phóng viên Báo Công Thương, ông Nguyễn Đình Đức - Trưởng Thuế tỉnh Ninh Bình cho biết: Thực hiện chương trình hành động, Thuế tỉnh Ninh Bình triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các chức năng quản lý thuế, với mục tiêu hoàn thành vượt dự toán Bộ Tài chính giao, phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán HĐND - UBND tỉnh giao. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý thu; tập trung kiểm



Thuế tỉnh Ninh Bình triển khai đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các chức năng quản lý thuế

soát công tác kê khai, kiểm tra, chống trốn thuế, nợ thuế, hoàn thuế, xử lý nghiêm vi phạm về thuế.

Cùng với đó, triển khai hiệu quả cơ chế "Một cửa", "Một cửa liên thông" theo Nghị định 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ; đẩy mạnh tuyên truyền về việc thực hiện thực tục hành chính bằng phương thức điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; nắm bắt,

hỗ trợ người nộp thuế khi thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ người dân và doanh nghiệp, với phương châm "lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ", chuyển dịch căn bản từ "quản lý" sang "phục vụ"; thay đổi tư duy quản lý, luôn lắng nghe, hỗ trợ, giải đáp kịp thời

mọi vướng mắc của người nộp thuế; kịp thời triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn của Quốc hội, Chính phủ hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Thuế tỉnh Ninh Bình đã chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch 60 ngày đêm cao điểm và 15 ngày cao điểm theo phương châm "đi từng ngõ, gõ từng hộ", "cầm tay chỉ việc" thể hiện tinh thần, trách nhiệm của ngành thuế.

Với việc triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp quản lý, tổng thu NSNN quý I/2026 của Thuế tỉnh Ninh Bình ước đạt gần 20.000 tỷ đồng, đạt 30% dự toán pháp lệnh, chiếm 96% tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh. Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế, thị trường trong nước và ngoài nước có nhiều biến động phức tạp, khó lường. ■

Phát huy kết quả đạt được của quý I/2026 cùng việc triển khai đồng bộ các giải pháp, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho người nộp thuế phát triển sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thuế, sự đoàn kết trong toàn ngành, Thuế tỉnh Ninh Bình phấn đấu hoàn thành vượt dự toán ngân sách năm 2026.

NGHỆ AN

Lực lượng kiểm lâm nỗ lực phòng cháy, chữa cháy rừng

BÁO NGỌC

Tỉnh Nghệ An đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cấp bách về phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) trong mùa nắng nóng, chủ động hạn chế thấp nhất nguy cơ cháy rừng.

Tỉnh Nghệ An hiện có 1.648.649,52 ha diện tích rừng tự nhiên, với mùa nắng nóng kéo dài nên nguy cơ xảy ra cháy rừng rất lớn. Vùng có nguy cơ xảy ra cháy rừng cao tập trung gồm 15.476 ha rừng trồng thông nhựa; 720 ha rừng hỗn giao bạch đàn (loài cây có tinh dầu, dễ cháy), hơn 42.170,98 ha rừng tre nứa và 168.924,28 ha rừng hỗn giao gỗ - tre nứa. Với diện tích rừng lớn, phân bố trên nhiều dạng địa hình phức tạp, việc quản lý và bảo vệ rừng gặp không ít khó khăn.

Tính đến ngày 12/4, trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã xảy ra 7 vụ cháy

rừng và đất lâm nghiệp với tổng diện tích bị cháy là 7.088 ha, tính đã điều động 910 người tham gia chữa cháy. Trong đó, chủ trọng lực lượng tại chỗ gồm: chủ rừng, kiểm lâm, UBND xã, công an, quân sự, các tổ đội PCCCR thôn bản, người dân sống gần rừng.

Trước nguy cơ cao về cháy rừng, từ tháng 3/2026, tỉnh Nghệ An đã sớm triển khai các giải pháp phòng cháy chữa cháy; phát cảnh báo cấp độ nguy cơ cháy rừng trên toàn địa bàn tỉnh. Trong đó, đẩy mạnh công tác dự báo, cảnh báo sớm nguy cơ cháy rừng thông qua hệ thống chòi canh lửa, camera giám sát và hệ thống thông tin cảnh báo cháy rừng của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; kịp thời thông tin đến chính quyền địa phương, chủ rừng và người dân để chủ động phòng ngừa.

Trong thời gian cao điểm nắng nóng, yêu cầu tạm dừng hoàn toàn việc sử dụng lửa để xử lý thực bì; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng. Các địa phương tổ chức trực ban 24/24 giờ, bố trí lực

lượng tại các khu vực rừng trọng điểm, kiểm soát chặt chẽ người ra, vào rừng; tăng cường tuần tra, canh gác nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời các điểm cháy ngay từ khi mới phát sinh. Đối với các chủ rừng là tổ chức, yêu cầu chủ động theo dõi thông tin cảnh báo, tăng cường kiểm tra hiện trường, chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thiết bị chữa cháy.

Ông Bạch Quốc Dũng - Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Nghệ An cho biết, để chủ động ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng, các địa phương, đơn vị liên quan được yêu cầu triển khai đồng bộ nhiều giải pháp cấp bách. Trọng tâm là thực hiện nghiêm Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh về tăng cường quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR.

Từ đầu mùa nắng nóng, Ban Chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh đã thường xuyên và liên tục ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn chính quyền địa phương cấp xã, các chủ rừng, Hạt Kiểm lâm



Lực lượng kiểm lâm thực hiện trực 24/24h, chuẩn bị sẵn sàng các máy móc, thiết bị, chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng

Với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ rừng, tỉnh Nghệ An đang từng bước nâng cao năng lực PCCCR, chủ động ứng phó trước các diễn biến bất lợi của thời tiết, góp phần bảo vệ bền vững tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh.

về công tác PCCCR. Trong đó, UBND tỉnh ban hành 3 văn bản; Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành 4 văn bản; Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành 4 văn bản; Chi cục Kiểm lâm (Văn phòng Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành 7 văn bản.

Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ PCCCR được triển khai đồng bộ từ kiện toàn Ban Chỉ đạo, xây dựng phương án PCCCR; xác

định các vùng trọng điểm cháy rừng cần tập trung chỉ đạo; tổ chức thường trực công tác bảo vệ rừng, PCCCR; cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm cháy rừng; công tác tuyên truyền. Đồng thời, xây dựng các công trình phòng cháy; kiểm tra đơn đốc việc xây dựng và thực hiện phương án PCCCR của các chủ rừng và chính quyền cơ sở; rà soát các quy chế phối hợp trong công tác PCCCR trên địa bàn. ■

PETROVIETNAM GIỮ VỮNG “lá chắn năng lượng” TRƯỚC “BÃO” ĐỊA CHÍNH TRỊ TRUNG ĐÔNG

Chính phủ đã kích hoạt điều hành khẩn cấp, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) chủ động vận hành toàn chuỗi, bảo đảm nhiên liệu. Những động thái quyết liệt này cho thấy bản lĩnh ứng phó của Việt Nam và vai trò của Petrovietnam trong giữ vững an ninh năng lượng.

► YÊN CHÍ

Nhanh chóng kích hoạt các kịch bản ứng phó

Những ngày qua, trước diễn biến phức tạp và khó lường của xung đột tại Trung Đông, khu vực được xem là “trái tim năng lượng” của thế giới, Petrovietnam đã nhanh chóng thể hiện vai trò của một doanh nghiệp trụ cột quốc gia khi chủ động kích hoạt các kịch bản ứng phó trên toàn bộ chuỗi dầu khí - năng lượng. Toàn Tập đoàn đã hành động khẩn trương, quyết liệt, bài bản, khoa học với mục tiêu xuyên suốt: bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và giữ vững nguồn cung nhiên liệu cho nền kinh tế.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 36/NQ-CP ngày 6/3/2026, Petrovietnam được trao cơ chế chủ động hơn trong mua bán, nhập khẩu dầu thô và nguyên liệu, từ đó nhanh chóng triển khai các phương án bảo đảm nguồn cung trong nước. Từ ngày 6 - 9/3/2026, Tập đoàn rà soát toàn bộ nguồn đầu vào, gồm dầu thô và sản phẩm trung gian tồn kho từ các nguồn trong nước và nhập khẩu, để xây dựng kịch bản vận hành ổn định cho các nhà máy lọc dầu trong những tháng tới; làm việc với đối tác quốc tế để bổ sung nguồn dầu thô, hỗ trợ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn ký thêm hợp đồng mới, giảm rủi ro gián đoạn nguồn cung.

Ở khâu chế biến, từ đầu tháng 3/2026, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất được vận hành trên 100% công suất, trở thành “bệ đỡ” nguồn cung nội địa, đồng thời sẵn sàng hỗ trợ Nghi Sơn khi cần thiết. Trong lĩnh vực khí, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) được yêu cầu cấp tối đa khí nội địa cho điện với sản lượng khoảng 9 triệu m³/ngày, đồng thời chủ động thu xếp các chuyến tàu LNG (hoàn tất trước khi căng thẳng leo thang) để bảo đảm nguồn cung khí cho sản xuất và công nghiệp trong các tháng tiếp theo.

Ở khâu thượng nguồn, từ giữa tháng 3/2026, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và Liên doanh Vietsovpetro được chỉ đạo duy trì và gia tăng sản

lượng khai thác, đồng thời tối ưu chi phí vận hành để bù đắp rủi ro logistics và giá vận chuyển tăng cao.

Ở khâu thương mại và phân phối, Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) đã xây dựng nhiều kịch bản nhập khẩu bổ sung, đa dạng hóa nguồn cung và tuyến vận chuyển, đặc biệt là giảm phụ thuộc vào các tuyến vận tải rủi ro như Trung Đông. Trong khi đó, lĩnh vực vận tải năng lượng cũng được kích hoạt trạng thái cảnh báo: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) rà soát toàn bộ đội tàu, điều chỉnh hành trình, đưa tàu ra khỏi vùng nguy cơ và chuẩn bị phương án vận hành linh hoạt theo diễn biến địa chính trị. Song song, Petrovietnam thiết lập cơ chế điều hành nội bộ theo thời gian thực giữa các đơn vị thành viên, giúp cập nhật nhanh diễn biến thị trường và xử lý tức thời các tình huống phát sinh.

Chủ động đề xuất giải pháp chính sách

Đáng chú ý, từ giữa tháng 3/2026, Petrovietnam đã chủ động kiến nghị Chính phủ các giải pháp mạnh hơn như xem xét дерегулирование xuất khẩu dầu thô để ưu tiên cho chế biến trong nước, qua đó nâng cao mức độ tự chủ năng lượng quốc gia. Đồng thời, Tập đoàn cũng phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho cán bộ, người lao động đang làm việc tại khu vực Trung Đông - một yếu tố ít được nhắc đến nhưng mang tính chiến lược trong quản trị rủi ro toàn chuỗi.

Đồng thời, Petrovietnam tích cực làm việc với các đối tác quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn đầu thô cho các nhà máy lọc dầu trong nước, qua đó nâng cao tính linh hoạt của hệ thống cung ứng năng lượng quốc gia trước những biến động khó lường của thị trường toàn cầu. Trong quá trình triển khai các biện pháp ứng phó, Petrovietnam tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong cơ chế điều hành an ninh năng lượng quốc gia khi lãnh đạo Tập đoàn tham gia trực tiếp Tổ công tác bảo đảm an ninh năng lượng của Chính phủ.



Các đơn vị thăm dò và khai thác của Petrovietnam nỗ lực tăng công suất khai thác



Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vận hành trên 100% công suất

Với kinh nghiệm vận hành toàn bộ chuỗi giá trị dầu khí - năng lượng, Petrovietnam không chỉ cung cấp thông tin thực tiễn về thị trường mà còn chủ động đề xuất các giải pháp chính sách nhằm củng cố khả năng chống chịu của hệ thống năng lượng Việt Nam. Trong đó có những kiến nghị quan trọng như ưu tiên nguồn đầu thô trong nước cho chế biến nội địa (thậm chí cấm xuất), tăng cường dự trữ năng lượng và đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung

thấy bản lĩnh của một tập đoàn năng lượng quốc gia trước những biến động địa chính trị phức tạp của thế giới. ■

Những biện pháp điều hành được triển khai quyết liệt trong giai đoạn hiện nay không chỉ nhằm ứng phó với một cuộc khủng hoảng năng lượng ngắn hạn, mà còn góp phần định hình cách tiếp cận mới trong quản trị năng lượng quốc gia, hướng tới một hệ thống năng lượng đa dạng, bền vững và có khả năng thích ứng tốt hơn với những biến động của thế giới.

đầu thô từ nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Những hành động nhanh chóng, đồng bộ và quyết liệt của Petrovietnam cho

Ở Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR), đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), văn hóa doanh nghiệp không đứng ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà được xác định là nguồn lực nội sinh cho quản trị, vận hành và tăng trưởng. Từ việc bồi đắp cốt cách doanh nghiệp, chuẩn hóa ứng xử, siết chặt kỷ cương cho đến lan tỏa tinh thần “Một đội ngũ - Một mục tiêu”, BSR đang cho thấy văn hóa doanh nghiệp tiếp sức mạnh mẽ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

➤ THANH HIẾU



Lãnh đạo Bộ Công Thương, tỉnh Quảng Ngãi và BSR phát động phong trào thi đua năm 2026

Văn hóa doanh nghiệp tiếp sức mạnh mẽ cho sản xuất, kinh doanh

Từ cốt cách văn hóa đến sức mạnh vận hành

Tại BSR, văn hóa doanh nghiệp không chỉ dừng ở khẩu hiệu, mà thấm sâu vào tác phong làm việc, ý thức tuân thủ, tinh thần trách nhiệm và bản lĩnh của cả bộ máy. Đó cũng là mục tiêu BSR theo đuổi trong nhiều năm qua: xây dựng văn hóa doanh nghiệp để hình thành một đội ngũ chuyên nghiệp hơn, kỷ luật hơn, gắn kết hơn và sẵn sàng hành động vì mục tiêu chung.

Tại BSR, văn hóa doanh nghiệp luôn gắn liền với sản xuất kinh doanh. BSR đã xác định rất rõ, văn hóa doanh nghiệp là yếu tố đi trước, có vai trò định hướng, tạo đà cho sản xuất kinh doanh, cùng với các trụ cột quản trị khác để phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể người lao động. Nói cách khác, văn hóa ở BSR được nhìn nhận như một thành tố hiệu quả của năng lực điều hành.

Từ nhận thức đó, BSR tiếp tục đưa văn hóa vào những nội dung rất cụ thể: lan tỏa hệ giá trị cốt lõi “Chính trực - Chuyên nghiệp - Đoàn kết - Sáng tạo - Hiệu quả”; duy trì các chuẩn mực ứng xử, thúc đẩy “7 thói quen hiệu quả”; hoàn thiện tài liệu về đạo đức nghề nghiệp, đạo đức kinh doanh. Đồng thời rà soát, cập nhật các bộ quy tắc liên quan đến văn hóa số, văn hóa học tập, văn hóa tuân thủ, văn hóa kinh doanh và văn hóa bảo vệ môi trường. Đây là những công việc không ồn ào, nhưng lại tác động trực tiếp đến chất lượng vận hành của đơn vị.

Trong môi trường làm việc có hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao, hiệu quả không chỉ được quyết định bởi máy móc hay công nghệ, mà còn phụ thuộc rất lớn vào con người. Một sai lệch nhỏ trong phối hợp, một mất tích lỏng trong tuân thủ hay phản ứng chậm trước biến động cũng có thể tạo ra hệ quả lớn. Bởi vậy, khi văn hóa được chuyển hóa thành kỷ cương, trách nhiệm, thói quen làm việc chuẩn mực và tinh thần đồng đội, nó sẽ trở thành sức mạnh vận hành, tiếp sức mạnh mẽ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tạo động lực cho mục tiêu tăng trưởng năm 2026

Vai trò của văn hóa doanh nghiệp tại BSR

càng rõ hơn khi đặt cạnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026. Trong năm 2026, BSR đặt ra hàng loạt nhiệm vụ trọng tâm: vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu; chủ động ứng phó với biến động địa chính trị và nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng; đẩy mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng mô hình nhà máy thông minh; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big data) trong dự báo, điều hành; đồng thời triển khai công tác an sinh xã hội, truyền thông và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Nhìn vào các nhiệm vụ đó có thể thấy, BSR đang bước vào năm 2026 với yêu cầu rất cao về năng lực quản trị tổng thể. Muốn vận hành ổn định trong bối cảnh thị trường năng lượng còn nhiều bất định, BSR

cần một đội ngũ đủ bản lĩnh, kỷ luật, khả năng phối hợp và tinh thần chia sẻ mục tiêu. Đó chính là khi văn hóa doanh nghiệp phát huy giá trị mạnh nhất.

Kế hoạch năm 2026 của BSR cũng đi kèm những chỉ tiêu rất lớn: sản lượng sản xuất đạt hơn 7,7 triệu tấn, sản lượng tiêu thụ 7,7 triệu tấn, doanh thu hợp nhất hơn 154 nghìn tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 12,5 nghìn tỷ đồng. Để đạt được các mục tiêu đó, đơn vị cần vận hành liên tục, tối ưu hóa chi phí, nâng cao sức chống chịu trước biến động và bảo đảm hiệu quả toàn chuỗi.

Chính trong bối cảnh đó, văn hóa doanh nghiệp của BSR trở thành một dạng “nội lực mềm” nhưng có tác động mạnh mẽ. Một tập thể thống nhất về mục tiêu sẽ giảm độ chênh lệch trong phối hợp. Một môi trường đề cao trách nhiệm sẽ nâng chất lượng thực thi. Một đội ngũ có tinh thần học tập



Văn hóa doanh nghiệp không chỉ tạo nên bản sắc BSR mà còn tiếp tục mạnh mẽ cho sản xuất, kinh doanh



Tại BSR, văn hóa doanh nghiệp không chỉ là khẩu hiệu mà thấm sâu vào thực tiễn sản xuất kinh doanh

và đổi mới sẽ thích ứng nhanh hơn trước biến động. Một nền văn hóa coi trọng tuân thủ, an toàn, hiệu quả sẽ tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng.

Khi nói về văn hóa doanh nghiệp, ông Nguyễn Việt Thắng - Tổng Giám đốc BSR - chia sẻ: “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tại BSR không phải là việc làm nhất thời, mà là một quá trình lâu dài, bền bỉ, liên tục và có định hướng chiến lược rõ ràng,

cần sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị và toàn thể người lao động. Văn hóa doanh nghiệp chính là nền tảng vững chắc giữ vững niềm tin, hun đúc khát vọng, gắn kết con người, nâng cao bản lĩnh, tinh thần trách nhiệm và truyền cảm hứng lao động, đổi mới sáng tạo trong toàn công ty; sức mạnh nội sinh giúp BSR vượt qua thử thách, thích ứng với biến động của thị trường năng lượng toàn cầu, hướng tới trở thành một doanh nghiệp năng lượng hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao, phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho cộng đồng và đất nước”.

Từ nền tảng cốt cách văn hóa đã được bồi đắp qua nhiều năm, đến các chương trình hành động cụ thể trong năm 2025 và sự gắn kết rõ ràng với mục tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2026, BSR đang cho thấy một hướng đi nhất quán: lấy văn hóa doanh nghiệp làm nền tảng, lấy con người làm trung tâm. Theo cách tiếp cận đó, văn hóa doanh nghiệp không chỉ tạo nên bản sắc BSR, mà còn đang tiếp tục mạnh mẽ cho sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh và hành trình phát triển bền vững của doanh nghiệp trong giai đoạn mới. ■

Việc đặt tên giàn PV DRILLING IX không chỉ đánh dấu mốc hoàn tất quá trình tái khởi động mà còn mở ra chặng đường vận hành mới, bổ sung vào đội hình 7 giàn khoan của PV Drilling, gồm 6 giàn khoan tự nâng (jack-up) và 1 giàn khoan nước sâu (TAD).

➤ NGUYỄN HIẾN



Lễ đặt tên giàn khoan tự nâng đa năng PV DRILLING IX

Vừa qua, tại Cảng hạ lưu PTSC (phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh), Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling, mã chứng khoán: PVD), đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) đã long trọng tổ chức Lễ đặt tên giàn khoan tự nâng đa năng PV DRILLING IX, đánh dấu việc hoàn tất tái khởi động và sẵn sàng đưa giàn vào hoạt động thương mại từ tháng 4/2026.

Tham dự buổi lễ, về phía Petrovietnam có ông Trần Quang Dũng - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Petrovietnam; các Phó Tổng giám đốc: Dương Mạnh Sơn, Lê Mạnh Cường; ông Nguyễn Mạnh Kha - Chủ tịch Công đoàn Petrovietnam; cùng lãnh đạo các ban chuyên môn Tập đoàn.

Sự kiện còn có sự hiện diện của nhiều khách hàng, đối tác lớn của PV Drilling như: Vietsovpetro, PVEP, BIENDONG POC, Zarubezhneft EP Vietnam B.V., JVPC, PVI South, PTSC Supply Base, VRJ Petroleum Company, PETROSETCO, Westwood, ABS...

Phát biểu tại buổi lễ, ông Nguyễn Xuân Cường - Tổng Giám đốc PV Drilling - nhấn mạnh, PV Drilling xác định việc chủ động nâng lực kỹ thuật, thiết bị, nhân lực và chất lượng dịch vụ là nền tảng để bảo đảm tự chủ trong cung cấp giàn khoan, đáp ứng nhu cầu thị trường trong tương lai. Hiện, PV Drilling đang cung cấp dịch vụ cho hơn 10 giàn khoan tại Đông Nam Á; riêng tại Việt Nam đang vận hành 1 giàn sở hữu và thuê thêm 4 giàn tự nâng từ nước ngoài, cho thấy nguồn cung vẫn thiếu hụt đáng kể. Giàn PV DRILLING IX được kỳ vọng sẽ bổ sung năng lực quan trọng, góp phần duy trì ổn định hoạt động thêm 40 khai thác dầu khí.

PV DRILLING IX là giàn tự nâng thế hệ mới theo thiết kế JU2000E, tự động hóa cao, thông số kỹ thuật vượt trội, có thể hoạt động ở độ sâu tới 129 m, phù hợp thay thế giàn floater tại các khu vực nước sâu như bể Nam Côn Sơn. Giàn được đóng năm 2016, từng vận hành hiệu quả tại Biển Bắc trước khi được PV Drilling tiếp nhận và tái khởi động. Hành trình đưa giàn về Việt Nam trải qua hơn 12.800 km từ châu Âu về Vũng Tàu vào cuối năm 2025, sau đó nhanh chóng được hoàn thiện nâng cấp.

PV Drilling đặt tên giàn khoan tự nâng đa năng PV DRILLING IX, sẵn sàng gia nhập đội hình khoan hiện đại



Các đại biểu tham quan giàn PV DRILLING IX

Việc đặt tên giàn PV DRILLING IX không chỉ đánh dấu mốc hoàn tất quá trình tái khởi động mà còn mở ra chặng đường vận hành mới, bổ sung vào đội hình 7 giàn khoan của PV Drilling, gồm 6 giàn khoan tự nâng (jack-up) và 1 giàn khoan nước sâu (TAD). Dự kiến, từ tháng 4/2026, giàn sẽ chính thức cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài nước, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của PV Drilling trên thị trường khoan khu vực.

Sự kiện cũng mang ý nghĩa chào mừng 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026) và hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập PV Drilling (26/11/2001 - 26/11/2026).

PV DRILLING IX tích hợp nhiều thiết bị hiện đại từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới như NOV/SLB. Giàn được trang bị các hệ thống khoan tiên tiến nhất, bao gồm công nghệ tự động hóa trong thao tác cần khoan, các thiết bị hỗ trợ khoan song hành và đáp ứng các giếng khoan điều kiện nhiệt độ cao - áp suất cao (HPHT).



Lễ gắn biển công trình chào mừng 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026) và hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập PV Drilling (26/11/2001 - 26/11/2026)

Giàn có khả năng hoạt động tại nhiều khu vực như Biển Bắc, Trung Đông và Đông Nam Á. PV DRILLING IX có thể thi công giếng khoan sâu tới 30.000 feet (khoảng 9.144 m) và có sức chứa tối đa 170 nhân sự làm việc trực tiếp trên giàn.

Trong giai đoạn tái khởi động đầu tiên tại Đan Mạch từ tháng 9/2025, giàn đã hoàn tất kiểm tra, vận hành và chạy thử các hệ thống quan trọng theo tiêu

chẩn của tổ chức đăng kiểm ABS, bao gồm hệ thống an toàn, thiết bị nâng hạ, động cơ và máy phát điện.

Ngày 30/10/2025, giàn rời cảng Esbjerg (Đan Mạch), đi chuyển đến Rotterdam (Hà Lan) trước khi được vận chuyển về Việt Nam bằng tàu chuyên dụng. Sau hành trình hơn 12.800 hải lý, giàn đã cập cảng Vũng Tàu an toàn vào ngày 25/12/2025. Sau khi về nước, PV DRILLING IX tiếp tục

hoàn tất giai đoạn tái khởi động thứ hai với các hạng mục kiểm tra dưới nước (UWILD), đại tu thiết bị, nâng cấp hệ thống và khu nhà ở, bảo đảm các điều kiện kỹ thuật để sẵn sàng cung cấp dịch vụ khoan ngay trong tháng 4/2026.

Việc đưa PV DRILLING IX vào vận hành được kỳ vọng sẽ góp phần tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan của PV Drilling, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của thị trường năng lượng trong nước và khu vực.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Lê Mạnh Cường - Phó Tổng giám đốc Petrovietnam - ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực, quyết tâm của PV Drilling trong việc chuẩn bị và đưa giàn khoan vào vận hành.

Phó Tổng giám đốc Petrovietnam nhận định, thị trường khoan dầu khí trong nước và khu vực đang bước vào chu kỳ phục hồi tích cực, với nhu cầu giàn khoan tăng, công suất sử dụng ở mức cao và giá thuê giàn cải thiện rõ rệt. Đây là cơ hội, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực thiết bị, công nghệ và nguồn nhân lực cho cung cấp dịch vụ khoan.

Việc tiếp tục đầu tư, phát triển và chính thức đưa vào vận hành giàn khoan tự nâng PV DRILLING IX là một bước đi có ý nghĩa chiến lược, thể hiện rõ tầm nhìn dài hạn cũng như sự chủ động của PV Drilling trong việc nắm bắt cơ hội từ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường khoan dầu khí.

Không chỉ dừng lại ở hiệu quả kinh tế, dự án còn tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và trình độ chuyên môn cho đội ngũ kỹ sư, người lao động Việt Nam, qua đó từng bước xây dựng lực lượng nhân sự có năng lực cạnh tranh quốc tế. Đây cũng là nền tảng để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và củng cố chuỗi dịch vụ kỹ thuật dầu khí trong nước. ■

PVFCCO - PHÚ MỸ

Niềm tin trọn vẹn với danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao 2026

Tại Lễ công bố Hàng Việt Nam chất lượng cao 2026, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo - Phú Mỹ), đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam), đánh dấu năm thứ 23 liên tiếp vinh dự được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”.

➤ PHƯƠNG NGÀ

Lễ công bố được tổ chức trang trọng tại Hội trường Thống Nhất, vinh danh 581 doanh nghiệp xuất sắc vượt qua quá trình bình chọn, khảo sát, xác minh và sàng lọc khắt khe. Phát biểu tại sự kiện, Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan đã nhấn mạnh thông điệp cốt lõi: “Đừng chỉ làm ra sản phẩm tốt. Hãy làm ra niềm tin... để khi sản phẩm không còn, niềm tin vẫn ở lại”.

Sớm thấu hiểu triết lý này, từ ngày mới ra đời tới nay, PVFCCo - Phú Mỹ luôn đặt chất lượng và công tác xây dựng thương hiệu lên hàng đầu. Trong thời gian qua, tổng công ty liên tục nâng cao, chăm chút chất lượng sản phẩm và quản lý toàn trình sản phẩm từ nhà máy tới hộ tiêu thụ; liên tục đầu tư phát triển sản phẩm mới; quyết liệt triển khai công tác bảo vệ nhãn hiệu, đổi mới và chuẩn hóa hệ thống nhận diện thương hiệu và tiếp cận khách hàng. Mọi nỗ lực đều hướng tới việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông và đối tác, đồng thời củng cố niềm tin vững chắc nơi người tiêu dùng.

Vượt lên ý nghĩa của một danh hiệu thường niên, việc nằm trong nhóm ngành phân bón và thuốc bảo vệ thực vật do người tiêu dùng bình chọn năm nay minh chứng cho thành công của chiến lược quản trị chuẩn mực, năng lực đổi mới sáng tạo và diện mạo thương hiệu tỏa sáng của PVFCCo - Phú Mỹ.

Bên cạnh hai sản phẩm chủ lực là Đạm Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ tiếp tục giữ trọn niềm tin của người dùng, PVFCCo - Phú Mỹ đã ghi nhận sự bứt phá chiến lược khi 2 dòng sản phẩm mới đều được người tiêu dùng tin nhiệm bình chọn và được công nhận là Hàng Việt Nam chất lượng cao: Hữu cơ Phú Mỹ và DAP Phú Mỹ.

DAP Phú Mỹ: Sản xuất bằng công nghệ hóa học tại Tổ hợp Nhà máy Phú Mỹ, đặc biệt vượt trội vì hàm lượng đạm, lân cao; cadimi (Cd) rất thấp, màu tự nhiên thân thiện môi trường.

Hữu cơ Phú Mỹ: Giải pháp “Hồi sinh đất, bật sức cây” được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản, hàm lượng OM cao, giúp cải thiện cấu trúc đất, nuôi cây tốt. Hữu cơ Phú Mỹ chính là mảnh ghép hoàn thiện của “Bộ ba vàng vô cơ - hữu cơ - sinh học Phú Mỹ”, vừa giúp chủ động nguồn cung cho sản xuất nông nghiệp trong nước, đặc biệt trong những giai đoạn thế giới nhiều biến động, vừa hướng tới nền nông nghiệp an toàn, bền vững.

Sự hiện diện của 4 dòng sản phẩm Phú Mỹ trong danh mục đã khẳng định niềm tin trọn vẹn của người tiêu dùng cho bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ. Qua đó, khẳng định vị thế doanh nghiệp có tư duy đột phá, tầm nhìn toàn cầu, kiến tạo sự thịnh vượng bền vững. ■



Các dòng sản phẩm được trao danh hiệu năm 2026

Vận hành tối ưu, sản lượng vượt kế hoạch

Kết quả này cho thấy năng lực điều hành ngày càng linh hoạt, khả năng thích ứng được năng lên rõ rệt, qua đó góp phần bảo đảm nguồn dầu thô quan trọng cho chuỗi lọc hóa dầu trong nước.

Bước vào năm 2026, PVEP đối mặt với không ít thách thức khi tình hình địa chính trị toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp, giá dầu biến động mạnh, rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng thiết bị và dịch vụ dầu khí vẫn hiện hữu. Trong bối cảnh đó, tổng công ty đã bám sát diễn biến thị trường, chủ động quản trị rủi ro chi phí và tiến độ, đồng thời tận dụng điều kiện thuận lợi của giá dầu để duy trì sản lượng khai thác ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Đấu ấn nổi bật nhất trong quý I/2026 là công tác vận hành, khai thác dầu khí được duy trì an toàn, liên tục và tối ưu. Uptime trung bình toàn hệ thống đạt 99,74%. Các dự án đã chủ động tối ưu thời gian dừng mỏ và bảo dưỡng tại nhiều lô trọng điểm như 05-1(a), 11-2, 433a & 416b. Riêng công tác bảo dưỡng máy nén khí được rút ngắn khoảng 209 giờ, góp phần gia tăng sản lượng cho PVEP. Cùng với đó, 27 công việc can thiệp giếng đã được triển khai, trong đó có 15 công việc được đẩy sớm từ 1-4 tháng và bổ sung thêm 8 công việc ngoài kế hoạch, giúp gia tăng sản lượng khai thác mỗi ngày.

Nhờ điều hành sát sao, linh hoạt và đồng bộ, PVEP duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, an toàn và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Petrovietnam giao. Trong đó, sản lượng khai thác vượt mức kế hoạch (107%) và tăng mạnh (136%) so với cùng kỳ năm 2025, góp phần bảo đảm nguồn thu và hiệu quả tài chính của tổng công ty. Về kết quả tài chính, tổng doanh thu đạt 118%, tăng mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ doanh thu dầu khí tăng và doanh thu tài chính vượt kế hoạch; nộp ngân sách nhà nước đạt 180% kế hoạch.

Bên cạnh đó, PVEP còn chủ động gia tăng sản lượng từ các giếng mới. Đến hết quý I/2026, tổng công ty đã thi công 9 giếng khoan phát triển khai thác, trong đó đã hoàn thành 5 giếng và đang tiếp tục thi công 4 giếng. Một số giếng cho kết quả rất tích cực như DH-38P tại Lô 05-1(a), giếng DH-32XP, giếng TGT-H5-32IPST. Những kết quả này không chỉ giúp bù đắp suy giảm sản lượng tự nhiên ở các mỏ đang khai thác mà còn củng cố dư địa tăng trưởng sản lượng cho các quý tiếp theo.

Tăng tốc quản trị hiện đại và chuyển đổi số

Một điểm nhấn quan trọng trong công tác điều hành quý I/2026 là PVEP đã nâng cao rõ rệt tính chủ động và khả năng thích ứng trong quản trị. Tổng công ty đã hoàn thành xây dựng hệ thống kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026, giao KPI và nhiệm vụ trọng tâm tới từng đơn vị; đồng

Trong bối cảnh thị trường năng lượng thế giới biến động mạnh, chi phí dịch vụ dầu khí và logistics gia tăng, Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP), đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) vẫn duy trì nhịp độ sản xuất an toàn, ổn định, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong quý I/2026.



Chủ tịch HĐQT PVEP Trương Quốc Lâm thăm và kiểm tra hoạt động trên giàn Su Tử Vàng

PVEP tăng cường năng lực điều hành, duy trì khai thác an toàn, vượt kế hoạch quý I/2026

➤ NGA PHUONG



Chủ tịch HĐQT Petrovietnam Lê Ngọc Sơn chủ trì buổi làm việc của HĐQT tập đoàn với PVEP nhằm rà soát, hoàn thiện định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thống nhất các mục tiêu quản trị năm 2026



Một điểm nhấn quan trọng trong công tác điều hành quý I là PVEP đã nâng cao rõ rệt tính chủ động và khả năng thích ứng trong quản trị.

Từ kết quả quý I, có thể thấy, PVEP không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh mà còn tiếp tục khẳng định vai trò là lực lượng chủ lực của Petrovietnam trong lĩnh vực thăm dò, khai thác.

thời thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá theo chu kỳ ngày/tuần/tháng/quý gắn với phân tích thị trường để phục vụ điều hành kịp thời. Cùng với đó, việc rà soát quản trị theo khung OECD; triển khai lộ trình IFRS; thực hiện báo cáo ESG, đề án nâng cao năng suất tổng hợp; kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả; thành lập Ban Phát triển và Kinh doanh sản phẩm mới; tăng cường kiểm soát tiến độ dự án, chi phí và rủi ro. Đây chính là nền tảng giúp PVEP vận hành ổn định trong bối cảnh thị trường biến động mạnh.

Song hành với quản trị điều hành, khoa học - công nghệ, đổi

mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục phát huy vai trò trực tiếp trong hỗ trợ sản xuất. Trong quý I/2026, các giải pháp khoa học - công nghệ và chuyển đổi số đã góp phần gia tăng khoảng 290 nghìn thùng dầu, tương đương khoảng 440 tỷ đồng, thông qua tối ưu mô hình vỉa, ứng dụng công nghệ địa chấn, giám áp suất khai thác và nâng cao hiệu suất thiết bị. PVEP cũng tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng AI/ML trong minh giải địa chấn, xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, triển khai ERP, Data Lakehouse, trợ lý ảo và các nền tảng điều hành số. Việc kết hợp giữa quản trị hiện đại và công nghệ mới giúp

tổng công ty nâng cao chất lượng ra quyết định, phản ứng nhanh hơn với biến động thực tế và tối ưu hiệu quả khai thác.

Bước sang quý II, PVEP tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh thị trường năng lượng thế giới còn nhiều biến động, giá dầu có xu hướng dao động do tác động của tăng trưởng kinh tế toàn cầu, chính

sách năng lượng của các quốc gia và diễn biến địa chính trị tại một số khu vực trọng điểm. Đồng thời, hoạt động dầu khí trong nước đối mặt với các thách thức về suy giảm sản lượng tự nhiên tại các mỏ hiện hữu, yêu cầu tối ưu chi phí khai thác và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển mỏ.

Trên cơ sở đó, PVEP tập trung điều hành theo định hướng trọng tâm: bảo đảm duy trì sản lượng khai thác ổn định và tối ưu vận hành các mỏ hiện hữu; đẩy nhanh tiến độ các dự án phát triển mỏ trọng điểm và các hoạt động thăm dò - thăm lượng nhằm gia tăng trữ lượng; tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả tài chính và tối ưu danh mục đầu tư; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa - học công nghệ và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành; chủ động tìm kiếm, đánh giá các cơ hội đầu tư mới trong và ngoài nước phù hợp với chiến lược phát triển PVEP đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Bên cạnh đó, thông qua các giải pháp điều hành đồng bộ, PVEP phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 do tập đoàn giao, đặc biệt đối với các chỉ tiêu gia tăng trữ lượng, sản lượng khai thác và các chỉ tiêu tài chính.

Việc duy trì vận hành khai thác tối ưu, an toàn, gia tăng sản lượng dầu và condensate đã góp phần quan trọng tạo nguồn cung ổn định cho chuỗi chế biến, lọc hóa dầu trong nước. Trên nền tảng đó, PVEP đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong chuỗi nội bộ tập đoàn, ưu tiên nguồn đầu thô và condensate khai thác trong nước cho các nhà máy lọc hóa dầu, qua đó góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và tối ưu hiệu quả chuỗi giá trị năng lượng quốc gia. ■



Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và người lao động của PV GAS/PV GAS Logistics đã duy trì chế độ giám sát liên tục 24/7, phối hợp chặt chẽ giữa hiện trường và trung tâm điều khiển

PV GAS

Trong bối cảnh thị trường năng lượng toàn cầu tiềm ẩn nhiều biến động, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) – đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) hoàn thành nâng công suất tái hóa kho LNG Thị Vải lên mức 288 tấn/giờ, đáp ứng yêu cầu cấp khí cho phát điện mùa khô. Đồng thời, khẳng định năng lực chủ động, linh hoạt trong đảm bảo nguồn cung trong nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Sẵn sàng cung ứng khí cho phát điện mùa khô

Nâng cao năng lực hạ tầng, sẵn sàng cho cao điểm mùa khô

Ngày 2/4/2026, Chi nhánh Logistics - đơn vị trực thuộc PV GAS đã phối hợp cùng các bên liên quan hoàn thành chương trình chạy thử nâng công suất tái hóa kho LNG Thị Vải, sau các đợt triển khai vào ngày 18 - 19/3 và 1 - 2/4/2026. Kết quả cho thấy hệ thống vận hành an toàn, ổn định ở mức 288 tấn/giờ (so với công suất thiết kế ban đầu 171 tấn/giờ), tương đương khoảng 9,5 triệu Sm³/ngày, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và điều kiện vận hành.

Toàn bộ hệ thống đã được kiểm định, đánh giá theo tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, với sự giám sát của tổ chức đăng kiểm DNV. Việc nâng công suất giúp PV GAS gia tăng đáng kể năng lực cấp khí, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu huy động cho



Kho LNG Thị Vải vận hành an toàn, ổn định ở mức công suất tái hóa 288 tấn/giờ, tương đương khoảng 9,5 triệu Sm³/ngày

các nhà máy điện theo điều độ của Công ty Vận hành hệ thống điện và Thị trường điện quốc gia (NSMO) trong cao điểm mùa khô.

Khẳng định năng lực làm chủ công nghệ và vận hành LNG

Việc vận hành kho LNG Thị Vải ổn định ở mức công suất cao hơn thiết kế ban đầu đòi hỏi trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm vận hành cao. Trong suốt quá trình chạy thử, đội ngũ cán bộ, kỹ sư PV GAS đã duy trì giám sát liên tục 24/7, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các thông số vận hành then chốt như nhiệt độ, áp suất, độ rung và chuyển vị thiết bị.

Việc nâng công suất kho LNG Thị Vải có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu tiềm ẩn rủi ro. Hạ tầng này tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung cấp khí, góp phần đảm bảo nguồn nhiên liệu ổn định cho sản xuất điện tại khu vực Đông Nam Bộ.

Với nền tảng hạ tầng ngày càng hoàn thiện, năng lực vận hành được khẳng định và khả năng thích ứng linh hoạt, PV GAS tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong ngành công nghiệp khí Việt Nam, góp phần đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng quốc gia và đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng của nền kinh tế. ■

➤ NGUYỄN PHƯƠNG

NGÀNH THAN TRƯỚC “BÀI TOÁN KẸP”

Giữ sản lượng và ổn định chuỗi cung ứng

➤ BUI QUỲNH TRANG

Biến động địa chính trị và giá nhiên liệu gia tăng đang đặt ngành than trước áp lực lớn. Không chỉ bảo đảm sản lượng, yêu cầu cấp thiết là duy trì chuỗi cung ứng ổn định, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất điện và an ninh năng lượng quốc gia.

Áp lực từ biến động và năng lực thích ứng

Thị trường năng lượng thế giới đang trải qua giai đoạn biến động mạnh, khi các yếu tố địa chính trị, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông, tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng nhiên liệu toàn cầu. Giá dầu tăng cao, chi phí vận tải leo thang, kéo theo áp lực lạm phát và gia tăng chi phí đầu vào đối với nhiều ngành sản xuất, trong đó có ngành than.

Trong bối cảnh đó, tại Việt Nam, than vẫn giữ vai trò trụ cột trong sản xuất điện nên yêu cầu bảo đảm nguồn cung ổn định không chỉ là nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đơn thuần mà còn gắn trực tiếp với an ninh năng lượng quốc gia. Vì vậy, năng lực ứng phó của ngành than đang chịu sức ép ngày càng lớn.

Thực tế sản xuất, tiêu thụ quý I/2026 cho thấy, ngành than vẫn duy trì được “nhịp” ổn định. Theo báo cáo tại hội nghị điều hành sản xuất của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), trong tháng 3/2026, sản lượng than nguyên khai đạt khoảng 3,61 - 3,65 triệu tấn, vượt kế hoạch tháng; lũy kế quý I đạt trên 9,5 triệu tấn, tương đương khoảng 25 - 26% kế hoạch năm. Than tiêu thụ đạt từ 11,88 đến 12,5 triệu tấn, xấp xỉ 1/4 mục tiêu cả năm.

Những con số này phản ánh rõ khả năng tổ chức sản xuất linh hoạt, duy trì kỷ luật điều hành và tận dụng tốt các điều kiện thuận lợi như thời tiết, số ngày sản xuất. Việc tăng cường cơ giới hóa trong khai thác, nâng cao năng suất lao động và kiểm soát kỹ thuật cũng góp phần giúp nhiều đơn vị hoàn thành, thậm chí vượt kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, kết quả tích cực không đồng nghĩa với việc áp lực đã giảm. Ngược lại, chi phí đầu vào tăng mạnh do giá nhiên liệu, cùng với những bất ổn của thị trường năng lượng toàn cầu, đang đặt ngành than trước những thách thức dài hạn. Không chỉ chịu tác động từ bên ngoài, ngành còn đối mặt



Công trường khai thác than với máy xúc lớn

với khó khăn nội tại khi điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu, địa chất phức tạp hơn, kéo theo chi phí bóc xúc, đào lò và đầu tư thiết bị gia tăng.

Điều này cho thấy, “bài toán” của ngành than không còn dừng ở việc đạt sản lượng, mà đã chuyển sang yêu cầu cao hơn: duy trì sản xuất ổn định trong điều kiện chi phí tăng và rủi ro thị trường lớn.

Từ đảm bảo sản lượng đến giữ vững dòng chảy cung ứng

Bước sang quý II/2026, áp lực đối với ngành than được dự báo tiếp tục gia tăng khi thị trường

năng lượng toàn cầu chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Trước diễn biến này, yêu cầu đặt ra không chỉ dừng ở việc sản xuất đủ than mà còn phải bảo đảm dòng cung ứng liên tục, đặc biệt cho sản xuất điện, lĩnh vực tiêu thụ than lớn nhất hiện nay.

Kế hoạch tháng 4/2026 cho thấy rõ trọng tâm này khi sản lượng than nguyên khai dự kiến đạt khoảng 3,17 triệu tấn, trong khi tiêu thụ hơn 5,1 triệu tấn, riêng than cấp cho điện chiếm trên 4,1 triệu tấn. Tỷ trọng lớn này tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của than trong vận hành hệ thống điện quốc gia.

Trong điều kiện đó, việc nâng cao chất lượng điều hành chuỗi cung ứng trở thành yêu cầu cấp thiết. Ngành than phải đồng thời thực hiện nhiều giải pháp như tăng cường chế biến, pha trộn, chuẩn bị chân hàng và đa dạng hóa chủng loại than, nhằm đáp ứng linh hoạt nhu cầu của từng nhóm khách hàng, đặc biệt là các nhà máy nhiệt điện.

Song song với đó, “bài toán” logistics cũng nổi lên như một điểm nghẽn cần tháo gỡ. Từ khâu khai thác, vận chuyển đến tiêu thụ, việc đảm bảo dòng chảy thông suốt, hạn chế tồn kho cực

bộ, tránh đứt gãy chuỗi cung ứng đang trở thành yếu tố quyết định hiệu quả toàn hệ thống.

Đáng chú ý, trong chiến lược đảm bảo nguồn cung dài hạn, ngành than đã chủ động mở rộng hợp tác quốc tế. Việc làm việc trực tiếp với các nhà sản xuất lớn tại Indonesia như PT Berau Coal, PT Bukit Asam (PTBA), PT Kaltim Prima Coal (KPC), cùng các đối tác thương mại quốc tế, không chỉ nhằm rà soát các hợp đồng hiện có, mà còn hướng tới mở rộng nguồn cung ổn định, phù hợp với yêu cầu của các nhà máy nhiệt điện trong nước.

Hoạt động khảo sát thực tế tại các mỏ và cảng than quy mô lớn cũng giúp ngành có thêm cơ sở để nghiên cứu, tiếp thu mô hình khai thác, quản trị hiện đại, từ đó từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, các yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên tiếp tục được đặt ra như điều kiện tiên quyết. Việc rà soát quy trình, kiểm soát rủi ro, đẩy mạnh cơ giới hóa, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới không chỉ giúp nâng cao năng suất, mà còn là giải pháp để ngành than phát triển bền vững trong dài hạn.

Trong bối cảnh năng lượng tiếp tục là lĩnh vực nhiều biến động, việc giữ vững vai trò “trụ đỡ” của than không chỉ phụ thuộc vào sản lượng, mà nằm ở khả năng thích ứng linh hoạt và duy trì ổn định chuỗi cung ứng. Đây sẽ là yếu tố then chốt quyết định năng lực chống chịu của ngành than, cũng như góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia trong giai đoạn tới. ■

Theo báo cáo của TKV, trong tháng 3/2026, sản lượng than nguyên khai đạt khoảng 3,61 - 3,65 triệu tấn, vượt kế hoạch đề ra; lũy kế quý I đạt trên 9,5 triệu tấn, tương đương khoảng 25 - 26% kế hoạch năm. Than tiêu thụ đạt từ 11,88 đến 12,5 triệu tấn, xấp xỉ 1/4 mục tiêu cả năm. Bước sang tháng 4/2026, kế hoạch tiêu thụ dự kiến hơn 5,1 triệu tấn, trong đó khoảng 4,1 triệu tấn phục vụ sản xuất điện, tiếp tục khẳng định vai trò then chốt của than trong bảo đảm vận hành hệ thống điện và an ninh năng lượng quốc gia.



Mỏ than mở với máy móc hạng nặng

GEMADEPT
THE WAY FORWARD

Chào mừng
51 Giải phóng miền Nam
thống nhất đất nước
(30/4/1975 - 30/4/2026)
năm

CỤM CẢNG CÁI MÉP:
TOP 7 CẢNG HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ NHẤT THẾ GIỚI (WORLD BANK)
GEMALINK TIẾP NHẬN CỠ TÀU LỚN NHẤT 250.000 DWT

**CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP LINH LÂN**
Thôn Mỹ Đức, xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Giám đốc: Võ Ngọc Hân

Chào mừng kỷ niệm
51 NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2026)
năm

Công ty xi măng Long Sơn
**Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4
và Quốc tế lao động 1/5**

Công ty xi măng Long Sơn tại phường Bim Sơn tỉnh Thanh Hóa, nơi được xem là vùng nguyên liệu tốt nhất Việt Nam để sản xuất xi măng, Long Sơn có 4 dây chuyền đồng bộ, hiện đại có tổng công suất hơn 10,5 triệu tấn/năm. Công ty Xi măng Long Sơn luôn cung cấp các dòng sản phẩm chất lượng cao và ổn định đáp ứng yêu cầu và làm hài lòng khách hàng trong nước cũng như quốc tế. Bằng việc hướng đến sản xuất xanh và không ngừng học hỏi ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất và kinh doanh đã tạo thành điểm tựa để Công ty Xi măng Long Sơn tiếp tục khẳng định vị thế, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội và tạo niềm tin vững chắc trên thị trường.

Hòa chung không khí hân hoan của dân tộc chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4 và Quốc tế lao động 1/5, Công ty Xi măng Long Sơn mong muốn đồng hành và phát triển bền vững theo từng bước đi của đất nước.

ĐAM CÀ MAU[®]
HẠT NGỌC MÙA VÀNG



MỚI
CR-V e:HEV
ĐỊNH THỂ TIÊN PHONG



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI VIẾT HẢI

Địa chỉ: Thôn Mỹ Triều, phường Hà Huy Tập, tỉnh Hà Tĩnh * ĐT:02393 638 456
Email: phonghanhchinh.tongcongy@gmail.com * www.viethaigroup.net

Chào mừng kỷ niệm

51
năm

**NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2026)**



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VINACOMIN - MINERALS HOLDING CORPORATION (VIMICO)

Chủ tịch HĐQT: Nguyễn Văn Hải

Tổng Giám đốc: Trịnh Văn Tuệ

Số 193 Nguyễn Huy Tưởng - Phường Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: 024 6287 6666 - Fax: 024 6288 3333

Tổng công ty Khoáng sản – TKV (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) được thành lập ngày 27/10/1995, là doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con. Hoạt động của Tổng công ty trải rộng trên nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Hiện nay, Tổng công ty là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, với hệ thống nhà máy được đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại như: Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền, Nhà máy luyện đồng Lào Cai, Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên...

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG - CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

Lĩnh vực hoạt động: Khai thác khoáng sản; sản xuất kim loại; hóa chất; kinh doanh khoáng sản, kim loại; sản phẩm mỹ nghệ, vàng bạc, trang sức, du lịch...

Các sản phẩm chính gồm có: đồng cathode 99,95% Cu, kẽm thời 99,95% Zn, thiếc thời 99,95% Sn, vàng 99,98% Au, bạc 99,9% Ag, axit sunfuric 93% H₂SO₄, gang đúc, các sản phẩm Fero, ôxit kẽm, sunfua chì, các loại tinh quặng khác, phôi thép cán nóng các loại...

TỔNG CÔNG TY ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC ĐĂNG VÀ NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG NHIỀU DANH HIỆU THI ĐUA VÀ PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

- Huân chương Độc lập hạng: Nhì, Ba
- Huân chương Lao động hạng: Nhất; Nhì; Ba
- Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công Thương
- Bằng khen của Chính phủ; địa phương; bộ; ngành; Tập đoàn TKV cho các tập thể và cá nhân.

51 GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2026)



35 NĂM
VEDAN
Since 1991 in Vietnam
TRI AN

Chào Mừng
51 NĂM
NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC 30/04
& QUỐC TẾ LAO ĐỘNG 01/05



Thương hiệu sản phẩm: Nước chấm cá cơm Vedan, Nước chấm Vedan, Tương ớt Vedan, Kê Hào Sào Sủi Dẻo Vedan, Hạt nêm: Tôm Rêu Vedan, Mỳ tôm, Mỳ hợp loại v v bột ngọt Vedan, Bột ngọt Vedan, Hạt nêm Rêu heo Vedan, Hạt nêm nấm hương rau củ, Bột chiên giòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: +84.251.3825111 | Fax: +84.251.3825138 | Website: http://vedan.com.vn



VẬN CHUYỂN
DẦU THÔ



VẬN CHUYỂN
DẦU SẢN PHẨM/HÓA CHẤT



VẬN TẢI
KHÍ HÓA LỎNG



VẬN TẢI
HÀNG RỜI (THAN)



DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ



DỊCH VỤ
HÀNG HẢI VÀ LOGISTICS



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà Phú Mỹ, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 3911 1301 | Fax: +84 28 3911 1300 | Mail: info@pvtrans.com | Web: www.pvtrans.com



CÔNG TY CP HALCOM VIỆT NAM

Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, Hà Nội
Website: www.halcom.vn Điện thoại: 024.3562.4709

Được thành lập năm 2001, sau gần 25 năm hình thành và phát triển, Công ty CP Halcom Việt Nam (HALCOM) đã từng bước khẳng định vị thế vững chắc trong lĩnh vực Đầu tư và Tư vấn Phát triển Hạ tầng - Đô thị. Với tầm nhìn trở thành tập đoàn tiên phong về phát triển bền vững Hạ tầng và Đô thị tại khu vực Đông Nam Á, HALCOM không ngừng đổi mới, minh bạch và cam kết mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng và xã hội. HALCOM xây dựng và kiên định với triết lý kinh doanh “*Không săn lùng lợi nhuận bằng mọi cách, kinh doanh bền vững khi các bên đều hưởng lợi*”. Hành trình phát triển của HALCOM luôn gắn liền với tinh thần “**Vươn cùng thời đại**”.





NHỰA BÌNH MINH®

GẦN 50 NĂM ĐỒNG HÀNH CÙNG HÀNG TRIỆU CÔNG TRÌNH

Chuẩn quốc tế

An toàn cho nước uống

Độ bền cao



PHUMY
Cho mùa bội thu

HỮU CƠ PHUMY



Động lực nền tảng 
chuỗi giá trị Dầu khí



Năng lực điều hành
hoạt động dầu khí
khắp toàn cầu

Chuyên nghiệp,
hiệu quả, đóng góp
quan trọng cho
phát triển kinh tế
đất nước

Góp phần
tích cực đảm bảo
an sinh xã hội,
an ninh năng
lượng quốc gia

Cam kết mạnh mẽ,
hành động trách nhiệm
vì một môi trường
bền vững



TỔNG CÔNG TY THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ

www.pvep.com.vn

Trụ sở: Tầng 26, Tòa nhà CharmVit, 117 Trần Duy Hưng, Yên Hòa, Hà Nội | Tel: 024 - 37726001 | Fax: 024 - 37726027 | Email: pvep.hn@pvep.com.vn



PHẤN BÓN CÀ MAU®
HẠT NGỌC MÙA VÀNG

Chung Một Niềm Tin Vườn Mình Phát Triển



WWW.PVCFC.COM.VN

Quét QR CODE
tìm hiểu thêm thông tin





Nhà thầu khoan Việt Nam

tiên phong trong ngành khoan dầu khí



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN
VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Tel: +84 - 28 - 39 142 012

Fax: +84 - 28 - 39 142 021 / 39 142 022

Web: www.pvdrilling.com.vn

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

HÀNH TRÌNH THẮP LỬA NON SÔNG



HDBank

Cam kết lợi ích cao nhất

MỞ TÀI KHOẢN DOANH NGHIỆP

NHẬN NGAY ƯU ĐÃI PHÍ

KHỞ ĐẦU THÔNG MINH – KINH DOANH BỀN VỮNG

+10 Triệu Đồng



ĐĂNG KÝ NGAY

HDBank đang triển khai chương trình "Mở tài khoản Doanh nghiệp – Nhận ngay ưu đãi phí" với nhiều ưu đãi hấp dẫn.

Doanh nghiệp mới nhận ưu đãi phí từ 5 - 10 triệu đồng, tùy loại hình. Doanh nghiệp giới thiệu khách hàng mới được tặng 3 triệu đồng/lượt, không giới hạn số lần.

Chương trình giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, gia tăng lợi nhuận và phát triển bền vững. HDBank cam kết đồng hành, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, khẳng định vai trò đối tác tài chính chiến lược trong hành trình kinh doanh thành công.

*Điều kiện & điều khoản theo quy định HDBank

THILOGI

NHÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ LOGISTICS TRỌN GÓI

THÀNH VIÊN CỦA
CÁC TỔ CHỨC



ỦY BAN HÀNG HẢI
LIÊN BANG HOA KỲ



LIÊN MINH HÀNG HÓA THẾ GIỚI



LIÊN ĐOÀN CÁC HIỆP HỘI
GIAO NHẬN VẬN TẢI QUỐC TẾ



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP
DỊCH VỤ LOGISTICS VIỆT NAM



CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ TRƯỜNG HẢI

VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH

📍 Toà nhà Sadora, Số 2, đường số 13,
P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh
☎ (+84) 902 845 789

VĂN PHÒNG CHU LAI

📍 KCN Cảng và Hậu cần Cảng Chu Lai,
xã Núi Thành, TP. Đà Nẵng
☎ (+84)936 221 135

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

📍 386 Nguyễn Văn Linh,
P. Phúc Lợi, TP. Hà Nội
☎ (+84)866 268 921

VĂN PHÒNG GIA LAI

📍 15 Trường Chinh, P. Pleiku,
Tỉnh Gia Lai
☎ (+84)933 805 738





Chào mừng

51

năm

**NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
30/4/1975 - 30/4/2026**



TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

TRỤ SỞ CHÍNH: Lô D, Khu D1, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội

CN Thanh Hoá: NHÀ MÁY Ô TÔ VEAM, Khu 6 - P. Bắc Sơn - Thanh Hoá; Hotline: 1900 886 816

 **PETROLIMEX**



XANH HƠN, SẠCH HƠN
CÙNG TIẾN XA HƠN

Báo Công Thương

■ Tòa soạn: 655 Phạm Văn Đồng, phường Nghĩa Đô, TP. Hà Nội
ĐT: 024. 39366400 - Fax: 024. 39366402
Email: thukytoasoanbaocct@gmail.com

■ Tổng Biên tập: **NGUYỄN VĂN MINH** * Phó Tổng Biên tập: **NGUYỄN TIẾN CƯỜNG - NGUYỄN THỊ THÙY LINH**

■ Văn phòng đại diện phía Nam: 12 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh * ĐT: 028.39144258

■ Văn phòng đại diện miền Trung: 7B Cách Mạng Tháng Tám, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3788859

■ Giấy phép xuất bản: Số 276/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 4/8/2023
■ Kỳ hạn xuất bản: 1 kỳ/tháng - Kích thước: 29x41,5cm - Số trang: 64
■ In tại Công ty TNHH MTV In Báo Hà Nội mới

Giá: 18.000 đồng